

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**


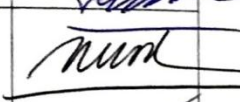


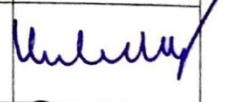
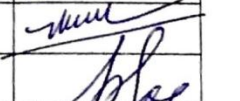
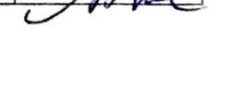
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)


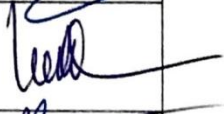
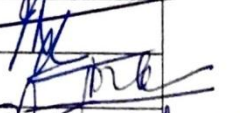
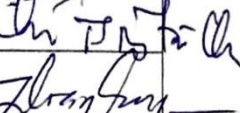

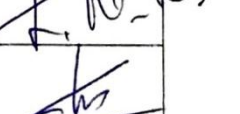
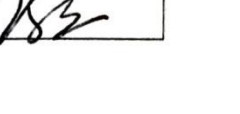

Đồng Nai-05/2017

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHLH ngày 18 tháng 02 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Lâm Thành Hiền	Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Đào tạo	Chủ tịch	
2	TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng - Phụ trách ĐBCL, Phó Chủ tịch công đoàn	Phó Chủ tịch	
3	ThS. Nguyễn Thụy Mai Trâm	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký	
4	Ô. Nguyễn Trùng Phương	Bí thư Đảng Ủy Trường	Ủy viên	
5	NGƯ.TS. Nguyễn Thị Thu Lan	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
6	TS. Diệp Cẩm Thu	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Thanh tra	Ủy viên	
7	CN. Trần Minh Mẫn	Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	Ủy viên	
8	CN. Trần Thị Mỹ Hương	Trưởng phòng Tài chính	Ủy viên	
9	TS. Huỳnh Trung Tâm	Trưởng phòng Quan hệ quốc tế	Ủy viên	
10	ThS. Nguyễn Hồ Xuân Hương	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên	
11	ThS. Huỳnh Cao Tuấn	Giám đốc Trung tâm Thông tin tư liệu	Ủy viên	
12	ThS. Châu Quang Trọng	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên	
13	ThS. Lê Sơn Quang	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên	
14	PGS.TS Trần Văn Lăng	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Ủy viên	
15	TS. Huỳnh Đức Lộ	Trưởng khoa Tài chính - Kế toán	Ủy viên	
16	TS. Nguyễn Văn Tân	Trưởng khoa Quản trị - Kinh tế Quốc tế	Ủy viên	
17	TS. Lê Thu Thủy	Trưởng khoa Sau đại học	Ủy viên	
18	PGS.TS Đào Xuân Lộc	Trưởng khoa Kỹ thuật công trình	Ủy viên	

19	TS. Nguyễn Vũ Quỳnh	Trưởng khoa Cơ điện - Điện tử, Trưởng phòng NCKH	Ủy viên	
20	TS. Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long	Trưởng khoa Kỹ thuật Hóa học và Môi trường	Ủy viên	
21	ThS. Ngô Thị Xuân Liên	Trưởng khoa Ngôn ngữ Anh	Ủy viên	
22	TS. Nguyễn Thị Anh	Trưởng khoa Đông phương	Ủy viên	
23	TS. Nguyễn Tài Chí	Trưởng khoa Dược	Ủy viên	
24	ThS. Nguyễn Hoàng Huy	Giảng viên khoa Cơ điện - Điện tử	Ủy viên	
25	ThS. Lưu Ngọc Liêm	Giảng viên khoa Quản trị - Kinh tế Quốc tế	Ủy viên	
26	TS. Trần Dũng	Trưởng bộ phận QHDN&HTSV, Phòng Đào tạo	Ủy viên	
27	CN. Lê Thị Hiếu	Trưởng ban quản lý Khu nội trú	Ủy viên	
28	TS. Nguyễn Thanh Lâm	Phó Trưởng phòng NCKH	Ủy viên	

Danh sách này có tất cả 28 thành viên

MỤC LỤC

Phần 1. Đặt vấn đề.....	9
Phần 2. Tổng quan chung.....	11
Phần 3. Tự đánh giá của nhà trường.....	13
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học.....	13
Tiêu chí 1.1.....	13
Tiêu chí 1.2.....	16
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý.....	18
Tiêu chí 2.1.....	19
Tiêu chí 2.2.....	22
Tiêu chí 2.3.....	25
Tiêu chí 2.4.....	27
Tiêu chí 2.5.....	31
Tiêu chí 2.6.....	32
Tiêu chí 2.7.....	34
Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo.....	35
Tiêu chí 3.1.....	36
Tiêu chí 3.2.....	38
Tiêu chí 3.3.....	40
Tiêu chí 3.4.....	41
Tiêu chí 3.5.....	43
Tiêu chí 3.6.....	44
Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo.....	46
Tiêu chí 4.1.....	46
Tiêu chí 4.2.....	48
Tiêu chí 4.3.....	49
Tiêu chí 4.4.....	51
Tiêu chí 4.5.....	54
Tiêu chí 4.6.....	56
Tiêu chí 4.7.....	58

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.....	60
Tiêu chí 5.1.....	60
Tiêu chí 5.2.....	63
Tiêu chí 5.3.....	65
Tiêu chí 5.4.....	67
Tiêu chí 5.5.....	69
Tiêu chí 5.6.....	72
Tiêu chí 5.7.....	74
Tiêu chí 5.8.....	75
Tiêu chuẩn 6. Người học.....	78
Tiêu chí 6.1.....	78
Tiêu chí 6.2.....	80
Tiêu chí 6.3.....	84
Tiêu chí 6.4.....	88
Tiêu chí 6.5.....	92
Tiêu chí 6.6.....	96
Tiêu chí 6.7.....	98
Tiêu chí 6.8.....	103
Tiêu chí 6.9.....	106
Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	107
Tiêu chí 7.1.....	108
Tiêu chí 7.2.....	110
Tiêu chí 7.3.....	112
Tiêu chí 7.4.....	114
Tiêu chí 7.5.....	116
Tiêu chí 7.6.....	119
Tiêu chí 7.7.....	121
Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế.....	123
Tiêu chí 8.1.....	124

Tiêu chí 8.2.....	126
Tiêu chí 8.3.....	130
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	132
Tiêu chí 9.1.....	132
Tiêu chí 9.2.....	135
Tiêu chí 9.3.....	136
Tiêu chí 9.4.....	138
Tiêu chí 9.5.....	140
Tiêu chí 9.6.....	141
Tiêu chí 9.7.....	142
Tiêu chí 9.8.....	143
Tiêu chí 9.9.....	144
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính.....	146
Tiêu chí 10.1.....	146
Tiêu chí 10.2.....	148
Tiêu chí 10.3.....	151
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	169
Phụ lục 4. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục	171
I. Thông tin chung của nhà trường.....	171
II. Giới thiệu khái quát về nhà trường.....	172
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.....	189
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	196

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh trật tự
BGH	: Ban giám hiệu
CBGV	: Cán bộ giảng viên
CB-GV-NV	: Cán bộ, giảng viên, nhân viên
CBQL	: Cán bộ quản lý
CĐ	: Cao đẳng
CĐR	: Chuẩn đầu ra
CGCN	: Chuyển giao công nghệ
CNTT	: Công nghệ thông tin
CSVC	: Cơ sở vật chất
CSV	: Cựu sinh viên
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CTSV	: Công tác sinh viên
DN	: Doanh nghiệp
ĐBCL	: Đảm bảo chất lượng
GDDH	: Giáo dục đại học
GD&ĐT	: Giáo dục và Đào tạo
GV	: Giảng viên
GVCN	: Giáo viên chủ nhiệm
GVCN/CVHT	: Giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập
GS	: Giáo sư
HTQT	: Hợp tác quốc tế
KHCL	: Kế hoạch chiến lược
KHCN	: Khoa học công nghệ
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
PGS	: Phó Giáo sư
PPGD	: Phương pháp giảng dạy

PTN	: Phòng thí nghiệm
SV	: Sinh viên
TDTT	: Thể dục thể thao
ThS	: Thạc sĩ
TS	: Tiến sĩ
UBND	: Ủy ban nhân dân
VLVH	: Vừa làm vừa học

Phần 1. Đặt vấn đề

ĐBCL và kiểm định chất lượng là một yêu cầu không thể thiếu đối với các cơ sở giáo dục trong quá trình phát triển của mình nhất là trong điều kiện xã hội ngày càng quan tâm đến chất lượng của các cơ sở giáo dục thông qua các kết quả kiểm định. Điều này tạo ra cơ hội và cũng là thách thức không nhỏ đối với các cơ sở giáo dục đại học trong việc xác lập vị trí của mình trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

Trường Đại học Lạc Hồng nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động ĐBCL và xác định đây là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường. Năm 2008, trường đã thành lập bộ phận ĐBCL thuộc Phòng NCKH, Sau đại học và Kiểm định chất lượng theo quyết định số 164/QĐ-ĐHLH ngày 20/5/2008. Sau đó, năm 2012, Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng đã ra Quyết định số 511/QĐ-ĐHLH ngày 01/8/2012 thành lập Phòng Khảo thí và ĐBCL.

Tự đánh giá là một trong những nhiệm vụ của hoạt động ĐBCL trong nhà trường. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng và nhiệm vụ được giao và phục hợp với sứ mạng đã được xác định.

Mục đích tự đánh giá

- Công tác tự đánh giá giúp nhà trường phân tích và có cách đánh giá chính xác về điểm mạnh, điểm tồn tại của từng lĩnh vực, từ đó xác định nguyên nhân và có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục những tồn tại đó nhằm đạt được các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

- Là cơ sở để trường thực hiện đăng ký đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục và được kiểm định chất lượng giáo dục ĐH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục của Bộ GD&ĐT.

- Cung cấp các thông tin chính xác về các hoạt động của trường cho lãnh đạo và các đơn vị trực thuộc để cải tiến chất lượng các hoạt động, từng bước xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

Quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá

Công tác tự đánh giá của trường Đại học Lạc Hồng được tiến hành theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách theo Quyết định số 317/QĐ-ĐHLH ngày 29/4/2016 và được điều chỉnh lại theo quyết định số 125/QĐ-ĐHLH ngày 18/02/2017 do một số thay đổi về nhân sự.

Trường cũng ban hành Kế hoạch số 68/KH-ĐHLH ngày 09/9/2016 về Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường Đại học Lạc Hồng trong đó có phân công nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan thu thập minh chứng, viết các phiếu phân tích, đánh giá, báo cáo của 61 tiêu chí; hướng dẫn quy trình thực hiện; kế hoạch huy động các nguồn lực; tiến độ triển khai tự đánh giá theo Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; công cụ đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn khác.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Trong quá trình đánh giá, nhà trường dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học. Đối với mỗi tiêu chí nhà trường xem xét theo cách sau:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của tiêu chí.
- Phân tích, so sánh, đánh giá để đi đến những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại.
- Lên kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Sau khi hoàn thành cuốn báo cáo tự đánh giá, Nhà trường công bố trong nội bộ cơ sở giáo dục để phổ biến, tiếp nhận các ý kiến phản hồi của CB-GV-NV và SV trong toàn trường, hoàn thiện cuốn báo cáo trước khi gửi đến Trung tâm Kiểm định chất lượng GDDH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Lợi ích của tự đánh giá

Phần 2. Tổng quan chung

Trường Đại học Lạc Hồng là một cơ sở giáo dục đa ngành, đa cấp học; gắn đào tạo với NCKH, CGCN trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế và xã hội nhân văn. Nhà trường đảm bảo cung cấp và chăm lo những điều kiện học tập có chất lượng cho mọi người có nhu cầu đào tạo và đào tạo lại; mặt khác đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và hiểu biết chính trị - xã hội cho thị trường lao động của tỉnh Đồng Nai nói riêng, cả nước nói chung.

Trường được thành lập theo Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 22/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1801/QĐ-TTg về việc chuyển đổi trường Đại học dân lập Lạc Hồng sang loại hình trường đại học tư thục.

Trường hiện có 6 cơ sở tọa lạc trên trục đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Các cơ sở gần nhau thuận tiện cho người học trong quá trình học tập tại trường.

Hiện nay, Trường có 12 phòng ban chức năng, 6 trung tâm, ký túc xá và 11 khoa với 20 ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, ngôn ngữ.

➤ Sứ mạng:

Trường Đại học Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, NCKH ứng dụng, CGCN đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế

➤ Mục tiêu

Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu KHCN tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học trình độ CĐ, đại học, sau đại học chất lượng cao theo nhu cầu xã hội; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề

nghiệp; có các kỹ năng mềm về tin học, ngoại ngữ; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nguồn nhân lực được nhà trường đào tạo có khả năng học tập nâng cao trình độ; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; từng bước tự đào tạo thành nhà quản lý.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng nhân tài có trình độ cao về lý thuyết và thực hành; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo; phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ; có khả năng học tập sau đại học trong và ngoài nước

➤ **Tôn chỉ**

Đạo đức – Trí tuệ - Sáng tạo

Phần 3. Tự đánh giá của nhà trường

Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Mở đầu

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Lạc Hồng được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của nhà trường; đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương và của cả nước. Các mục tiêu giáo dục của Nhà trường được cụ thể hóa trong sứ mạng và luôn được điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Nai và khu vực trong từng giai đoạn.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của Trường Đại học Lạc Hồng được công bố trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị [H1.1.1.1], cụ thể là: “Trường Đại học Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế”

Nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu chiến lược mà trường đã đề ra, các đơn vị đã xây dựng kế hoạch phát triển đơn vị dựa trên KHCL phát triển của Nhà trường [H1.1.1.2].

Nhà trường đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến sứ mạng của trường đến CB-GV-NV, người học thông qua việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, thông báo bằng văn bản giấy và trên trang thông tin điện tử của trường (<https://lhu.edu.vn>) [H1.1.1.3], treo bảng tuyên bố sứ mạng của trường tại các cơ sở [H1.1.1.4]. Ngoài ra, Trường còn phổ biến nội dung sứ mạng của mình tới SV trong các buổi sinh hoạt lớp của GVCN [H1.1.1.5].

Sứ mạng của Trường được xác định là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường. Điều này thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H1.1.1.6], trong các chiến lược phát triển Trường Đại học Lạc Hồng ở các lĩnh vực đào tạo, khảo thí và ĐBCL, NCKH và CGCN, phát triển cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, hoạt động HTQT, CSVC, tài chính... của trường [H1.1.1.7].

Hiện tại, Trường Đại học Lạc Hồng có đội ngũ CBGV, nhân viên cơ hữu vững mạnh với tổng số 472 CBGV trong đó 17 thầy cô là GS, PGS, 87 người có trình độ TS, 222 người có trình độ ThS, 146 người có trình độ Cử nhân, Kỹ sư [H1.1.1.8].

Về CSVC, hiện tại, Trường Đại học Lạc Hồng đã xây dựng được hệ thống CSVC đủ cho 20.000 SV theo học tại 6 cơ sở ở thành phố Biên Hòa. Toàn trường có 134 giảng đường, phòng học được trang bị đầy đủ hệ thống đèn điện, máy chiếu và các thiết bị giảng dạy khác. Trường xây dựng riêng cơ sở 6 trở thành trung tâm nghiên cứu và CGCN với hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm được vận hành theo tiêu chuẩn 3S. Ngoài ra, trường còn có thư viện truyền thống và điện tử hiện đại với số lượng tài liệu giáo trình phong phú, 1.500 máy tính kết nối internet... Các nguồn lực con người cũng như CSVC của trường hoàn toàn phù hợp để thực hiện tốt sứ mạng mà Nhà trường đề ra.

Sứ mạng của trường cũng hoàn toàn phù hợp và gắn kết với chiến lược của địa phương và của cả nước. Trong Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII nhiệm kỳ 2015-2020 xác định rõ phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu trong đó có nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh và phát triển kinh tế tri thức. Chú trọng đào tạo nhân lực có trình độ cao, CBQL giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề; đào tạo nguồn nhân lực cho nông thôn để thực hiện việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới [H1.1.1.9].

Với các nội dung đã xác định, sứ mạng của trường cũng hoàn toàn phù hợp với Chiến lược phát triển của Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 [H1.1.1.10]. Trong chiến lược phát triển của Giáo dục Việt Nam có nội dung

“GD&ĐT có sứ mệnh nâng cao cho dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần quan trọng xây dựng đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam”. Với các nội dung “cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, sứ mạng của trường đã bám rất sát với định hướng phát triển giáo dục đào tạo của cả nước, góp phần thực hiện tốt định hướng chiến lược này.

Có thể khẳng định qua nhiều lần nghiên cứu và điều chỉnh, sứ mạng của trường qua các giai đoạn hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của trường, luôn gắn kết với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai và của cả nước trong lĩnh vực đào tạo, phát triển và cung cấp nguồn nhân lực cho cả nước nói chung và các khu công nghiệp trọng điểm phía Nam nói riêng.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng của trường được xác định hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường đồng thời theo sát với các chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai cũng như cả nước.

Sứ mạng của Nhà trường có sự tham gia thảo luận và góp ý của các cấp lãnh đạo quản lý nên nhận được sự đồng thuận cao trong toàn trường.

Việc tuyên truyền, phổ biến sứ mạng đến CB-GV-NV và SV trong trường được thực hiện với nhiều hình thức phong phú.

3. Tồn tại

Tỉ lệ CBGV có trình độ GS, PGS và TS còn ít so với quy mô phát triển của Nhà trường. Một bộ phận CBGV chưa tự giác tham gia các CTĐT nâng cao trình độ tại nước ngoài.

Tần suất tuyên truyền sứ mạng chưa thường xuyên. Một bộ phận CBGV, SV chưa quan tâm đến nội dung sứ mạng đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017-2020, Nhà trường thực hiện nhiều kế hoạch nhằm nâng cao tỉ lệ CBGV có trình độ từ TS trở nên bằng cách ban hành các chính

sách hỗ trợ thích đáng cho những cán bộ học tập tại nước ngoài như hưởng phụ cấp 100% lương trong thời gian đi học tại nước ngoài, có chính sách hỗ trợ vay vốn trong thời gian đi học...

Mỗi năm, Phòng Tổ chức Hành chính đều tổ chức một đợt học tập quy chế của Nhà trường cho toàn thể CB-GV-NV trong đó có một chuyên đề giới thiệu về nội dung sứ mạng, mục tiêu cũng như các chiến lược phát triển của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Mục tiêu của trường Đại học Lạc Hồng được công bố trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị [H1.1.2.1] có các nội dung sau:

“Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu KHCN tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học chất lượng cao theo nhu cầu xã hội; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có các kỹ năng mềm về tin học, ngoại ngữ; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nguồn nhân lực được nhà trường đào tạo có khả năng học tập nâng cao trình độ; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; từng bước tự đào tạo thành nhà quản lý.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng nhân tài có trình độ cao về lý thuyết và thực hành; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo; phát hiện và giải quyết

những vấn đề mới về khoa học, công nghệ; có khả năng học tập sau đại học trong và ngoài nước”.

Mục tiêu của trường Đại học Lạc Hồng được xác định phù hợp với Mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH [H1.1.2.2].

Những nội dung đề ra trong mục tiêu của trường cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mạng mà trường đã tuyên bố. Từ sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng nên những mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2013-2020 [H1.1.2.3]

Trong quá trình xây dựng mục tiêu, Nhà trường tạo điều kiện và khuyến khích các CBGV tham gia xây dựng và điều chỉnh để hoàn thành mục tiêu của trường [H1.1.2.4].

Vào cuối mỗi năm học, Nhà trường đều tiến hành tổng kết các hoạt động qua đó rà soát lại kết quả thực hiện các mục tiêu của nhà trường trong năm học. Từ kết quả đối chiếu đó, lãnh đạo Nhà trường có những điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế của trường và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai cũng như của cả nước [H1.1.2.5].

Công tác tuyên truyền, phổ biến mục tiêu đào tạo của trường được thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức học công dân đầu khóa cho SV mới nhập học trong đó có phổ biến mục tiêu giáo dục của trường đồng thời từng khoa sẽ có buổi gặp gỡ SV và phổ biến rõ hơn cho SV biết mục tiêu giáo dục của khoa [H1.1.2.6]. Các nội dung của mục tiêu giáo dục đều được công bố cụ thể trên Website của trường tại địa chỉ <http://www.lhu.edu.vn>.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Trường rõ ràng, được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục, Luật GDĐH và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của trường và yêu cầu của xã hội.

Mục tiêu giáo dục của trường được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong CBGV và SV toàn trường thông qua các hình thức tuyên truyền cụ thể.

3. Tồn tại

Tần suất tuyên truyền mục tiêu chưa thường xuyên. Một bộ phận CBGV, SV chưa quan tâm đến các mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Mục tiêu của trường chưa được phổ biến rộng rãi đến các cơ quan DN và các đơn vị ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Mỗi năm, Phòng Tổ chức Hành chính đều tổ chức một đợt học tập quy chế của Nhà trường cho toàn thể CBGV, nhân viên trong đó có một chuyên đề giới thiệu về nội dung sứ mạng, mục tiêu cũng như các chiến lược phát triển của Nhà trường.

Hàng năm, vào mỗi đợt tư vấn tuyển sinh, gặp gỡ và hội thảo với các DN, những cán bộ phụ trách công tác tuyển sinh và Bộ phận Quan hệ DN và Hỗ trợ SV có trách nhiệm phổ biến mục tiêu của trường đến các trường phổ thông trong cả nước, các cơ quan DN có quan hệ hợp tác với trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận tiêu chuẩn 1

Sứ mạng và mục tiêu của trường Đại học Lạc Hồng được xác định cụ thể rõ ràng qua các văn bản, được công bố rộng rãi đến cán bộ, GV và SV trong trường. Nội dung của sứ mạng hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với các chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai và cả nước. Mục tiêu của trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của trường.

Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý

Mở đầu

Trường Đại học Lạc Hồng được tổ chức và quản lý phù hợp với Luật Giáo dục, Luật GDDH, Điều lệ trường đại học và theo các quy định của Bộ GD&ĐT, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về tổ chức và hoạt động của trường đại học tu thực. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường được thực hiện theo đúng quy định hiện hành và điều kiện thực tế, được cụ thể hóa trong Quy chế Tổ chức và hoạt

động của Trường Đại học Lạc Hồng. Trường đã ban hành hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý các hoạt động của Nhà trường một cách hiệu quả; có sự phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, CBQL, GV và nhân viên; Trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, sứ mạng của nhà trường. Cùng với Hội đồng quản trị, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của trường có kế hoạch hoạt động có hiệu quả, nội dung hoạt động đa dạng, phong phú đáp ứng được nguyện vọng của CB-GV-NV và SV, thực hiện có hiệu quả sứ mạng, mục tiêu GDDH mà Nhà trường đề ra.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường thành lập theo Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Nhà trường đã hoạt động theo loại hình trường đại học dân lập cho đến ngày 22/10/2015, Trường Đại học Lạc Hồng chính thức được chuyển đổi từ loại hình đại học dân lập sang đại học tư thục theo Quyết định số 1801/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Dân lập Lạc Hồng [H2.2.1.1].

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lạc Hồng hợp lý, rõ ràng, đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật GDDH, theo Điều lệ trường đại học số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với đặc thù của một trường đại học tư thục. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lạc Hồng gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Phòng, ban chức năng; Khoa và bộ môn; Tổ chức khoa học và công nghệ; các Trung tâm; Hội đồng khoa học và đào tạo, các Hội đồng tư vấn, các tổ chức Đảng (Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc), Đoàn thể. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lạc Hồng và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng gồm có 6 Chương, 84 Điều đã được Hội đồng quản trị phê duyệt [H2.2.1.2] theo

Quyết định số 13/QĐ.ĐHLH.K1 ngày 30/01/2016 Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng [H2.2.1.3].

Cơ cấu tổ chức hiện nay của Trường, có sơ đồ tổ chức đính kèm [H2.2.1.4].

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2020, trong đó định hướng phát triển như sau :”Tích cực đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, bao gồm: đổi mới tư duy, đổi mới mục tiêu đào tạo, hệ thống tổ chức; nội dung, phương pháp dạy và học, cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ GV, cán bộ quản lý; CSVN, nguồn lực, điều kiện ĐBCL đào tạo trong toàn hệ thống Nhà trường” [H2.2.1.5].

Nhà trường phấn đấu đạt cơ sở GDDH định hướng ứng dụng từ 2015 trở đi. Đến năm 2020 vừa đạt một phần định hướng nghiên cứu và tăng dần đến năm 2030 thì hoàn toàn định hướng nghiên cứu [H2.2.1.6].

Cơ cấu tổ chức của trường đã được điều chỉnh cho phù hợp với đòi hỏi mới của yêu cầu thực tế theo chiến lược phát triển của nhà trường. Cơ cấu tổ chức Trường được xây dựng hợp lý, rõ ràng, đúng quy định, phù hợp với đặc thù của một trường đại học tư thục. Hiện nay Nhà trường có Hội Đồng quản trị gồm 1 chủ tịch và 08 thành viên, có Ban Kiểm soát gồm 1 Trưởng ban và 02 thành viên, BGH gồm 1 Hiệu trưởng và 04 Phó hiệu trưởng được phân công hợp lý, hoạt động hiệu quả, rõ ràng [H2.2.1.7]. Các cá nhân được bổ nhiệm đều thỏa mãn đầy đủ các tiêu chí quy định về tuổi đời, trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, phẩm chất đạo đức chính trị theo quy định Luật GDDH, Điều lệ trường đại học và có Nghị Quyết của Hội đồng quản trị, Quyết định công nhận theo quy định [H2.2.1.8].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về các hoạt động đào tạo, KHCN, phát triển đội ngũ. Hiện nay, Toàn trường có 29 đơn vị, bao gồm: 12 phòng, ban chức năng; 11 khoa, 6 trung tâm [H2.2.1.9]. Trường có tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội SV).

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với BGH và các đơn vị trong trường dựa trên nguyên tắc tập trung, dân chủ và minh bạch [H2.2.1.10]; được thể hiện qua sơ đồ cơ cấu tổ chức trong nhà trường. Từ cơ cấu tổ chức như trên việc phân công, điều hành công việc được đồng bộ, chặt chẽ và khoa học. Trường Đại học Lạc Hồng đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ từng đơn vị và cán bộ quản lý đơn vị trong trường.

Các quy định trên về tổ chức và quản lý các hoạt động của nhà trường được ban hành thống nhất và được Hiệu trưởng phê duyệt, được phổ biến đến từng thành viên trong Nhà trường thông qua website của trường <https://app.lhu.edu.vn/?ur=http://me.lhu.edu.vn>, tập huấn, Hội nghị người lao động hàng năm, họp giao ban (tháng / 1 lần), họp GVCN...Hàng năm, các đơn vị đều có báo cáo tổng kết thực hiện công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao và đề ra phương hướng kế hoạch thực hiện công tác năm sau [H2.2.1.11].

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức, nhu cầu thực tế phát triển của Trường và để đáp ứng yêu cầu của xã hội, Nhà trường đã sắp xếp và thành lập thêm một số đơn vị chức năng nhằm đáp ứng yêu cầu đối với GDDH và đảm bảo hoạt động của nhà trường ngày càng hiệu quả và phát triển. Năm 2012, thành lập Phòng Khảo thí và ĐBCL, Phòng NCKH và Sau đại học trên cơ sở tách Phòng NCKH – Sau đại học và Kiểm định chất lượng; năm 2013, thành lập Trung tâm Đào tạo Kỹ năng mềm, tiếp tục tách Phòng NCKH và Sau đại học thành 2 phòng: Phòng NCKH, Phòng Sau đại học; năm 2014, nâng cấp Phòng Sau đại học thành Khoa Sau đại học, thành lập Trung tâm NCKH và Ứng dụng, thành lập Khoa Tài chính – Kế toán trên cơ sở sáp nhập Khoa Kế toán – Kiểm toán và Khoa Tài chính – Ngân hàng. Năm 2016, thành lập Văn phòng Hiệu trưởng [H2.2.1.12]. Các đơn vị chức năng được thành lập và các chức danh cán bộ lãnh đạo trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng phòng, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm đúng quy định [H2.2.1.13].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý, rõ ràng và theo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật GDDH và Điều lệ trường đại học; phù hợp với thực tế

và tình hình phát triển của trường đại học tư thục, được thể chế hóa bằng các quy chế hoạt động đã phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị. Nhờ cơ cấu tổ chức rõ ràng, đúng quy định nên đảm bảo hoạt động đồng bộ; công việc được giải quyết nhanh chóng và ngày càng phát huy hiệu quả cao.

Trường có Quy chế tổ chức và hoạt động đã được phê duyệt và ban hành đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Tồn tại

Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của một vài bộ phận chưa kịp thời. Trong giai đoạn 2017-2020 Nhà trường sẽ thành lập, sáp nhập, chia tách các đơn vị trong trường theo xu thế hòa nhập GDDH quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017-2020, Phòng Hành chính – Tổ chức, Phòng Đào tạo sẽ rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Từ khi thành lập đến nay, hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý được Nhà trường luôn chú trọng, đã lần lượt được soạn thảo, điều chỉnh, bổ sung, ban hành phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển của đơn vị và quy định của pháp luật hiện hành như:

Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Lạc Hồng ban hành năm 2002, điều chỉnh năm 2011 [H2.2.2.1] và soạn thảo mới năm 2016 [H2.2.1.2] để đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà trường trong từng thời kỳ, chuyển đổi từ trường đại học loại hình dân lập sang tư thục;

Quy định về công tác hành chính Trường Đại học Lạc Hồng ban hành năm 2008, bổ sung năm 2015, 2016 [H2.2.2.2]; Quy định nội quy Trường ban hành năm 2010, điều chỉnh năm 2013 [H2.2.2.3]; Quy định chế độ làm việc đối với cán bộ, nhân viên [H2.2.2.4]; ban hành Quy định chế độ làm việc của GV năm 2012, điều chỉnh năm 2013 [H2.2.2.5]; Quy định chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ

hè và nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội [H2.2.2.6] theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội;

Quyết định về việc ban hành quy chế tuyển dụng nhân sự [H2.2.2.7]; Quy định về tiêu chuẩn và quy trình xét công nhận chức danh GV [H2.2.2.8];

Song song với công tác tuyển dụng, công nhận GV đạt chuẩn, để nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy, Nhà trường đã ban hành quy định học tập nâng cao trình độ lên ThS, TS của cán bộ, GV năm 2012, điều chỉnh năm 2014 [H2.2.2.9]; để đáp ứng mục tiêu đổi mới GDĐH, nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh phong trào NCKH trong toàn trường Nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu SV [H2.2.2.10]; Quy định hoạt động khoa học và công nghệ đối với cán bộ, GV và nhân viên [H2.2.2.11]; để đáp ứng mục tiêu đổi mới về quản lý GDĐH Nhà trường đã ban hành Quy chế sáng kiến kinh nghiệm [H2.2.2.12];

Đối với công tác đào tạo và quản lý SV, học viên, Nhà trường đã ban hành Quy chế học vụ hệ đại học theo học chế tín chỉ bao gồm: Quy chế đào tạo đại học và CĐ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.2.2.13], Quy chế đào tạo sau đại học [H2.2.2.14], Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H2.2.2.15], Quy định về quyền, nhiệm vụ và những điều SV không được làm [H2.2.2.16], Quy định thực hiện nếp sống văn hóa học đường đối với SV [H2.2.2.17], Quyết định về việc ban hành khung xử lý kỷ luật SV [H2.2.2.18]; Trường đã phát hành niên giám dành cho SV đầu khóa cao đẳng, đại học, cung cấp những thông tin cơ bản giúp SV hiểu rõ về quy mô hoạt động của Nhà trường, là tài liệu chính thức để SV tham chiếu trong suốt quá trình học tập như Niên giám năm 2009-2013 [H2.2.2.19], Niên giám 2013-2018 [H2.2.2.20];

Đối với lãnh vực tài chính, để kích thích tinh thần cộng tác của người lao động Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV trong các vấn đề thanh toán công tác phí; trợ cấp thêm 15% lương đối với nhân viên quản lý và GV kiêm nhiệm công tác khác; hàng năm điều thay đổi mức tiền giảng cho phù hợp với tình hình thực tế, Nhà trường đã ban hành một số văn bản như: Quy định về công tác phí [H2.2.2.21], Thông báo về việc tính tiền giảng, phụ cấp

lượng [H2.2.2.22], Quy định thay đổi mức tiền giảng hàng năm [H2.2.2.23]. Để thu hút nhân tài có trình độ TS nhà trường đã ban hành chế độ phụ cấp thêm cho GV học TS trong nước 2.000.000đ/tháng, học TS ở nước ngoài 3.000.000đ/tháng (H2.2.2.24); Quy định phụ cấp tăng giờ cho Trưởng khoa [H2.2.2.25];

Về công tác thi đua- khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, GV và nhân viên, Trường Đại học Lạc Hồng đã ban hành các công văn hướng dẫn, quy chế như Thông báo hướng dẫn hàng năm về tổ chức bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng [H2.2.2.26]; Quy chế xử lý kỷ luật cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu [H2.2.2.27];

Để giữ gìn an ninh, chính trị nội bộ, đảm bảo an toàn cho mọi hoạt động giảng dạy, học tập của toàn trường và góp phần bảo vệ trật tự ANXH Nhà trường đã ban hành Quy định Công tác bảo vệ chính trị nội bộ [H2.2.2.28].

Các hệ thống văn bản trên được triển khai có hiệu quả và rộng rãi, công khai đến toàn thể cán bộ, GV và nhân viên bằng nhiều hình thức như: các buổi họp giao ban của trường, của đơn vị; gửi văn bản trực tiếp cho các đơn vị, cá nhân hoặc gửi qua văn phòng điện tử của trường <http://me.lhu.edu.vn> và trang web của trường tại địa chỉ <http://www.lhu.edu.vn> . Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các hội nghị, các lớp học quy chế cho cán bộ, GV và nhân viên v.v....[H2.2.2.29]; từ đó các hoạt động của trường được toàn thể cán bộ, GV và nhân viên hiểu rõ, thực hiện công việc một cách xuyên suốt, luôn hoàn thành theo kế hoạch và đạt hiệu quả cao.

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở [H2.2.2.30], các chủ trương, kế hoạch được công khai hóa cho mọi người đều biết. Thứ năm hàng tháng họp BGH, Thứ sáu hàng tháng họp giao ban toàn thể các đơn vị, hàng quý họp liên tịch giữa Hội đồng quản trị với BGH, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên để đánh giá công việc đã thực hiện, sự phối hợp điều hành và đề ra công việc cần thực hiện trong thời gian tới. Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo trường và SV từng học kỳ [H2.2.2.31], để giải đáp thắc mắc những chủ trương của nhà trường và nâng cao việc phục vụ cho người học; từ đó tạo được sự đồng

thuận và ủng hộ cao trong toàn thể CB-GV-NV và SV nhà trường. Công tác thanh tra giáo dục được thực hiện tốt theo đúng quy định; hàng năm đều có kế hoạch thanh tra trình Hiệu trưởng phê duyệt [H2.2.2.32].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý đầy đủ, đáp ứng được các yêu cầu hoạt động của nhà trường, đảm bảo tính chính xác, minh bạch, công khai đúng quy định và phát huy hiệu quả tốt.

Công tác phổ biến các tài liệu, văn bản được tổ chức triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng đến từng đối tượng, trong đó nổi bật là việc ứng dụng văn phòng điện tử <https://me.lhu.edu.vn> làm thúc đẩy nhanh quá trình xử lý công văn và cập nhật thông tin kịp thời, đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao.

3. Tồn tại

Một số quy định còn chậm điều chỉnh so với yêu cầu của công tác quản lý và thực tế đổi mới GDĐH.

Công tác rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quy trình hoạt động của một số lĩnh vực chưa được quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Phòng Hành chính – Tổ chức phối hợp với Phòng Đào tạo và các phòng ban khác rà soát và cập nhật các quy định, quy chế phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đổi mới GDĐH, tăng cường tính hiệu quả của hệ thống

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Nhằm thực hiện các công tác tổ chức và quản lý đúng theo quy định của Luật Giáo dục, Luật GDĐH và Điều lệ trường Đại học, Trường Đại học Lạc Hồng đã ban hành các văn bản quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và các cá nhân trong trường và các đơn vị trực thuộc cụ thể như: chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, BGH, các

phòng, khoa, ban, trung tâm ... được quy định trong “Quy chế Tổ chức và Hoạt động trường Đại học Lạc Hồng” [H2.2.1.2]; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị thành lập đều được quy định rõ trong quyết định thành lập căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H2.2.3.1].

Nhiệm vụ, quyền hạn của từng cá nhân trong BGH: Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng được phân định rõ ràng trong Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong BGH nhà trường [H2.2.3.2]; thông báo và kết luận họp giao ban về việc điều chỉnh phân công phụ trách trong BGH [H2.2.3.3]; Việc phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của các lãnh đạo là phù hợp với vị trí được bổ nhiệm, công việc được giao và năng lực chuyên môn.

Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với cán bộ, nhân viên [H2.2.2.4]; Quy định chế độ làm việc của GV năm 2012, điều chỉnh năm 2013 [H2.2.2.5]; Quy định quyền hạn và nhiệm vụ của các nhân sự trong khoa như: Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Tổ trưởng bộ môn, Giáo vụ khoa, Thư ký khoa, Quản lý SV, nhân viên PTN.. [H2.2.3.4]. Quy định về công tác GVCN/CVHT [H1.2.3.5]; Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn đối với Đội trưởng bảo vệ, nhân viên bảo vệ [H2.2.2.28]; Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn lái xe và tạp vụ [H2.2.3.6].

Các chương trình, kế hoạch hoạt động của Nhà trường được phân định rõ ràng các chức năng nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể giữa các thành viên, giữa các tổ chức đơn vị trong trường để hoàn thành hiệu quả công việc được giao [H2.2.3.7].

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Thi đua – Khen thưởng với cơ cấu đủ các thành phần liên quan đến các khoa, phòng, đoàn thể để đánh giá thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể hoàn thành xuất sắc công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được giao [H2.2.3.8].

Thông qua sự phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng cho các đơn vị, các bộ phận, các CBQL, GV và nhân viên trong trường đã nhận thức rõ được chức năng, nhiệm vụ của mình nên các hoạt động đào tạo, NCKH của trường đã được triển khai nhanh chóng, các công việc được thực hiện xuyên

suốt, có hiệu quả. Hiệu quả công tác quản lý được thể hiện rõ trong kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của trường [H2.2.3.9].

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Lạc Hồng có văn bản phân định rõ chức năng, trách nhiệm quyền hạn của các đơn vị, CBQL, GV và nhân viên đã tăng cường được tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, CBQL, GV và nhân viên trong các lĩnh vực công tác được phân công.

Các hoạt động quản lý cũng như công tác tổ chức của trường được phân định bằng văn bản cụ thể, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn đối với từng đơn vị, từng cá nhân. Sự phân công, phân cấp và phối hợp tương đối đầy đủ đã tạo điều kiện cho các cá nhân và đơn vị chủ động thực hiện theo đúng chức năng, đạt hiệu quả cao trong công tác.

3. Tồn tại

Việc rà soát để cập nhật chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị và CBQL và nhân viên sau thời gian vận hành chưa được kịp thời đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Phòng Hành chính – Tổ chức phối hợp cùng các đơn vị rà soát và lại chức năng, nhiệm vụ để bổ sung.

Lãnh đạo đơn vị tăng cường kiểm tra việc nắm rõ các quy định của cá nhân trong đơn vị. Phổ biến quy chế, quy định của Trường cho những GV, nhân viên mới nhận công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường có quy chế hoạt động cụ thể và phân công nhiệm vụ rõ ràng [H2.2.4.1], [H2.2.4.2], [H2.2.4.3], [H2.2.4.4].

Tổ chức Đảng bộ Trường giữ vai trò lãnh đạo, định hướng, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Trường. Bên cạnh đó, tổ chức Công đoàn tham gia quản lý, thực hiện công tác giám sát quy trình đào tạo và bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Hội Cựu chiến binh Trường phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội SV thực hiện nhiệm vụ giáo dục truyền thống cho SV. Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV triển khai các phong trào hoạt động nhằm giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của từng đoàn viên, hội viên góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của Trường.

Đảng bộ trường hoạt động theo Quy định số 97-QĐ/TW ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, ...) và Quy định số 163-QĐ/TW ngày 15/4/2006 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong trường học, bệnh viện ngoài công lập. Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ khối các Cơ quan tỉnh Đồng Nai; gồm 10 chi bộ trực thuộc trong đó có 1 chi bộ SV. Tính đến 31/12/2016, Đảng bộ trường có 115 đảng viên trong đó có 24 đảng viên là SV; từ 01/01/2011 đến 31/12/2016, Đảng bộ trường kết nạp 88 đảng viên, luôn vượt chỉ tiêu phát triển Đảng hàng năm do Đảng cấp trên giao. Đảng ủy luôn quan tâm đến việc phát triển đảng viên đối với cán bộ công nhân viên và SV trong trường. Đảng bộ Trường tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng, Hội nghị tổng kết hàng năm đề ra phương hướng nhiệm vụ năm mới, tổ chức đầy đủ các buổi học tập Nghị Quyết Trung ương, Đảng bộ Khối. Trong từng nhiệm kỳ đại hội, Đảng ủy Trường đã tổng kết đánh giá công tác của nhiệm kỳ trước, đánh giá các mặt mạnh, tìm ra nguyên nhân yếu kém; xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tiếp theo, đề ra giải pháp thực hiện, định hướng cho mọi hoạt động của trường [H2.2.4.5].

Theo kết quả tổng kết, Đảng bộ trường đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền, được Đảng bộ khối các Cơ quan tỉnh Đồng Nai tặng nhiều giấy khen hoàn thành tốt công tác Đảng [H2.2.4.6].

Công đoàn trường được thành lập năm 2000, hoạt động liên tục 16 năm qua 5 kỳ Đại hội. Tổ chức Công đoàn trường chịu sự quản lý của Công đoàn Giáo

dục Việt Nam. Tổ chức Công đoàn trường hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của ĐU, BGH Nhà trường. Ban chấp hành Công đoàn trường được phân công, phân nhiệm, phân ban chuyên đề rõ ràng để thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức và được Ủy ban kiểm tra Công đoàn kiểm tra, giám sát [H2.2.4.7].

Công đoàn trường tổ chức hoạt động theo Chương trình hoạt động của từng năm học; dựa trên chủ trương, thực tế khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của CBNV, GV. Tổ chức Công đoàn luôn làm tốt công tác chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên; tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định. Công đoàn phối hợp với BGH tổ chức thành công Hội nghị CB-GV-NV hàng năm. Hội nghị được tổ chức từ cấp Tổ Công đoàn đến Hội nghị đại biểu toàn trường, qua đó phát huy tính dân chủ của tập thể. Đặc biệt, “Thỏa ước lao động tập thể” được ký kết giữa Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn là một căn cứ quan trọng để Công đoàn có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động [H2.2.4.8].

Các hoạt động này đã tạo ra một môi trường làm việc thuận lợi, sự đoàn kết, dân chủ, thi đua tích cực góp phần giúp Nhà trường đạt hiệu quả các trong công tác, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Kết quả thi đua hàng năm Công đoàn trường luôn đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở xuất sắc và được đánh giá cao như Bằng khen Thủ tướng, Huân Chương Lao động hạng 3 do Chủ tịch Nước trao tặng [H2.2.4.9].

Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV trường được thành lập năm 1997, hoạt động 20 năm qua 7 lần Đại hội; Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV đã triển khai các phong trào hoạt động nhằm giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của từng đoàn viên, hội viên thông qua nhiều hoạt động và hình thức phong phú. Triển khai các nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Đoàn, Hội các cấp đến đoàn viên, hội viên và SV trong trường...

Hàng năm, Đoàn Thanh niên phối hợp với Hội SV mở cuộc vận động, quyên góp tiền, sách vở trị giá hàng trăm triệu đồng để giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ

em bị nhiễm chất độc da cam, các gia đình chính sách và các nạn nhân trong các đợt thiên tai; quyên góp xây nhà nhân ái... [H2.2.4.10].

Đoàn Thanh niên Trường 5 năm liền được công nhận danh hiệu xuất sắc dẫn đầu trong khối các trường ĐH - CĐ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Đoàn Thanh niên, Hội SV đạt nhiều thành tích và được cấp trên khen thưởng, đánh giá cao như Bằng khen Thủ tướng, Huân Chương Lao động hạng 3 do Chủ tịch Nước trao tặng [H2.2.4.11].

Hội Cựu Chiến binh trường trực thuộc Hội CCB Đảng ủy Khối các Cơ quan tỉnh Đồng Nai. Hội CCB trường đã tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia trong công tác của trường, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu. Hội cựu chiến binh được cấp trên tặng nhiều bằng khen, giấy khen, được công nhận trong sạch vững mạnh trong nhiều năm liền [H2.2.4.12].

2. Điểm mạnh

Sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa HDQT và Đảng bộ trong công tác chỉ đạo các tổ chức đoàn thể của nhà trường đã góp phần làm cho các hoạt động của trường ổn định và ngày càng phát triển.

Các tổ chức đoàn thể của nhà trường đạt được nhiều thành tích nổi bật và được cấp trên đánh giá cao.

Thông qua các hoạt động của tổ chức Đoàn thể đã tạo ra môi trường để CBGV, SV nâng cao chất lượng trong giảng dạy, học tập và NCKH...

3. Tồn tại

Một bộ phận nhỏ SV vẫn chưa quan tâm đến hoạt động Đoàn thể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017 trở đi Đảng ủy, chi bộ đảng, các tổ chức đoàn thể có kế hoạch kịp thời phổ biến, quán triệt đầy đủ các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến các đảng viên; cán bộ công nhân viên, đoàn viên, SV trong toàn trường; thường xuyên nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của đảng viên và quần chúng để có

biện pháp giải quyết kịp thời và hiệu quả.

Đoàn thanh niên, Hội SV tăng cường việc tổ chức và thực hiện các hoạt động thiết thực, ý nghĩa để thu hút SV tham gia; đồng thời phối kết hợp với các các đơn vị để cộng điểm rèn luyện, ưu tiên xét học bổng, xét đi học lớp đối tượng Đảng, xét phát triển Đảng cho các SV tích cực tham gia các hoạt động Đoàn Thanh niên, Hội SV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường thấy rõ tầm quan trọng của công tác ĐBCL, năm 2007, Bộ phận kiểm định chất lượng của trường được thành lập và trực thuộc Phòng Đào tạo, sau đó trực thuộc Phòng Sau đại học - NCKH - Kiểm định chất lượng. Đến năm 2012, Nhà trường đã thành lập Phòng Khảo thí và ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ được quy định cụ thể [H2.2.5.1].

Hiện nay, phòng Khảo thí và ĐBCL bao gồm 8 thành viên trong đó bộ phận ĐBCL có 5 cán bộ chuyên trách bao gồm 1 cán bộ có trình độ TS, 4 ThS. Ngoài 5 cán bộ chuyên trách chính, Nhà trường còn cử ra các cán bộ ở các phòng ban khác phụ trách công tác ĐBCL của đơn vị và cùng tham gia các hoạt động ĐBCL do phòng Khảo thí và ĐBCL tổ chức [H2.2.5.2]. Các cán bộ làm công tác ĐBCL được tạo điều kiện tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các buổi hội thảo về công tác ĐBCL GDĐH trong và ngoài nước do Bộ GD&ĐT, các tổ chức, hiệp hội, các đơn vị kiểm định chất lượng tổ chức [H2.2.5.3].

Hàng năm, Bộ phận ĐBCL xây dựng kế hoạch thực hiện công tác ĐBCL giáo dục nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà trường [H2.2.5.4]. Dựa trên kế hoạch đề ra bộ phận ĐBCL phối hợp với các thành viên

và đơn vị liên quan để triển khai thực hiện với các mảng công việc chính như sau:

Triển khai các hoạt động tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT [H2.2.5.5].

Phối hợp với phòng Đào tạo tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan: thực hiện khảo sát SV về chất lượng giảng dạy của GV, SV tốt nghiệp về CTĐT; xử lý, phân tích dữ liệu thu được và báo cáo kết quả [H2.2.5.6].

Qua đó thực hiện báo cáo về công tác ĐBCL định kỳ hàng năm của nhà trường [H2.2.5.7].

2. Điểm mạnh

Bộ phận ĐBCL của nhà trường được thành lập với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của BGH; đội ngũ được tham gia tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên về công tác ĐBCL do Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Lạc Hồng và một số đơn vị tổ chức.

3. Tồn tại

Trường chưa có CTĐT được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT hoặc của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN).

Trường chưa ban hành Sổ tay ĐBCL bên trong Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, Nhà trường chọn 2 CTĐT của 2 khoa: Khoa CNTT và khoa Điện – Điện tử để triển khai việc thực hiện kiểm định theo bộ tiêu chuẩn AUN. Ban hành sổ tay ĐBCL.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả:

Để thực hiện được sứ mạng của mình trong từng giai đoạn phát triển bền vững cho nhà trường trong bối cảnh nền GDDH thế giới cũng như ở nước ta

đang có những chuyển biến mới, trường xây dựng KHCL phát triển trường giai đoạn 2013-2020, Chương trình hành động của Trường giai đoạn 2011-2020 [H2.2.6.1].

Song song đó nhà trường cũng xây dựng kế hoạch từng giai đoạn như sau:

Kế hoạch về việc phát triển giáo dục giai đoạn 2013-2018 để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2013-2020, Kế hoạch về việc phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2018 để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2013-2020. [H2.2.6.2].

Căn cứ trên KHCL và kế hoạch năm của trường, các đơn vị xây dựng kế hoạch trung hạn, ngắn hạn cho đơn vị mình như về KHCN, chương trình công tác Đoàn Thanh niên và phong trào SV hàng năm, kế hoạch thanh tra giáo dục hàng năm. Kết thúc năm học có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, những tồn tại cần khắc phục và đề ra kế hoạch, phương hướng hoạt động cho năm học sau. Các KHCL phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Trường được đánh giá và rà soát thông qua báo cáo sơ kết kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2013-2015 [H2.2.6.3], báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, báo cáo tổng kết năm học [H2.2.6.4], thông báo kết luận cuộc họp giao ban hàng tháng của nhà trường. [H2.2.6.5].

2. Điểm mạnh:

Các KHCL trung hạn và ngắn hạn phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của trường.

BGH luôn quan tâm sâu sát đối với việc xây dựng định hướng nhà trường.

3. Tồn tại:

Một số đơn vị trong trường khi xây dựng kế hoạch hàng năm của đơn vị mình, chưa chú trọng gắn kết triệt để với chiến lược của nhà trường đã ban hành.

4. Kế hoạch hành động:

Tổ chức Hội nghị phổ biến, rà soát chiến lược hàng năm để nhận thêm các ý kiến đóng góp và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay.

5. **Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Lạc Hồng đã thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý về các hoạt động của nhà trường như: đào tạo, công tác sinh viên, NCKH, phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua Quyết thắng, công tác thi đua khen thưởng, HTQT, y tế học đường ... thông qua báo cáo 6 tháng, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ hàng năm, báo cáo thống kê hàng năm đúng định kỳ [H2.2.7.1].

Ngoài ra, nhà trường còn báo cáo không định kỳ cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý các chương trình, nghị quyết, chỉ thị, thông tư của Chính phủ, Bộ, UBND tỉnh như: Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; Nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục; Pháp luật; ANTT; an toàn giao thông; giáo dục quốc phòng –an ninh ... [H2.2.7.2]. Trong thời gian qua, Nhà trường không vi phạm chế độ báo cáo Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý khác .

Trường đã ban hành quy định công tác hành chính theo quyết định số 186/QĐ/ĐHLH ngày 16 tháng 06 năm 2008 trong đó quy định Phòng Hành chính -Tổ chức có nhiệm vụ lưu trữ các văn bản, có cán bộ chuyên trách và đào tạo về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ, có Chương trình phần mềm quản lý văn thư, có hệ thống kê tủ quản lý văn thư và biện pháp an toàn, an ninh cho việc lưu trữ [H2.2.7.3]. Do đó các báo cáo hoạt động của nhà trường đã ban hành được lưu giữ tương đối đầy đủ.

Hàng năm, trường đại học Lạc Hồng đều thực hiện báo cáo quy chế ba công khai [H2.2.7.4] (Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai điều kiện ĐBCL giáo dục, công khai tài chính) trên trang thông tin điện tử của trường và được lưu trữ tại địa chỉ: www.lhu.edu.vn

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý chức năng về các hoạt động của nhà trường.

Các văn bản báo cáo được lưu trữ đầy đủ.

3. Tồn tại

Do phần mềm quản lý công văn mới hoàn thiện chương trình và được đưa vào sử dụng do vậy còn nhiều văn bản của trường và của cấp quản lý từ khi mới thành lập trường cho đến thời điểm sử dụng phần mềm chưa được cập nhật đầy đủ gây khó khăn cho việc tìm kiếm trên phần mềm quản lý công văn với những văn bản cũ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, hoàn thiện chương trình quản lý công văn, Phòng Hành chính tổ chức sẽ phân công bộ phận hành chính văn thư cập nhật các văn bản trước đây để công tác lưu trữ công văn đầy đủ, dễ tìm kiếm hơn. Dự kiến đến năm 2018 việc sắp xếp và lưu trữ công văn hoàn thiện.

Trường tiếp tục xây dựng và triển khai các phần mềm quản lý tại các đơn vị, qua đó giúp các đơn vị thực hiện báo cáo định kỳ đúng tiến độ và lưu trữ tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo

Mở đầu

Việc đổi mới, rà soát, điều chỉnh CTĐT là việc làm thường xuyên có kế hoạch trong từng giai đoạn. Trường đã huy động các GV, nhà khoa học có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài trường tham gia xây dựng CTĐT một cách bài bản. CTĐT của trường được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT bậc đại học đã có sự có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và của một số nước trong khu vực, trên thế giới. Mỗi CTĐT của trường đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo (ĐT) trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Để có chất lượng và đúng quy định, tất cả các hệ đào

tạo khác đều lấy CTĐT hệ chính quy tương ứng làm nền để xây dựng. Định kỳ hàng năm, CTĐT của Trường đã có sự rà soát và điều chỉnh, trên cơ sở đóng góp của các GV tham gia giảng dạy, so sánh với các chương trình tiên tiến và có sự góp ý của lãnh đạo các DN sử dụng lao động của Trường, đáp ứng yêu cầu ĐT nguồn lao động có chất lượng cho đất nước. CTĐT của Trường linh hoạt, tạo điều kiện cho SV chuyển đổi, đồng thời có sự liên thông giữa các CTĐT. Nhà trường đã chú trọng thực hiện định kỳ đánh giá CTĐT và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá của nhà tuyển dụng và cựu SV

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

CTĐT của Trường Đại học Lạc Hồng được xây dựng dựa theo các căn cứ quyết định do Bộ GD&ĐT ban hành, bao gồm: Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT dựa vào Luật giáo dục, Thông tư 08/2001/TT-BGDĐT, Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành [H3.3.1.1]. Trước năm 2011, Trường có 18 CTĐT trình độ ĐH, 2 CTĐT trình độ ThS. Từ năm 2011 đến 2017, nhà trường mới mở thêm 2 CTĐT trình độ ĐH, 4 CTĐT trình độ ThS, 2 CTĐT trình độ TS [H3.3.1.2].

Từ năm học 2011-2012, khi xây dựng CTĐT, Trường gửi thông báo đến các khoa bao gồm kế hoạch, khung chương trình để các khoa căn cứ vào đó xây dựng CTĐT đúng yêu cầu, trình tự và phù hợp với quy định [H3.3.1.3]. Năm 2013, Trường đã lập quy trình xây dựng CTĐT nhằm chuẩn hóa các bước thực hiện. Quy trình xây dựng CTĐT bắt đầu từ việc tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo

kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H3.3.1.4].

Các CTĐT của Trường bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CDR, cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT trên cơ sở tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, khung CTĐT đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. Các khoa tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan đối với dự thảo CTĐT: chuyên gia từ các trường đại học uy tín khác, đại diện của DN đang sử dụng người lao động của nhà trường, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, GV, CBQL và CSV của nhà trường [H3.3.1.5]. Bước tiếp theo, các khoa hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong suốt quá trình xây dựng CTĐT, Hội đồng khoa học khoa họp nhiều lần ở mỗi giai đoạn quan trọng của quá trình xây dựng dự thảo, đối chiếu tham khảo, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, hiệu chỉnh hoàn thiện chương trình. CTĐT hoàn thiện đều được thông qua hội đồng khoa học và qua ký duyệt ban hành của trường [H3.3.1.6].

Các CTĐT của Trường được công bố công khai cho các đối tượng liên quan thông qua việc cung cấp account cho từng SV, GV trên website trường/khoa [H3.3.1.7].

2. Điểm mạnh

CTĐT của Trường được xây dựng theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT. Các quy trình xây dựng CTĐT của Trường được thực hiện đầy đủ và chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả của các chương trình được thiết kế; có sự tham gia các bên liên quan bao gồm nhà khoa học, giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng và cựu SV.

3. Tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến của DN còn khó khăn. Chủ yếu nguồn góp ý do các DN có mối quan hệ mật thiết của GV và nhà trường. Vì vậy, số lượng DN tham gia đóng góp ý kiến cho việc xây dựng và điều chỉnh CTĐT có giới hạn.

Mặt khác, việc khảo sát nhu cầu nhân lực của các đơn vị sử dụng lao động hay rộng hơn là nhu cầu về thị trường cũng còn hạn chế về số lượng. Cần có một

chính sách của nhà nước dự báo nhân lực tổng thể hơn, nhân lực đang hiện có, nhu cầu, và con số mà hiện nay tổng các đơn vị đào tạo trong nước đang đào tạo theo từng ngành nghề cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo và các Khoa quản ngành tiếp tục phát huy tính tự chủ trong công tác xây dựng CTĐT và mở mới các ngành đào tạo tiếp theo.

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, thiết lập, củng cố sự gắn kết với các bên liên quan đặc biệt là với phía DN và cựu SV thông qua việc tổ chức các hội chợ việc làm, tham quan nhà máy, thực tập xí nghiệp... và họp mặt cựu SV hàng năm nhằm thu nhận các ý kiến đóng góp cho việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Các CTĐT của Trường đều có mục tiêu rõ ràng, được xây dựng dựa trên sứ mạng của trường; có cấu trúc hợp lý, được thiết kế theo quy định của các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của đào tạo trình độ đại học và quy định riêng của trường [H3.3.2.1]. Do đó các CTĐT đều đảm bảo được khối lượng kiến thức tối thiểu của các ngành đào tạo gồm các kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần. Căn cứ trên việc góp ý của các DN, CSV và hội đồng khoa học về khả năng cần đạt được của một kỹ sư hay một cử nhân, nhà trường đã họp với các khoa, tổ bộ môn để yêu cầu đưa các chuẩn kỹ năng vào các môn học.

100% CTĐT đều có CĐR với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của từng ngành, có các quy định cụ thể các kiến thức, kỹ năng SV tốt nghiệp cần phải đáp ứng với từng ngành đào tạo [H3.3.2.2].

CTĐT được thiết kế và định kỳ hiệu chỉnh theo quy định của Bộ GD&ĐT. CĐR CTĐT được xây dựng dựa trên các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan nên đảm bảo đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Tính mềm dẻo của CTĐT đáp ứng linh hoạt nhu cầu thay đổi của xã hội ở số lượng các học phần tự chọn ở mỗi khối kiến thức, các học phần chuyên đề ở những học kỳ cuối của mỗi khóa học. Các học phần này có thể được thay thế, đổi mới tùy theo xu thế phát triển của xã hội. Nội dung các học phần được thiết kế bám sát CĐR, mỗi năm chương trình được phép thay đổi tối đa 10% nhằm liên tục cập nhật kịp thời công nghệ mới đáp ứng linh hoạt nhu cầu thay đổi của xã hội [H3.3.2.3].

Để hiểu rõ hơn yêu cầu của thị trường lao động, hàng năm bộ phận QHDN & HTSV có nhiệm vụ thực hiện khảo sát DN tiếp nhận SV đến thực tập về sự phù hợp CTĐT đối với thực tế công việc tại DN và về chất lượng SV thực tập; khảo sát tình hình việc làm của SV thông qua việc ứng dụng kiến thức đã học trong công việc thực tế, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp; khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng SV tốt nghiệp và về mức độ đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó nhà trường tiếp thu có chọn lọc ý kiến, thông tin về nhu cầu của các bên liên quan để định hướng lại mục tiêu của CTĐT, CĐR, khối lượng kiến thức, nội dung các học phần cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động [H3.3.2.4].

2. Điểm mạnh

CTĐT của trường có mục tiêu rõ ràng, có cấu trúc hợp lý và được thiết kế một cách hệ thống.

BGH khuyến khích và tạo nhiều điều kiện để các khoa có thể làm việc với GV có kinh nghiệm, các chuyên gia của bộ, của các công ty xí nghiệp trong việc xây dựng CTĐT. Sự có mặt của các chuyên gia từ các DN, đơn vị tuyển dụng trong Hội đồng tư vấn xây dựng chương trình đã giúp chương trình đáp ứng tốt các đòi hỏi của thị trường lao động.

3. Tồn tại

Việc thu thập ý kiến của các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình chưa thực sự được thể hiện rộng rãi ở các khoa.

Nhà trường chưa tích hợp các môn học kỹ năng mềm vào trong các CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường sẽ:

- Yêu cầu các Khoa, Trung tâm, Phòng ban có liên quan lên kế hoạch để tham khảo thêm ý kiến của các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp trong quá trình xây dựng CTĐT của trường nhằm hướng tới xây dựng các CTĐT ngày một đáp ứng được linh hoạt và kịp thời các nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

- Tích hợp các môn học kỹ năng mềm vào CTĐT cụ thể của các khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Các CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên (không chính quy) của nhà trường được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.3.1]. Việc xây dựng CTĐT được triển khai như thông tin tại tiêu chí 3.1, đảm bảo được chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và theo quy định [H3.3.3.2].

CTĐT chính quy được Phòng đào tạo và các khoa triển khai vận hành sau khi được hiệu trưởng ban hành. Những ngành mới mở đều được vận hành sau khi có quyết định giao nhiệm vụ đào tạo từ Bộ GD&ĐT [H3.3.3.3].

Nhà trường không xây dựng CTĐT không chính quy riêng biệt mà sử dụng hoàn toàn CTĐT chính quy và bỏ bớt các học phần như giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng theo các quy định về đào tạo không chính quy của Bộ GD&ĐT [H3.3.3.4].

Nhà trường đảm bảo việc triển khai các CTĐT của cả hai hệ đào tạo chính quy và không chính quy được ĐBCL bởi cùng CTĐT, cùng vận hành theo các hệ thống tín chỉ do cơ quan chức năng ban hành, cùng CSVC trang thiết bị đào tạo [H3.3.3.5]

Hệ đào tạo chính quy được vận hành theo hệ thống tín chỉ dựa trên quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007, thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành về quy chế đào tạo đại học và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Cả 2 hệ đào tạo đều triển khai theo phương thức tập trung, việc kiểm tra đánh giá cũng được thống nhất về ngân hàng đề thi, hình thức tổ chức thi, kết quả thi được công nhận như nhau. Các CTĐT chính quy và không chính quy đều được triển khai tại trường nên nhà trường hoàn toàn đảm bảo điều kiện về trang thiết bị, CSVC phục vụ thực hành thí nghiệm như nhau cho cả hai CTĐT.

2. Điểm mạnh

CTĐT hệ VLVH và CTĐT chính quy được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Các CTĐT chính quy và không chính quy đều được triển khai tại trường nên nhà trường hoàn toàn đảm bảo điều kiện về trang thiết bị, CSVC phục vụ thực hành thí nghiệm như nhau cho cả hai CTĐT.

3. Tồn tại

Việc xây dựng CTĐT hệ không chính quy về nội dung chương trình thực tập giống hoàn toàn với hệ chính quy chưa thật sự phù hợp với đối tượng VLVH.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, tiếp tục sử dụng CTĐT hệ chính quy cho hệ không chính quy, tuy nhiên nhà trường sẽ có các điều chỉnh về nội dung chương trình thực tập cho phù hợp với người đã đi làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Việc điều chỉnh CTĐT của trường Đại học Lạc Hồng được các khoa tiến hành từng năm [H3.3.4.1]. Phòng Đào tạo phối hợp cùng khoa rà soát, điều chỉnh và bổ sung CTĐT, một số môn học do khoa đề nghị thay đổi hoặc tách riêng từng phần đều được điều chỉnh bổ sung và đưa vào áp dụng. Từ năm 2016, nhà trường đã ban hành quy trình “Xây dựng và điều chỉnh CTĐT” trong đó hướng dẫn đầy đủ các bước thực hiện từ quá trình lập kế hoạch đến thực hiện điều chỉnh CTĐT, mô tả trách nhiệm của từng bộ phận và cá nhân liên quan. Nhà trường cũng đã ban hành quy chế hướng dẫn các Khoa định kỳ mỗi năm được phép hiệu chỉnh tối đa 10% khối lượng các học phần chuyên ngành do

khoa phụ trách. CTĐT của trường được các khoa tham khảo các CTĐT tiên tiến của các trường trong nước và trên thế giới, các CTĐT được xây dựng sao cho đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H3.3.4.3].

Sau quá trình thay đổi và hiệu chỉnh, CTĐT của trường được hiệu trưởng phê duyệt ban hành năm 2011 [H1.3.4.4]. Trong quá trình triển khai đào tạo, hàng năm nhà trường đã ban hành các thông báo yêu cầu và hướng dẫn các khoa tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT [H3.3.4.5].

Nhà trường định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người tốt nghiệp về CTĐT trong các dịp họp mặt CSV; đồng thời lấy ý kiến đóng góp của DN và các tổ chức liên quan qua nhiều hình thức khác nhau như trao đổi trực tiếp khi dẫn các đoàn SV đi tham quan các cơ sở sản xuất, gửi email khảo sát, mời đại diện DN tham dự hội thảo CDR. Các ý kiến đóng góp của các bên liên quan được thể hiện trong biên bản họp Hội đồng khoa học khoa, trong các buổi họp tổ bộ môn và trong các hội thảo rà soát CTĐT cấp khoa, có sự tham khảo chương trình tiên tiến quốc tế và đối sánh với các CTĐT cùng lĩnh vực trong nước [H3.3.4.6].

2. Điểm mạnh

CTĐT của trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương cũng như cả nước; có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong việc phát triển CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp về việc điều chỉnh CTĐT chưa được thường xuyên. Các CTĐT tham khảo chưa có sự thống nhất về quan điểm và mức độ tham khảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016-2017, nhà trường tiếp tục chỉ đạo các khoa đào tạo tham khảo ý kiến của các tổ chức, các nhà tuyển dụng, người học sau khi tốt nghiệp, đồng thời lựa chọn chương trình của các nước phát triển để làm tài liệu tham khảo trong rà soát, điều chỉnh CTĐT để đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. CTĐT được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác.

1. Mô tả

Các CTĐT của nhà trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông (liên thông ngang và liên thông dọc) linh động theo nhu cầu học tập nâng cao trình độ của những người học ở các khía cạnh sau:

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, việc SV học hai ngành theo quy chế 43 của Bộ GD&ĐT phải được đảm bảo. Theo đó, nhà trường thiết kế CTĐT của các ngành gần đảm bảo các học phần đại cương giống nhau tối đa có thể. Các học phần khác nhau là các học phần chuyên ngành.

Để đảm bảo tính liên thông dọc tạo điều kiện cho người học có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, CĐ nghề, CĐ chuyên nghiệp muốn tiếp tục học các chương trình liên thông lên đại học theo chỉ đạo chung của Bộ GD&ĐT [H3.3.5.1].

Hiện nay nhà trường đào tạo 5 ngành liên thông từ trung cấp lên đại học, 12 ngành từ CĐ lên đại học [H3.3.1.2]. Sự gắn kết về nội dung và tính chất kế thừa trong các CTĐT của các ngành có nhiều bậc học giúp người học dễ dàng học chuyên sâu lên các bậc học cao hơn khi có nhu cầu. SV của bậc TCCN và bậc CĐ từ các trường khác cũng có thể đăng ký thi tuyển vào bậc đại học liên thông ở các ngành tương ứng tại trường Đại học Lạc Hồng, bên cạnh đó nhà trường còn chấp nhận SV liên thông ngành gần, khác ngành bằng các hình thức học chuyển đổi, bổ sung kiến thức theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.5.2].

Để đảm bảo yêu cầu liên thông ngang giữa các ngành trong cùng bậc, cùng khối ngành, nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT thông qua đó các học phần thuộc khối kiến thức đại cương trong cùng khối ngành là giống nhau và khối lượng tín chỉ giữa các khối kiến thức: cơ sở, chuyên ngành, thực tập, khóa luận/ đồ án là xấp xỉ nhau. Ngoài ra, trong quá trình cận hành CTĐT, giữa các khoa/ bộ môn trong cùng khối ngành có sự thống nhất, phối hợp tổ chức một số học phần chung, điều này cho phép SV học thêm một ngành khác cùng khối ngành tại trường [H3.3.5.3] [H3.3.5.4]

CTĐT của trường được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước khi xây dựng nên kiến thức mỗi ngành đào tạo đều gần giống với CTĐT của các trường trong nước; đây là điều kiện thuận lợi để SV học thêm ngành thứ hai hoặc học liên thông lên

các bậc cao hơn ở tất cả các trường trong nước [H3.3.5.4]. Nhà trường còn thực hiện nghiêm quy định về việc chuyển trường theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT giúp SV thuận lợi khi tham gia học tập tại một đơn vị đào tạo khác khi SV thay đổi nơi cư trú [H3.3.5.5].

2. Điểm mạnh

Trường có nhiều CTĐT, điều này cho phép người học dễ dàng lựa chọn việc học liên thông từ trung cấp hoặc CĐ lên đại học

CTĐT của nhà trường được thiết kế, xây dựng linh hoạt cho người học đáp ứng nhu cầu học 2 chương trình cùng một lúc, có thể liên thông dọc và liên thông ngang, liên thông trong và liên thông ngoài.

3. Tồn tại

Trở ngại khi xây dựng các CTĐT liên thông là trình độ đầu vào khác nhau, SV tham dự các chương trình này đến từ các trường khác nhau với các CTĐT có nhiều nội dung khác nhau. Vì vậy, việc xây dựng CTĐT để đảm bảo kiến thức được truyền đạt một cách liên tục nhưng không lặp lại là khó khăn rất lớn đối với nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa tiếp tục rà soát các CTĐT liên thông, nghiên cứu các CTĐT ở các trường CĐ khác trên cả nước nhằm tối ưu hóa các nội dung học tập của CTĐT, quy hoạch lại các môn học có nội dung trùng lặp ở cấp độ dưới, phân bổ kiến thức từng môn học cho từng trình độ đào tạo rõ ràng, phù hợp hơn nhằm tạo điều kiện tối đa cho người học được liên thông mà không phải bổ sung quá nhiều kiến thức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. CTĐT được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Nhà trường luôn xem xét việc định kỳ đánh giá CTĐT là một công việc quan trọng, là cơ sở để cải tiến liên tục nhằm ĐBCL của CTĐT theo chuẩn khu vực, quốc tế và ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội và các bên liên quan. Việc định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của nhà trường [H3.3.6.1].

Nhà trường có 100% CTĐT được rà soát, đánh giá và điều chỉnh/ bổ sung nhằm ĐBCL, đáp ứng nhu cầu xã hội và các bên liên quan. Dựa vào phản hồi

của SV tốt nghiệp, cựu SV và các nhà tuyển dụng, Khoa/Bộ môn tiến hành những điều chỉnh cần thiết để nâng cao chất lượng giảng dạy của CTĐT. Hàng năm các khoa chủ động tổ chức rà soát, đánh giá và thực hiện những hiệu chỉnh nhỏ tối đa 10% khối lượng các học phần chuyên ngành do khoa phụ trách [H3.3.6.2].

Thông qua các ý kiến của DN, CSV, nhà trường đã có những cải tiến thích hợp về việc xây dựng CTĐT, như cải tiến về chất lượng ngoại ngữ và kỹ năng mềm của SV. Để cải tiến chất lượng ngoại ngữ của SV, năm 2015 nhà trường đã ban hành đề án học tiếng anh trực tuyến miễn phí cho SV. Các GV được đi tập huấn để nắm bắt chương trình dạy và học tiếng anh. Đề án này đã giúp SV có ý thức tự rèn luyện tiếng anh ngoài giờ lên lớp và nâng cao năng lực học tiếng anh đặc biệt là kỹ năng nghe và nói [H3.3.6.3]. Nhà trường cũng đã thành lập bộ phận Kỹ năng mềm dựa trên cơ sở thực thi Đề án số 543/ĐA-ĐHLH ngày 15/07/2013 của Hiệu trưởng về việc ban hành đề án “Đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho SV trường Đại học Lạc Hồng”. Thông qua đó, SV đã nâng cao kỹ năng mềm của bản thân để chuẩn bị cho môi trường làm việc mới sau khi tốt nghiệp [H3.3.6.4].

2. Điểm mạnh

Tất cả các CTĐT bậc đại học của trường đều đang tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT

Việc góp ý kiến, phản hồi để cải tiến chất lượng đã bước đầu đi vào nề nếp.

3. Tồn tại

Các CTĐT bậc đại học của Trường chưa được đánh giá ngoài chính thức

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016-2017, nhà trường đẩy mạnh công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận Tiêu chuẩn 3

Các CTĐT của Trường được các chuyên gia đầu ngành xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, có tham khảo CTĐT của các nước tiên tiến, được thẩm định bởi các trường ĐH có uy tín trong nước và được liên tục rà soát – chỉnh sửa theo định kỳ, hoặc bổ sung – cập nhật nếu cần.

Tất cả các CTĐT của trường đều có CDR, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của từng trình độ đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

Trường đang tiếp tục không ngừng rà soát và cải tiến lại CTĐT của mình, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học cũng như nhu cầu đổi mới của xã hội. Bằng chứng rõ nhất cho sự nỗ lực cải tiến của Trường đó là việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của tất cả các đối tượng liên quan đến CTĐT của trường nhằm thu được các ý kiến của các đối tượng, để từ đó xây dựng các giải pháp và kế hoạch tiếp theo để cải tiến CTĐT của Trường.

Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Việc tổ chức đào tạo học chế tín chỉ, đánh giá kết quả học tập của người học, và cấp văn bằng chứng chỉ cho SV đã tốt nghiệp đều được thực hiện theo đúng quy định, rõ ràng và công khai. Các thông báo và hướng dẫn được thực hiện cụ thể bằng nhiều kênh thông tin, giúp SV hiểu rõ và yên tâm học tập. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý học vụ xuyên suốt toàn bộ quá trình tổ chức đào tạo, điều này cho phép giảm thiểu những sai sót đồng thời tạo ra sự thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý ĐT. Với phương châm “lấy người học làm trung tâm” nhiều phương pháp dạy và học tiên bộ được áp dụng trong nhiều năm qua nhằm nuôi dưỡng năng lực học tập ở từng SV. Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện các hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ nhà trường còn tăng cường công tác đổi mới PPGD, phương pháp xây dựng CTĐT, xây dựng CDR, phương pháp đánh giá. So với những năm trước, hiện tại nhà trường đã có những bước tiến đáng kể trên con đường ĐBCL trong công tác đào tạo.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả

Hiện nay Nhà trường tổ chức đào tạo đa dạng theo các trình độ đào tạo từ CĐ, đại học và sau đại học gồm đào tạo ThS và TS với các hình thức đào tạo

chính quy và không chính quy [H4.4.1.1]. Ở bậc đào tạo sau đại học, Nhà trường có 02 ngành đào tạo trình độ tiến sỹ là quản trị kinh doanh và khoa học máy tính và 06 ngành đào tạo trình độ thạc sỹ gồm quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng, CNTT, kỹ thuật điện và kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Các CTĐT sau đại học được triển khai theo hình thức chính quy theo quy định.

Đối với bậc đại học, Nhà trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo 20 ngành bậc hệ đại học chính quy, 12 ngành liên thông từ CĐ lên đại học, 5 ngành liên thông từ trung cấp lên đại học các khối ngành sức khỏe, kinh tế - quản trị, kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn [H4.4.1.2].

Đối với hệ VLVH, trường được phép đào tạo 20 ngành và các lớp này chủ yếu được mở liên kết với trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Phương Nam, tỉnh Đắk Nông và trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Quốc Việt, tỉnh Lâm Đồng. Các trường liên kết này có đủ điều kiện đảm bảo về CSVC và GV theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.1.3].

Ngoài các hệ đào tạo chính khóa theo các hình thức và trình độ trên, nhà trường còn có các CTĐT ngắn hạn để phục vụ cho nhu cầu người học ở nhiều lĩnh vực như: các lớp Khai báo thuế, Kế toán trưởng, CCNA, CCNA security. Ngoài ra, Trường còn có hệ thống các trung tâm phục vụ cho nhu cầu học tập khác như trung tâm ngoại ngữ, tin học. Nhà trường còn nhận đơn đặt hàng từ bên ngoài, năm 2012 theo đặt hàng nhà trường đã mở lớp văn bằng 2 ngành Ngôn Ngữ Anh để đào tạo cho cán bộ, nhân viên của Cục Hải Quan Đồng Nai [H4.4.1.4].

Hàng năm, nhà trường báo cáo Bộ GD&ĐT các điều kiện về CSVC, đội ngũ GV... để ĐBCL cho việc tổ chức đào tạo và công bố công khai các nội dung này trên website của trường [H4.4.1.5]. Nhà trường còn rà soát công tác tổ chức đào tạo bậc đại học từ trước đến nay nhằm lập kế hoạch triển khai chiến lược đào tạo cho các năm tiếp theo hướng nâng cao dần chất lượng đào tạo [H4.4.1.6].

2. Điểm mạnh

Trường có các phương thức đào tạo đa dạng (chính quy, VLVH, liên thông, văn bằng 2), các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng được nhu cầu đa

dạng của người học, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người học, góp phần đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

3. Tồn tại

Số ngành đào tạo ThS và TS chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, nhà trường sẽ đăng ký mở thêm các ngành đào tạo ThS, TS nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ của các học viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phân; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Từ năm học 2008-2009 thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT, trường Đại học Lạc Hồng đã triển khai đào tạo theo tín chỉ cho tất cả các ngành đào tạo bậc Đại học chính quy bằng việc chuyển đổi CTĐT từ niên chế dạng tín chỉ, cụ thể hóa các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT thành các quy chế đào tạo của trường. Từ năm 2013 tất cả các hình thức đào tạo tại trường đã chuyển sang học chế tín chỉ [H4.4.2.1]. Qua nhiều năm thực hiện và cải tiến liên tục, quy trình đào tạo theo học chế tín chỉ của nhà trường đã tạo nên sự linh hoạt mềm dẻo tối đa cho người học cả về thời gian lẫn nội dung học tập [H4.4.2.2]

Vào đầu khóa học SV được phát niên giám, trong đó bao gồm các quy chế học vụ, CTĐT, trong đó thể hiện rõ mối quan hệ giữa cá môn học, kế hoạch học tập dự kiến, thông tin tổng quát về các môn học.... Ngoài ra, SV được cung cấp một tài khoản riêng để theo dõi thời khóa biểu, các thông tin của khoa và trường, đây được xem là sổ tay SV điện tử, SV có thể truy cập vào hệ thống để đăng ký, hủy và bổ sung môn học theo nhu cầu. Trong trường hợp có các vấn đề phát sinh, SV có thể liên hệ Phòng Đào tạo để được giải quyết [H4.4.2.3].

Để giúp SV hiểu rõ ngành nghề, xây dựng và quản lý kế hoạch học tập cá nhân, nhà trường tổ chức hệ thống GVCN/CVHT. Các GVCN/CVHT có nhiệm

vụ theo dõi, giám sát quá trình học tập của SV và đưa ra các lời khuyên giúp SV xây dựng và quản lý kế hoạch học tập [H4.4.2.4]. Thêm vào đó, nhà trường cũng trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết để học tập thành công trong môi trường đại học như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian...[H4.4.2.5]

Nhìn chung, hệ thống phần mềm và hệ thống máy chủ phục vụ cho việc đăng ký môn học, theo dõi kết quả học tập, hỏi đáp về quy định quy chế và các nhu cầu tiếp cận thông tin khác của SV đều đã được xây dựng đầy đủ và tiếp tục được phát triển.

2. Điểm mạnh

Năm 2013, mô hình tín chỉ của Trường được xây dựng hoàn thiện, với triết lý rõ ràng, đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển và hội nhập của trường.

3. Tồn tại

Một số GVCN/CVHT chưa thực sự làm tốt công tác tư vấn cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng lại các trang thông tin về quy chế, quy định của học chế tín chỉ để GVCN/CVHT dễ dàng tra cứu. Tạo điều kiện cho GVCN/CVHT gặp gỡ SV nhiều hơn

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của GV; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường ban hành kế hoạch chung cho mọi hoạt động của trường, và kế hoạch đánh giá các hoạt động giảng dạy được đưa vào thực hiện. [H4.4.3.1].

Kế hoạch đánh giá GV được tiến hành bao gồm các hoạt động: SV đánh giá GV sau khi kết thúc môn học; SV phản hồi thông qua GVCN/CVHT và hoạt động dự giờ. Đối với hoạt động SV đánh giá sau khi kết thúc môn học, Nhà

trường có văn bản thông báo đến toàn thể cán bộ GV, SV của trường về vấn đề này [H4.4.3.2] và thông báo đến SV thông qua GVCN. mục đích của hoạt động này là tạo thêm kênh thông tin giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy, tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học, tạo điều kiện để người học được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV.

Việc lấy ý kiến của SV được thực hiện định kỳ mỗi năm 2 đợt đối với tất cả SV hệ chính quy. Phiếu lấy ý kiến của SV đánh giá học phần giảng dạy của GV được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường [H4.4.3.3]. Hình thức khảo sát được nhà trường tiến hành online trên hệ thống xem điểm của SV nên nhà trường có thể thu thập được tất cả các ý kiến của SV chính quy ở tất cả các học phần. Thông tin phản hồi của SV sẽ được phòng Khảo thí & ĐBCL tổng hợp xử lý và gửi đến BGH cũng như các Khoa để qua đó các khoa có biện pháp xử lý phù hợp như việc khen thưởng đối với các GV có điểm khảo sát cao, hoặc trao đổi với GV, không tái ký hợp đồng khi điểm của GV quá thấp. Các kết quả đánh giá này sẽ được báo cáo lên BGH vào đầu mỗi học kỳ tiếp theo [H4.4.3.4]. Ngoài ra, việc khảo sát SV tốt nghiệp cũng có ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV [H4.4.3.5].

Dựa vào thời khóa biểu mà các khoa xây dựng và được công bố trên phần mềm của trường, hàng ngày phòng QLSV cử nhân viên theo dõi và ghi nhận hoạt động giảng dạy của GV nhằm đảm bảo GV tuân thủ đầy đủ các quy định giảng dạy của nhà trường. Các ghi nhận này được tổng hợp và báo cáo đến BGH định kỳ hàng tuần để nhanh chóng có hướng điều chỉnh kịp thời điều chỉnh [H4.4.3.6].

Hàng tuần, các lớp đều có tổ chức sinh hoạt lớp. Đây là thời gian để mọi thông báo của trường được phổ biến đến từng SV, cũng thông qua đó mọi ý kiến của SV được GVCN/CVHT ghi nhận và báo cáo đến nhà trường. Việc đánh giá GV cũng được phản hồi thông qua GVCN/CVHT, được ghi nhận trong sổ sinh hoạt lớp [H4.4.3.7].

Hoạt động dự giờ của các Khoa được tiến hành hàng năm, Khoa sẽ có kế hoạch dự giờ hoặc dự giờ đột xuất nhằm kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV cũng như đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy của các GV trong khoa. Cũng thông qua hoạt động này, sẽ giúp GV tìm ra những PPGD phù hợp với môn học của GV [H4.4.3.8].

Nhằm giúp GV nâng cao năng lực giảng dạy, trong những năm gần đây nhà trường đã cử rất nhiều cán bộ giảng dạy đi tập huấn ngắn hạn các khóa bồi dưỡng sư phạm, chuyên môn do các trường có uy tín trong nước, do Seameo, Build it và các đơn vị khác tổ chức. Bên cạnh đó, một số khoa cũng tổ chức các buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về giảng dạy, đánh giá SV cho toàn thể CBGD trong khoa [H4.4.3.9]. Sau khi tập huấn, GV áp dụng đa dạng các PPGD như kết hợp giữa thuyết giảng với giao các bài tập/ bài tập lớn, các chủ đề thảo luận, thuyết trình, xem phim hoặc tổ chức các hoạt động trên lớp nhằm giúp SV tham gia tích cực vào việc học và giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm [H4.4.3.10].

2. Điểm mạnh

Ban lãnh đạo nhà trường rất quan tâm đến việc đánh giá việc giảng dạy của GV vì thế việc đánh giá được thực hiện định kỳ. Các GV cơ hữu của trường phần đông còn trẻ nên năng động, dễ tiếp thu cái mới, nhận thức đúng đắn và chấp nhận việc SV đánh giá giảng dạy một cách tự nguyện.

3. Tồn tại

Vẫn còn một số GV duy trì các PPGD truyền thống, chưa hoàn toàn áp dụng phương pháp dạy học tích cực. Mặc dù điều này còn phụ thuộc vào nội dung giảng dạy và nội dung học tập của người học nhưng cần phát huy tối đa.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, nhà trường tăng cường chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy ở các đơn vị để phát huy hơn nữa việc đổi mới quá trình dạy và học. Đồng thời, tổ chức cho thêm nhiều GV được tham dự các khóa học của Build IT, Seameo... và các khóa học để nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Trường ĐH Lạc Hồng luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh quy chế 43 của Bộ GD&ĐT [H4.4.4.1]. Trước đây, trường quy định tỷ trọng điểm đánh giá từng học phần bao gồm điểm quá trình là 30%, điểm cuối kỳ là 70%. Tuy nhiên, CĐR của CTĐT hiện nay yêu cầu đánh giá toàn diện SV về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Do đó, nhà trường đã ban hành quy định về các hoạt động giảng dạy đối với từng GV như phương pháp kiểm tra đánh giá; Nội dung, mức độ kiểm tra đánh giá; Kế hoạch kiểm tra đánh giá; Kiểm tra đánh giá quá trình; Đánh giá cuối kỳ; Quản lý điểm; Tổ chức thực hiện. Trong quy định kiểm tra đánh giá học phần gồm 3 cột điểm thành phần: Điểm chuyên cần: 10%; Điểm giữa kỳ: 30% và Điểm cuối kỳ: 60% [H4.4.4.2]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá của nhà trường hiện nay bao gồm: Thi viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, làm và báo cáo thực hành, thí nghiệm, thực tập, bài tập lớn, đồ án... hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học [H4.4.4.3]. Ngoài ra, các khoa còn mời DN, GV bên ngoài đánh giá đề tài NCKH của SV [H4.4.4.4].

Nhìn chung, đa số SV được khảo sát hài lòng với phương pháp, kiểm tra đánh giá của Trường [H4.4.4.5]. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết từng học phần và GV phổ biến cho người học ở đầu học kỳ [H4.4.4.6]. Đề thi được cấu trúc theo các phần cơ bản của môn học, trong đề thi có CĐR mà nội dung thi cần đáp ứng. Mỗi cấu trúc ra tối thiểu 16 câu khác nhau [H4.4.4.7]. Phòng KT&ĐBCL sẽ căn cứ theo đề thi cấu trúc, ngân hàng đề để bốc thăm tạo đề thi. Công tác in đề được phòng KT&ĐBCL in ấn và kiểm tra đầy đủ. Nhà trường tổ chức thi và chấm thi tập trung để công tác chấm thi chính xác, khách quan, công bằng.

Để quá trình thi được diễn ra nghiêm túc và công bằng, nhà trường đã có quy định rõ các khâu từ lập kế hoạch thi, tổ chức thi, chấm thi, công bố điểm cho đến việc thực hiện chấm phúc khảo cho SV [H4.4.4.8]. Năm 2016, nhà trường điều chỉnh quy định ra đề thi, bảo mật và nhân bản đề thi viết, giao nhận bài thi và điểm thi, trường cũng hướng dẫn về việc thiết kế, đánh giá câu hỏi, đề thi và ngân hàng câu hỏi thi [H4.4.4.9]. Điều chỉnh quy định giám sát thi học kỳ

năm 2016 quy định rõ việc phân công nhân sự giám sát kỳ thi, giám sát khu vực thi và báo cáo tổng kết tình hình thi từng học kỳ [H4.4.4.10].

Ngoài ra, nhà trường còn triển khai các hoạt động liên quan đến kiểm tra, đánh giá bằng việc Phòng đào tạo ra công bố lịch thi chính thức cho SV gửi về cho các đơn vị và thông báo rộng rãi cho SV [H4.4.4.11]. Các quy định trong tổ chức thực hiện và phương pháp thực hiện kiểm tra đánh giá của các hệ đào tạo/ các hình thức đào tạo là đồng nhất. SV của các hệ đào tạo học cùng môn, thi cùng đề theo ngân hàng đề thi được trộn và bốc thăm ngẫu nhiên. Nhà trường cũng tổ chức chấm thi chung, có đáp án sẵn để GV nào cũng có thể chấm thi được [H4.4.4.12].

Sau khi kết thúc quá trình kiểm tra thi học kỳ, P.KT&ĐBCL sẽ tổng hợp báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong trường để gửi lên BGH. Những sai sót sẽ được tổng hợp để rút kinh nghiệm cho những năm tới [H4.4.4.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các quy định từ việc lập kế hoạch đến việc tổ chức thi, ra đề thi, chấm thi, giám sát thi, phúc khảo điểm thi nên đảm bảo được sự nghiêm túc và công bằng trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả của người học. Việc chấm thi tập trung đảm bảo được công tác chấm thi chính xác, khách quan, công bằng.

3. Tồn tại

Trường chưa tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả thi để đánh giá được mức độ khó dễ của đề thi để từ đó có hướng điều chỉnh thích hợp. Việc khảo sát tính xác thực của đề thi bằng cách thăm định đề thi bao gồm: GV ra đề, GV phản biện, thư ký đã phản ánh đúng năng lực của người học có chú trọng nhưng chưa thực hiện đại trà.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017:

- Tiến hành triển khai đánh giá chất lượng đề thi thông qua việc thống kê phân tích định lượng các kết quả thi của SV thuộc nhiều hình thức đào tạo để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

- Tiến hành khảo sát SV về tính sát thực của đề thi, đồng thời lấy ý kiến GV về các loại hình thi đang sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Kết quả thi của người học được công bố công khai sau mỗi kỳ thi. Theo quy định của nhà trường, SV được biết điểm của mình sau 2 tuần tính từ thời điểm kết thúc kỳ thi và được cấp một bảng điểm sau một khóa học. Ngoài ra các SV nếu có nhu cầu về bảng điểm thì đăng ký cấp bảng điểm qua website của trường, sau đó đến trực tiếp Phòng đào tạo để nhận bảng điểm [H4.4.5.1]. Nhà trường đã thực hiện việc cấp giấy chứng nhận, cấp phiếu điểm và giải đáp những thắc mắc về điểm trung bình chung năm học và xếp loại tốt nghiệp cho SV nhanh chóng kịp thời và thuận tiện. SV khi cần cấp các loại giấy tờ trên chỉ cần lên website của trường đăng kí, ngày hôm sau có thể lên Phòng Đào tạo để nhận các giấy tờ mình yêu cầu mà không mất thời gian lâu để chờ đợi [H4.4.5.2].

Kết quả học tập của người học được lưu trữ tại Khoa và tại Phòng KT&ĐBCL. Điểm thi của SV được nhập bằng máy nhập điểm tự động đảm bảo tính chính xác [H4.4.5.3]. SV có thể xem bảng điểm gốc trên trang web của trường và có thể phản ánh các thông tin về điểm thông qua hệ thống phản hồi thông tin điện tử, ngoài ra SV còn có thể theo dõi lịch sử quá trình thi cử của mình cũng trong website của nhà trường [H4.4.5.4].

Trường lưu giữ kết quả học tập của SV dưới hai hình thức, thứ nhất là giấy tờ, bảng điểm gốc [H4.4.5.5] và thứ hai là hệ thống cơ sở dữ liệu số. Phần mềm Quản lý điểm được phân lớp hợp lý và thuận tiện cho việc truy cập, an toàn theo chuẩn bảo mật ISO 27000 và có độ tương thích cao với các phần mềm khác.

Phần mềm tra cứu kết quả học tập của người học rõ ràng, đầy đủ, chính xác, thuận lợi và an toàn. Phần mềm được bảo vệ an toàn bằng hệ thống chia quyền hạn truy cập với password riêng cho từng người. Phần mềm có hệ thống bảo mật tốt nên đảm bảo các thông tin bên trong được an toàn tuyệt đối. Các hệ thống phần mềm quản lý học vụ do cán bộ của trường tự xây dựng, phát triển qua nhiều năm và được cập nhật theo sự phát triển của công tác quản lý đào tạo.

Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy trình quản lý của nhà trường, hoàn toàn đúng theo các quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.5.6]. Tất cả các văn bằng, chứng chỉ của người học được công bố rộng rãi trên website của trường [H4.4.5.7]. Hiện nay, phôi bằng và chứng chỉ được Bộ GD&ĐT cấp, quy trình cấp phát được triển khai rất chặt chẽ có liên quan nhiều đầu mối vị trí công việc khác nhau. Trường có quy định các điều kiện công nhận và cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H4.4.4.2]. Văn bằng, chứng chỉ học tập được cấp đúng qui định. Kết thúc khóa học, SV được nhận bằng tốt nghiệp và ký xác nhận tại Sở cấp bằng có dán ảnh và các nội dung liên quan, tuyệt đối không cho người khác nhận thay nên việc thất lạc văn bằng không xảy ra. Hệ thống sổ sách lưu giữ việc cấp phát bằng tốt nghiệp rõ ràng, được lưu giữ theo từng khóa tốt nghiệp và nếu SV có vấn đề cần chỉnh sửa nhà trường sẽ lưu lại trong file mềm cũng như trong sổ lưu được cất giữ cẩn thận [H4.4.5.8].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phần mềm của nhà trường đã đáp ứng yêu cầu của SV về việc nhận được các thông tin đầy đủ và kịp thời, đồng thời đảm bảo được tính bảo mật thông tin của từng cá nhân. Quy trình quản lý điểm và hệ thống quản lý đào tạo online vận hành tốt đảm bảo đáp ứng kịp thời cho người học, giảm thiểu được rất lớn nguồn nhân lực và tài lực cho nhà trường. Quy trình quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ rất chặt chẽ, đảm bảo biệc sai sót xảy ra tối thiểu nhưng đảm bảo kịp thời cho người học.

3. Tồn tại

Đã có quy định cụ thể về thời gian chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học, nhưng một số GV chưa thực hiện đúng yêu cầu về thời gian.

4. Kế hoạch hành động

Từ học kỳ 1, năm học 2016-2016 trường kiên quyết thực hiện việc chấm thi đúng tiến độ thông qua các giải pháp cụ thể, sau 1 tuần kể từ khi việc kết thúc thi thì các GV phải tiến hành chấm thi theo đúng quy định của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình SV tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường và sử dụng phần mềm trên nền tảng SQL Server như sau [H4.4.6.1]

- Dữ liệu tuyển sinh, điểm chuẩn đầu vào, danh sách SV nhập học hàng năm được Phòng Đào tạo lưu trữ đầy đủ. Kết quả học tập của SV, kết quả điểm tốt nghiệp, danh sách SV tốt nghiệp đều được lưu trữ, cập nhật định kỳ và hỗ trợ tìm kiếm dễ dàng [H4.4.6.2]
- Toàn bộ thông tin về lịch trình đào tạo, CTĐT, lịch giảng dạy của từng GV, thời khóa biểu học tập từng SV, lịch thi học kỳ và hệ thống lưu trữ điểm số được Trung tâm thông tin tư liệu quản lý trực tuyến và có thể truy xuất thông tin tức thời cung cấp cho người sử dụng. Mỗi GV và SV được cung cấp account để truy cập trang <http://me.lhu.edu.vn>:
 - + GV có thể theo dõi lịch giảng dạy, báo nghỉ, báo bù, đăng ký lịch dạy bù [H4.4.6.3]
 - + SV có thể đăng nhập vào hệ thống để cập nhật CTĐT, đăng ký môn học, xem thời khóa biểu, lịch thi, điểm, học phí, khảo sát ý kiến, đăng ký công tác xã hội... [H4.4.6.4]

Tình hình việc làm và thu nhập SV sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của trường [H4.4.6.5]

- Thời điểm SV nhận bằng tốt nghiệp: Nhà trường tiến hành khảo sát SV tốt nghiệp. Qua kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ trung bình có việc làm trước khi SV kết thúc thực tập trong năm năm là 64,06% do quá trình

thực tập SV đã phát huy được năng lực của mình và DN đã quyết định giữ lại công ty; có việc làm ngay thời điểm nhận bằng là 71,14%. Tỷ lệ trung bình năm năm có việc làm từ sáu tháng đến một năm sau khi SV tốt nghiệp qua khảo sát là 88,74%.

- Sau khi tốt nghiệp 3 đến 6 tháng: Dựa trên thông tin địa chỉ email có được, bộ phận QHĐN & HTSV tiếp tục thu thập ý kiến phản hồi của CSV về tình hình việc làm, thu nhập và các thông tin khác. Kết thúc đợt khảo sát, bộ phận QHĐN & HTSV tổng hợp và gửi báo cáo tới BGH và các khoa để giúp cho quá trình hiệu chỉnh, cập nhật và xây dựng CTĐT của trường. Đồng thời, các khoa cũng chủ động thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV trong buổi họp mặt cựu SV được tổ chức hàng năm, trong các buổi hội thảo chuyên đề do khoa tổ chức.
- Hằng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ biểu báo cáo thống kê năm học vào thời điểm 31/12 liên quan đến tất cả các mạng hoạt động của trường theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, trong đó bao gồm việc tổng kết đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo của nhà trường [H4.4.6.6].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống các phần mềm dùng để quản lý các cơ sở dữ liệu đào tạo một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Thực hiện khảo sát định kỳ sau mỗi đợt tốt nghiệp là cơ sở giúp nhà trường không ngừng cải tiến công tác đào tạo.

3. Tồn tại

Dữ liệu khảo sát SV tốt nghiệp đang được lưu ở dạng files excel, chưa được tích hợp vào hệ thống thông tin – dữ liệu về đào tạo và quản lý SV của chung toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, phòng Đào tạo phối hợp với Trung tâm thông tin tư liệu lập và triển khai kế hoạch nâng cấp CSDL theo đó dữ liệu khảo sát SVTN được tích hợp với hệ thống thông tin – dữ liệu về đào tạo và quản lý SV của chung toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Nhà trường có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo hàng năm và được thực hiện dựa trên đánh giá của SV tốt nghiệp, CSV và người sử dụng lao động [H4.4.7.1].

Đối với SV tốt nghiệp, nhà trường định kỳ tổ chức khảo sát nhằm thu thập thông tin phản hồi của người học về tình hình việc làm và khả năng thích nghi với môi trường làm việc. Các khảo sát gồm có: khảo sát SV khi SV kết thúc thực tập về trường báo cáo kết quả thực tập và thi tốt nghiệp; khảo sát SV sau tốt nghiệp, khi SV làm thủ tục nhận bằng và khảo sát sau khi SV tốt nghiệp được 3-6 tháng 1. Hình thức khảo sát được tiến hành thông qua các phiếu khảo sát phát tận tay SV khi đến nhận bằng hoặc khi làm lễ, còn đối với SV đã tốt nghiệp sau 3-6 tháng nhà trường tiến hành gửi email hoặc thông qua các dịp SV về trường hội thảo, họp mặt, liên hệ công tác. Nội dung các phiếu khảo sát SV tốt nghiệp được nhà trường điều chỉnh qua các đợt khảo sát. Sau thời gian SV thực hiện khảo sát, bộ phận QHDN & HTSV tiến hành phân tích, tổng hợp thành báo cáo và được trình cho BGH và gửi đến lãnh đạo các Khoa/Phòng/đơn vị có liên quan để nắm bắt tình hình việc làm hiện tại của SVTN, cũng như có những giải pháp cải tiến chất lượng đào tạo và hỗ trợ SV kịp thời [H4.4.7.2].

Việc khảo sát DN cũng được tổ chức thường niên nhằm thu thập ý kiến của DN đánh giá kiến thức và kỹ năng của SVTN nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu tuyển dụng và nâng cao thế mạnh cạnh tranh cho SV sau khi tốt nghiệp. Việc khảo sát do bộ phận QHDN & HTSV tiến hành, ngoài ra hàng năm các khoa đều tổ chức hội thảo CDR có sự tham dự của các DN cũng như cựu SV, trong buổi họp mặt này các khoa tiến hành lấy ý kiến của doanh nghiệp và CSV về CTĐT. Đây là kênh thông tin để nhà trường nhận được những phản hồi, đánh giá của người sử dụng lao động đối với sản phẩm đào tạo của nhà trường về sự đáp ứng

của CTĐT với công việc thực tế. Những ý kiến phản hồi của DN cũng sẽ được phân tích, tổng hợp thành báo cáo và được trình cho BGH và gửi đến lãnh đạo các Khoa/Phòng/đơn vị có liên quan [H4.4.7.3].

Từ các kết quả khảo sát SV tốt nghiệp, khảo sát CSV, khảo sát DN; nhà trường đã xem xét và có sự điều chỉnh CTĐT của từng ngành sao cho phù hợp nhằm góp phần tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm và SV làm việc phù hợp với ngành nghề đào tạo [H4.4.7.4]. Nhà trường cũng đã tăng cường nâng cao chất lượng ngoại ngữ, tin học cũng như kỹ năng mềm cho SV để đáp ứng yêu cầu của xã hội. Năm 2013, Nhà trường thành lập bộ phận Kỹ năng mềm dựa trên cơ sở thực thi Đề án số 543/ĐA-ĐHLH ngày 15/07/2013 của Hiệu trưởng về việc ban hành đề án “Đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho SV trường Đại học Lạc Hồng”. Thông qua đó, SV đã nâng cao kỹ năng mềm của bản thân để chuẩn bị cho môi trường làm việc mới sau khi tốt nghiệp [H4.4.7.5]. Tiếp theo đó, năm 2015 nhà trường ban hành đề án học tiếng anh trực tuyến miễn phí cho SV. Đề án này đã giúp SV có ý thức tự rèn luyện tiếng anh ngoài giờ lên lớp và nâng cao năng lực học tiếng anh đặc biệt là kỹ năng nghe và nói [H4.4.7.6].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bộ phận phụ trách triển khai hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV và DN thường niên

Hoạt động này nhận được nhiều sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường và DN.

Nhà trường và khoa có những hành động thiết thực để cải thiện chất lượng đào tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của SV tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Tỷ lệ phần trăm CSV tốt nghiệp tham gia khảo sát chưa cao và chưa nhận được nhiều quan tâm từ CSV một số ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, nhà trường sẽ đẩy mạnh các hoạt động tương tác giữa nhà trường và CSV nhằm thu hút nhiều ý kiến phản hồi của CSV

Kết hợp khảo sát với phỏng vấn sâu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Các hoạt động đánh giá kết quả học tập, đổi mới PPGD và phương pháp học tập của Trường là đa dạng và mang tính thực tiễn cao. Phần mềm quản lý học vụ đã nhiều lần được tăng thêm các chức năng trong quá trình vận hành, hỗ trợ tối đa cho người dùng và tạo hiệu quả trong công tác quản lý đào tạo.

Hoạt động đánh giá chất lượng ĐT đã dần hình thành thói quen lưu trữ các văn bản có liên quan, góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại mà nhà trường đã nhận diện và sẽ nỗ lực khắc phục như việc GVCN làm chưa tốt công tác tư vấn cho người học hoặc dữ liệu khảo sát SVTN đang được lưu trữ ở dạng files excel, chưa được tích hợp vào hệ thống thông tin – dữ liệu về ĐT và quản lý SV của chung toàn trường.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Lạc Hồng luôn xác định việc xây dựng và phát triển đội ngũ là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của Nhà trường. Trong giai đoạn 2011-2016 Nhà trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng CBGV và nhân viên, bổ nhiệm CBQL, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV và nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong và ngoài nước, được phát huy và đảm bảo quyền dân chủ trong Trường. Đội ngũ CBQL của Trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực công tác. Đội ngũ GV trẻ có trình độ chuyên môn đảm bảo sự kế thừa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên năng động trong công tác đảm ứng yêu cầu công việc.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBGV và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm CBQL được HĐQT, BGH nhà trường xác định là một trong những nhiệm vụ then chốt quan trọng để hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của Trường Đại học Lạc Hồng.

Để công tác tuyển dụng hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế. Nhà trường đã xây dựng quy trình tuyển dụng nhân sự [H5.5.1.1]. Hàng năm Hiệu trưởng yêu cầu các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự [H5.5.1.2]. Phòng Hành chính – Tổ chức tổng hợp nhu cầu tuyển dụng nhân sự các đơn vị trình Hiệu trưởng phê duyệt [H5.5.1.3]. Từ đó Nhà trường thông báo tuyển dụng nhân sự trên website Trường [H5.5.1.4]. Việc tuyển dụng nhân sự mới, Nhà trường tổ chức thường xuyên trong năm theo kế hoạch đã được phê duyệt, tạo điều kiện cho các đơn vị được chủ động nguồn nhân sự đáp ứng theo chỉ tiêu tuyển dụng và phù hợp với tiêu chí tuyển dụng chung của Nhà trường [H5.5.1.1]. Các đơn vị sau khi phỏng vấn, kiểm tra các ứng viên dự tuyển và chọn được nhân sự sẽ đề xuất tuyển dụng lên cho Phòng Hành chính – Tổ chức [H5.5.1.5]. Sau đó Phòng Hành chính – Tổ chức sẽ làm quyết định tuyển dụng nhân sự trình Hiệu trưởng phê duyệt [H5.5.1.6].

Song song với công tác tuyển dụng, việc học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ, phát triển chất lượng đội ngũ cũng được Nhà trường chú trọng. Nhà trường đã ban hành quy định học tập nâng cao trình độ lên ThS, TS trong đó có những chính sách để kích thích, thu hút nhân tài như: Cử đi học nước ngoài được hưởng nguyên lương, phúc lợi được hưởng 100% như đang làm việc, tốt nghiệp ThS được hỗ trợ 20.000.000đ/người; tốt nghiệp TS được hỗ trợ 30.000.000đ/người [H5.5.1.7]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành quy định nâng cao trình độ tiếng Anh cho GV và cán bộ quy hoạch của Trường [H5.5.1.8]; khuyến khích CBGV và nhân viên tham dự các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn, tham dự các hội nghị, hội thảo, kể cả các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài cũng được nhà trường tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để tham gia [H5.5.1.9].

Về công tác bổ nhiệm CBQL của Trường Đại học Lạc Hồng được thực

hiện đúng và phù hợp với cơ cấu tổ chức của trường đại học loại hình tư thục. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng [H5.5.1.10]; tương ứng với mỗi cấp quản lý sẽ có quy trình và tiêu chuẩn bổ nhiệm khác nhau: quy trình bổ nhiệm và công nhận HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Hiệu trưởng đúng theo quy định pháp luật, do UBND tỉnh Đồng Nai ký quyết định phê duyệt. Quy trình và tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh khác như Phó Hiệu trưởng, trưởng đơn vị phòng, khoa, ban do Hiệu trưởng trình Hội đồng quản trị xem xét và ký quyết định; các phó trưởng đơn vị phòng, khoa, ban do Hiệu trưởng quyết định, công tác bổ nhiệm được tổ chức chặt chẽ ở các bước [H5.5.1.11].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng có kế hoạch, linh động phù hợp với hoàn cảnh và tình hình thực tế của Nhà trường.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chất lượng đội ngũ được Nhà trường đặc biệt quan tâm, có nhiều chính sách đãi ngộ đặc biệt để phát triển đội ngũ.

Cán bộ, GV sau khi được quy hoạch học nâng cao trình độ được bổ nhiệm vào các vị trí theo đúng năng lực chuyên môn đã được đào tạo, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường.

3. Tồn tại

Do ảnh hưởng của thị trường lao động, nên việc giữ chân những cán bộ, GV có trình độ học vị chuyên môn cao và kinh nghiệm làm việc là một vấn đề nan giải của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới Phòng Hành chính – Tổ chức tham mưu Hội đồng quản trị, BGH tiếp tục quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ CBGV và nhân viên hiện có nhà trường. Xây dựng ban hành mới những chính sách, chế độ phù hợp để giữ chân, thu hút thêm CBQL và GV trình độ cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, pháp luật và Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở [H5.5.2.1], Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT ngày 01/3/2000 về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường [H5.5.2.2], Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng đã ra Quyết định số 855/QĐ-ĐHLH, ngày 12/11/2011 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong Nhà trường [H5.5.2.3].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa BGH, lãnh đạo các đơn vị với SV toàn trường nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng và những đề xuất góp ý của SV [H5.5.2.4].

Vào đầu năm học Nhà trường phối hợp với Công đoàn tổ chức Hội nghị Người lao động [H5.5.2.5]; Hội nghị được tổ chức từ cấp đơn vị đến Hội nghị cấp Trường [H5.5.2.6]. Tại Hội nghị Người lao động cấp Trường, toàn bộ hoạt động của Trường trong năm học được báo cáo một cách công khai và thực hiện ký kết Thỏa ước lao động tập thể rõ ràng và minh bạch đầy đủ các quyền lợi của người lao động về chế độ lương, thưởng, thăm ốm đau, cưới, thai sản, tang chế, ... [H5.5.2.7].

Tính dân chủ trong việc hội họp của Trường luôn được đảm bảo: mỗi tháng ít nhất một lần, Hiệu trưởng chủ trì cuộc họp giao ban toàn trường với sự tham gia của lãnh đạo các phòng, ban, khoa và trung tâm trực thuộc Trường; trong cuộc họp Hiệu trưởng chỉ đạo công việc trong trách nhiệm và quyền hạn của mình, tiếp nhận mọi ý kiến đóng góp từ các đơn vị; kịp thời giải quyết công việc theo phương châm vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động của Trường, vừa đảm bảo quyền lợi người lao động. Các cuộc họp giao ban là thời điểm để lãnh đạo của các đơn vị, đại diện cho các thành viên khác phản hồi thông tin đến Nhà trường [H5.5.2.8].

Công đoàn cơ sở hoạt động hiệu quả, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần

và bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động theo luật định. Những danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao nhất đã đạt được trong 5 năm gần nhất như sau: Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước cho CĐCS có thành tích xuất sắc trong công tác trao năm 2013; Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho CĐCS xuất sắc vững mạnh được trao năm 2010, 2013, 2016 [H5.5.2.9].

Kết quả thi đua - khen thưởng tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học được Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện dựa trên đề xuất từ chính các đơn vị. Quy trình xét thi đua khen thưởng là công khai và minh bạch; kết quả được Nhà trường thông báo rộng rãi đến người lao động [H5.5.2.10].

Nhà trường đã thành lập Phòng Thanh tra giáo dục theo Quyết định số 774/QĐ-ĐHLH, ngày 15/12/2011 [H5.5.2.11]. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức trên được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Chương 2 của Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra cơ sở GDDH, trường TCCN và theo Điều 41 [H5.5.2.12]; tổ chức thực hiện công tác thanh tra của Nhà trường tuân thủ theo pháp luật, quy định của ngành, lịch tiếp công dân được niêm yết công khai trước Phòng Thanh tra Giáo dục, hộp thư điện tử (thanhtralhu13@gmail.com) góp ý được niêm yết trên website Trường để CBGVNV và SV góp ý nhằm giải quyết kịp thời các ý kiến, đề xuất, xử lý ngay các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật và quy chế của Nhà trường. Vì vậy mà trong 5 năm qua Nhà trường không xảy ra các vụ khiếu nại, tố cáo nào [H5.5.2.13].

2. Điểm mạnh

Những ý kiến đóng góp của CBGVNV luôn được Ban lãnh đạo xem xét và giải quyết thỏa đáng, kịp thời. Mọi hoạt động của Trường tập trung vào hướng đảm bảo, phát huy dân chủ cơ sở; các Đoàn thể được tạo điều kiện thuận lợi trong công tác.

3. Tồn tại

Việc đóng góp ý kiến của SV và CBGVNV vào hộp thư góp ý còn rất hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 – 2017, Nhà trường tiếp tục tuyên truyền để SV và CBGVNV hiểu rõ việc đóng góp ý kiến của SV và CBGVNV là nhằm huy động và phát huy năng lực, trí tuệ, sức mạnh của mọi cá nhân, đóng góp chung vào sự phát triển của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Công tác phát triển đội ngũ CBGV và nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ là nhiệm vụ quan trọng mà Trường Đại học Lạc Hồng đặc biệt quan tâm. Nhà trường đã ban hành những chính sách về chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng đi học tập nâng cao trình độ ThS, TS trong và ngoài nước [H5.5.3.1]. Trong đó có những chính sách để kích thích, thu hút nhân tài như: đi học nước ngoài được hưởng nguyên lương, phúc lợi được hưởng 100% như đang làm việc, tốt nghiệp ThS được hỗ trợ 20.000.000đ/người; tốt nghiệp TS được hỗ trợ 30.000.000đ/người và được nâng lương theo trình độ. Đặc biệt Nhà trường đã có chính sách thu hút TS tốt nghiệp trong nước: phụ cấp 2.000.000đ/tháng ngoài lương; TS tốt nghiệp nước ngoài: phụ cấp 3.000.000đ/tháng ngoài lương [H5.5.3.2].

Để thực hiện nhiệm vụ này, Nhà trường chủ động chọn các CBGV và nhân viên có triển vọng phát triển lâu dài đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước [H5.5.3.3]. Trong giai đoạn 2011-2016, tổng cộng có 187 người hoàn thành chương trình học; trong đó gồm 24 TS, 163 ThS [H5.5.3.4].

Bảng 5.1. Số lượng giảng viên được cử đi học đào tạo trong và ngoài nước hoàn thành chương trình học giai đoạn 2011-2016

Bậc học \ Năm	Năm						TỔNG CỘNG
	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
Tiến sĩ			5	4	8	7	24
Thạc sĩ	19	44	36	31	20	13	163
TỔNG CỘNG	19	44	41	35	28	20	187

Trong đó, CBGV và nhân viên học tập nước ngoài tại Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Cộng hòa Séc, Áo, Pháp, Philippines hoàn thành chương trình học có 37 người (22 TS, 15 ThS).

Bảng 5.2. Số lượng giảng viên được cử đi học ngoài nước hoàn thành chương trình học giai đoạn 2011-2016

Bậc học \ Năm	Năm						TỔNG CỘNG
	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
Tiến sĩ nước ngoài			4	4	8	6	22
Thạc sĩ nước ngoài	3	2	4	5	1		15
TỔNG CỘNG	3	2	8	9	9	6	37

Ngoài ra, Nhà trường ban hành quy định nâng cao trình độ tiếng Anh cho GV và cán bộ quy hoạch của Trường [H5.5.3.5], Quy định hỗ trợ kinh phí và khen thưởng đăng bài trên tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành [H5.5.3.6]. Bên cạnh đó còn có các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn, viết bài tham luận, tham dự các hội nghị, hội thảo kể cả các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài cũng được nhà trường tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian cũng như kinh phí để tham gia nhằm nâng cao nghiệp vụ [H5.5.3.7].

Song song đó Nhà trường cũng tổ chức lớp học để phổ biến quy chế cho toàn thể CBGV và nhân viên bao gồm nội dung như: Chế độ chính sách đối với CBGV và nhân viên; Quy chế đào tạo Trường; Quy định về NCKH và sáng kiến kinh nghiệm, lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính,

mở các lớp hướng dẫn viết bài báo khoa học quốc tế tiếng Anh, lớp quản lý CSVC theo tiêu chuẩn 3S/5S... [H5.5.3.8]. Đặc biệt để cho CBGV và nhân viên trường có cơ hội giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với các nhà khoa học, chuyên gia hàng đầu. Nhà trường đã đăng cai tổ chức Hội thảo khoa học “Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng CNTT lần thứ V” hay còn gọi là hội nghị “FAIR” năm 2011. Hội nghị Cơ điện tử toàn quốc lần thứ 7 VCM năm 2014 [H5.5.3.9].

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Lạc Hồng đã xây dựng và ban hành những quy định cụ thể về chế độ, chính sách hỗ trợ CBGV và nhân viên học tập nâng cao trình độ, tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước một cách hiệu quả.

3. Tồn tại

Chưa có chiến lược cụ thể nhằm khai thác tối đa mối quan hệ với các đối tác nước ngoài để tìm kiếm học bổng hỗ trợ cho CBGV và nhân viên đi học nước ngoài. Một số GV tự tìm suất học bổng từ nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới nhà trường mở rộng HTQT, thúc đẩy phát triển các mối quan hệ với các đối tác nước ngoài nhằm khai thác có hiệu quả trong việc hỗ trợ CBGV và nhân viên trong việc tìm các suất học bổng nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Trong nhiều năm qua, nhận thức rõ vai trò của đội ngũ CBQL trong sự phát triển chung, Nhà trường đã chủ động quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp [H5.5.4.1], xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV dài hạn và ngắn hạn đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường [H5.5.4.2], Trường có bảng mô tả cụ thể, rõ ràng cho từng vị trí quản lý, trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý [H5.5.4.3].

Từ năm học 2015-2016, thông qua Bảng tự đánh giá chấm điểm của CBQL

để Nhà trường ghi nhận những đóng góp, năng lực và sự phù hợp của từng cá nhân lãnh đạo với các vị trí đảm trách [H5.5.4.4]. Nhờ vậy, nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ CBQL ngày càng được nâng cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều CBQL có năng lực và thành tích đã được tập thể nhất trí đề nghị lãnh đạo các cấp khen thưởng kịp thời [H5.5.4.5].

Kết quả tổng kết bình xét hàng năm cho thấy CBGV và nhân viên của Trường được đánh giá có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. 100% CBQL đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, không có CBQL bị kỷ luật [H5.5.4.6]. Nhiều CBQL được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ và được nhận những phần thưởng cao quý của Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Tỉnh, các ban ngành đoàn thể Trung ương và địa phương [H5.5.4.7].

Đội ngũ CBQL được nhà trường đào tạo bồi dưỡng đều đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức và được đánh giá làm việc hiệu quả và trải qua quá trình làm việc ít nhất từ hai năm tại Trường trước khi được bổ nhiệm [H5.5.4.1].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL của trường có tuổi đời trẻ, năng động, nhiệt tình, có phẩm chất đạo đức, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao, được tập thể tin nhiệm. Hàng năm nhiều tập thể và cá nhân đã được tuyên dương khen thưởng.

3. Tồn tại

Đội ngũ CBQL còn hạn chế về khả năng vận dụng vào thực tế GDDH nên hiệu quả quản lý chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 – 2017, Phòng Hành chính – Tổ chức xây dựng tiêu chuẩn về chức vụ, năng lực, rà soát công tác quy hoạch, chuẩn hóa đối với CBQL.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5 Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình SV/ giảng viên.

1. Mô tả

Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, là một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đến nay trường đã xây dựng CTĐT cấp tiến theo chuẩn mực quốc tế với 02 ngành đào tạo TS, 06 ngành đào tạo ThS, 20 ngành bậc hệ đại học chính quy, 12 ngành liên thông từ CĐ lên đại học, 05 ngành liên thông từ trung cấp lên đại học và đảm bảo mỗi ngành có ít nhất 01 TS và 03 ThS theo quy định mở ngành. Hàng năm, căn cứ theo kết quả tuyển sinh và chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT cho phép, Nhà trường thống kê số lượng đội ngũ GV tại các khoa/bộ môn có học tập sau đại học trong nước và nước ngoài nhằm rà soát đội ngũ GV đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng để mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo, đảm bảo cho việc thực hiện CTĐT và NCKH [H5.5.5.1]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ GV phát huy quyền tự chủ về học thuật bằng cách khuyến khích GV tham gia NCKH để nâng cao trình độ chuyên môn và học thuật [H5.5.5.2]. Tính đến 31/12/2016, nhà trường có 390 GV cơ hữu tương ứng cho 37 CTĐT với 72,56% có trình độ sau ĐH [H5.5.5.3]. Đội ngũ GV cơ hữu nhà trường được thống kê chia theo ngành như sau:

Bảng 5.3: Thống kê đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên chia theo chương trình đào tạo (tính đến 31/12/2016)

T T	Tên chương trình đào tạo	Tổng số lượng	Giáo sư	PG S	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Sau đại học trở lên	Tỷ lệ Sau đại học trở lên(%)
<i>a</i>	<i>b</i>	$l=2+3+$ $4+5+6$	2	3	4	5	6	$7=2+$ $3+4+$ 5	$8=7/1$
1	Dược học	80	1	4	11	17	47	33	41,25
2	Công nghệ thông tin	43	1	2	2	33	5	38	88,37

3	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	8	0	0	1	4	3	5	62,50
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	11	0	0	3	6	2	9	81,82
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7	0	1	1	3	2	5	71,43
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	13	0	2	0	5	6	7	53,85
7	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	18	2	0	3	8	5	13	72,22
8	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7	0	0	2	4	1	6	85,71
9	Công nghệ thực phẩm	9	0	0	2	3	4	5	55,56
10	Công nghệ sinh học	8	0	0	1	3	4	4	50,00
11	Khoa học môi trường	6	0	0	2	4	0	6	100,00
12	Quản trị kinh doanh	35	0	2	17	15	1	34	97,14
13	Kế toán - Kiểm toán	23	0	1	5	16	1	22	95,65
14	Tài chính - Ngân hàng	21	0	1	5	15	0	21	100,00
15	Luật kinh tế	6	0	0	1	3	2	4	66,67
16	Kinh tế - Ngoại thương	10	0	0	1	9	0	10	100,00
17	Đông phương học	22	0	0	1	10	11	11	50,00
18	Trung Quốc học	5	0	0	2	3	0	5	100,00
19	Việt Nam học	4	0	0	1	3	0	4	100,00
20	Ngôn ngữ Anh	27	0	0	0	21	6	21	77,78
21	Môn chung	27	0	0	4	16	7	20	74,07
	TỔN	390	4	13	65	201	107	283	72,56

CỘNG:(1+...+21) =								
--------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--

(Nguồn: Phòng Hành chính - Tổ chức)

Ngoài ra, để đảm bảo nguồn GV đáp ứng chiến lược phát triển giáo dục, Trường còn tuyển dụng thêm nguồn GV bên ngoài, nhất là GV có học vị, chức danh khoa học, có uy tín với trình độ từ TS trở lên để tham gia công tác giảng dạy chuyên môn. Đồng thời, SV tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc, đạt giải cao trong các kỳ Hội nghị NCKH đều được nhà trường ưu tiên giữ lại trường làm công tác trợ giảng, bồi dưỡng năng lực sư phạm và yêu cầu cam kết thi đậu ThS trong vòng ba năm kể từ ngày được tuyển dụng nhằm tăng cường đội ngũ GV cơ hữu đủ chuẩn và giảm tỷ lệ trung bình SV/GV theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhờ thực hiện quy trình tuyển dụng GV cơ hữu rõ ràng kết hợp với đội ngũ GV thỉnh giảng nên trường có đủ số lượng GV cho các hoạt động đào tạo, giảm tỷ lệ trung bình SV/GV.

Bảng 5.4: Tỷ lệ quy đổi SV/GV (tính đến 31/12/2016)

Khối ngành	Thực tế của Trường	Quy định của Bộ GD&ĐT
III	14,2	25
IV	12,1	20
V	12,5	20
VI	11,6	15
VII	21,2	25
Trung bình	14,3	

(Nguồn: Phòng Hành chính – Tổ chức)

Theo bảng 5.4 thì tỷ lệ trung bình của toàn trường đạt 14,3 SV/GV, các khối ngành đều có tỷ lệ thấp hơn so với quy định của Bộ GD&ĐT, đáp ứng đủ số lượng GV để thực hiện CTĐT và NCKH.

2. Điểm mạnh

- Có đội ngũ GV trẻ đầy nhiệt huyết và năng động.
- Có đội ngũ GV thỉnh giảng có học vị, chức danh khoa học và có nhiều kinh nghiệm.

3. Tồn tại

Lực lượng GV trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, chưa mang lại hiệu quả giảng dạy đồng đều trong toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2016 - 2020, Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện để GV trẻ tiếp tục đi học nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

❖ Trình độ chuyên môn:

Căn cứ Luật GDĐH số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 tại điều 54 và Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 về việc ban hành Điều lệ trường đại học có quy định cụ thể 5 tiêu chuẩn của GV đại học [H5.5.6.1]. Như vậy, đội ngũ GV đảm bảo đạt trình độ chuẩn là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo, NCKH của một trường đại học.

Hàng năm, các khoa chuyên môn có kế hoạch đề xuất hợp lý cho GV của đơn vị tham gia chương trình sau đại học và yêu cầu cam kết thi đậu ThS trong vòng ba năm kể từ ngày được tuyển dụng, đồng thời Trường cũng thường xuyên thống kê số lượng cũng như chất lượng đội ngũ GV tại các khoa/bộ môn. Đội ngũ này nhanh chóng được nâng lên về số lượng và chất lượng qua từng năm, tính đến ngày 31/12/2016, tổng số GV cơ hữu của trường là 390 GV, trong đó tỷ lệ GS, PGS là 4,36%; TS là 16,67%; ThS là 51,54%. Nguồn GV cơ hữu của trường sau khi hoàn tất chương trình sau đại học được bố trí giảng dạy ở các bậc học, các loại hình đào tạo phù hợp với trình độ chuyên môn ở các khoa [H5.5.6.2].

❖ Trình độ ngoại ngữ:

Đội ngũ GV làm việc tại trường phải tự trang bị trình độ ngoại ngữ và tin

học ở mức tối thiểu trình độ B; từ năm 2010 đến nay, mức yêu cầu trình độ ngoại ngữ tối thiểu tương đương tiếng Anh B1 (khung 6 bậc châu Âu). Ngoài ra, Nhà trường cũng ban hành Quy định công nhận GV với yêu cầu trình độ ngoại ngữ để khuyến khích các GV tự học nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu cập nhật thông tin, kiến thức mới trong giảng dạy và NCKH [H5.5.6.3].

❖ Trình độ tin học:

Đội ngũ GV đều đạt trình độ B theo quy định tiêu chuẩn GV của trường: sử dụng thành thạo tin học văn phòng căn bản, sử dụng các phần mềm ứng dụng dùng trong chuyên môn để áp dụng cho bài giảng thêm sinh động khi trình chiếu cho người học. Bên cạnh đó, Trường cũng xây dựng hệ thống hộp thư điện tử (www.mail.lhu.edu.vn) cho mỗi cán bộ GV, NV bằng địa chỉ hộp thư cấp cho mỗi cá nhân; và xây dựng hệ thống thông báo nội bộ (www.me.lhu.edu.vn) cũng sử dụng tài khoản cá nhân riêng để truy cập kết nối tương tác giữa GV và SV trong toàn trường. Như vậy, toàn trường đã ứng dụng tin học vào tất cả các hoạt động, kể cả việc đăng ký lịch làm việc, chấm công, xem lịch giảng, đề xuất ý kiến, kiến nghị, ... yêu cầu mỗi GV phải có trình độ tin học nhất định.

2. Điểm mạnh

- 100% GV cơ hữu giảng dạy trình độ ĐH của Trường đều có bằng ThS đúng chuyên ngành;
- GV được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo;
- Trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ GV không ngừng được nâng cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại

Tỷ lệ đội ngũ GV trẻ có chức danh khoa học, học vị cao còn thấp; năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ của đội ngũ GV chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho giảng dạy học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, nâng cao tỉ lệ GV có trình độ sau đại học, đặc biệt là TS.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, trong những năm qua Trường Đại học Lạc Hồng luôn chú trọng đến chính sách phát triển đội ngũ GV để có thể vừa đảm bảo kinh nghiệm công tác chuyên môn, vừa trẻ hóa đội ngũ. Trong công tác tuyển dụng, Nhà trường chủ trương chọn những người trẻ có học lực khá, giỏi để đào tạo, song song đó vẫn ưu tiên chọn nguồn nhân sự chất lượng cao có kinh nghiệm về công tác quản lý, giảng dạy cũng như trình độ (TS, PGS, GS) [H5.5.7.1].

Đội ngũ GV trẻ của Nhà trường đã từng bước được chuẩn hóa về trình độ (ThS, TS), Tính đến tháng 12/2016, đội ngũ GV của Nhà trường là 390 người [H5.5.7.2], trong đó có 209 GV cơ hữu trình độ sau đại học có độ tuổi dưới 40 tuổi, độ tuổi trung bình của GV cơ hữu của trường là 36,89 tuổi, thâm niên công tác là 7 năm, số GV dưới 40 tuổi là 307 GV (đạt 78,72%); tỷ lệ GV trẻ dưới 30 tuổi chiếm gần 1/3 tổng số GV (31,28%) thuận lợi công tác giảng dạy lâu dài và dễ dàng trong việc học tập nâng cao trình độ, NCKH, tiếp thu công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường.

Bảng 5.5. Phân loại GV cơ hữu theo độ tuổi tính đến 31/12/2016

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS	4	1.03%	4	0	0	0	0	0	4
2	PGS	13	3.33%	9	4	0	0	0	0	13
3	TSKH									
4	Tiến sĩ	65	16.67%	43	22	1	25	8	11	20
5	ThS	201	51.54%	106	95	47	136	14	2	2
6	Đại học	107	27.44%	53	54	74	24	5	1	3
	Tổng	390	100.00%	215	175	122	185	27	14	42
						31.28%	47.44%	6.92%	3.59%	10.77%

Số lượng các GV trên 40 tuổi trở lên là 83 GV (chiếm tỷ lệ 21.28%), trong đó cán bộ, GV có trên 10 năm công tác giảng dạy chiếm 21,54%. Đây là đội ngũ sư phạm đang phát huy vai trò tích cực trong hoạt động đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học, NCKH, hướng dẫn và giúp đỡ các GV trẻ. Tỷ lệ trên đảm bảo đội ngũ GV được cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ GV theo quy định.

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ CBGV trẻ, năng động, sáng tạo trong giảng dạy và NCKH, có khả năng tiếp thu công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường.

Được thành lập từ năm 1997 đến nay, Trường Đại học Lạc Hồng có nhiều CBQL, giảng dạy có kinh nghiệm làm nền tảng hỗ trợ bên cạnh GV trẻ là động lực cho sự phát triển của GV trẻ.

3. Tồn tại

Do số lượng GV trẻ trình độ TS chiếm tỷ lệ chưa cao ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục cho đội ngũ GV trẻ học tập nâng cao trình độ và tham dự các hội thảo khoa học, CGCN, NCKH, tham gia kết hợp chung với các GV kinh nghiệm trong các đề tài về khoa học nhằm duy trì và phát triển đội ngũ GV cân bằng về độ tuổi cũng như kiến thức chuyên môn bám sát nhu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8 Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ kỹ thuật, y tế, nhân viên, phục vụ để hỗ trợ cho công tác quản lý và đào tạo, sử dụng và quản lý các trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH, được bố trí và phân công theo đúng yêu cầu công việc đảm nhận tại các khoa, phòng chức năng. Đến ngày 31/12/2016, Nhà trường có

07 kỹ thuật viên trực thuộc phòng Quản trị thiết bị có nhiệm vụ sửa chữa, bảo trì các thiết bị âm thanh, ánh sáng, đèn chiếu; 24 chuyên viên chuyên về quản trị mạng máy tính, bảo trì mạng, lập trình và 04 nhân viên thủ thư làm việc tại thư viện thuộc Trung tâm thông tin tư liệu, 09 nhân viên y tế và hơn 45 nhân viên phục vụ thuộc các khoa, phòng, ban, trung tâm có bằng cấp đúng chuyên ngành. Tại các phòng máy và PTN đều có đội ngũ GV dạy thực hành, quản lý và hướng dẫn người học sử dụng trang thiết bị [H5.5.8.1].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường có nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác hành chính, hướng dẫn sử dụng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy và NCKH, các công việc của trường đều thực hiện thông qua hệ thống mạng nội bộ nên đội ngũ kỹ thuật viên của trường đều có khả năng sử dụng vi tính khá thành thạo. Tuy vậy, đội ngũ này cũng không ngừng phấn đấu tham gia học tập nâng cao trình độ ở bậc đào tạo đại học và sau đại học nhằm phục vụ tốt cho công tác.

Bảng 5.6: Thống kê đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên

TT	Khoa, phòng, Ban	Số kỹ thuật viên, nhân viên	Trình độ đào tạo				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC
1	Trung tâm thông tin tư liệu	28		13	12	01	02
2	Phòng quản trị thiết bị	07			04	03	
3	Khoa Cơ điện – Điện tử	19		08	11		
4	Khoa Kỹ thuật công trình	04			04		
5	Khoa công nghệ Hóa học và Môi trường	15		09	06		
6	Khoa Dược	13			01	07	05
7	Khu nội trú	03					03
8	Trung tâm CISCO	01			01		
Tổng số		90		30	39	11	10

(Nguồn: Phòng Hành chính - Tổ chức)

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường khi tuyển dụng đều có bằng cấp về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ quản trị thiết bị, phòng máy còn có các chứng chỉ nghiệp vụ phù hợp với chuyên môn như chứng chỉ về mạng CCNA, MCSA... Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng thông qua các lớp chuyên đề về nghiệp vụ như các chuyên đề

về giao tiếp, quản lý hành chính, văn thư lưu trữ, kỹ năng soạn thảo văn bản, bảo vệ, PCCC, ngoại ngữ nhằm phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý đào tạo và NCKH [H5.5.8.2].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đã giúp cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH đạt hiệu quả. Nhà Trường đã có những trang bị và hướng dẫn thiết thực để phục vụ cho việc dạy và học hiệu quả thông qua việc lắp đặt hệ thống mạng wifi trong toàn trường ở tất cả các cơ sở, xây dựng nhiều chương trình phần mềm hữu ích, tin học hóa các thông tin ứng dụng phục vụ cho việc dạy và học, hướng dẫn người học sử dụng: đăng ký lịch học, xem lịch học, xem điểm,... thông qua các buổi sinh hoạt GVCN hàng tuần và tổ chức buổi đối thoại với SV đang học, cũng như tiếp nhận thông tin phản hồi trên hệ thống để điều chỉnh kịp thời cho người học [H5.5.8.3].

Hàng năm, Thông qua báo cáo tổng kết của các đơn vị, đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên đều được đánh giá từ mức lao động tiên tiến đến mức chiến sĩ thi đua, điều này cho thấy công tác quản lý và phục vụ được đảm bảo, đáp ứng tốt yêu cầu của việc dạy và học [H5.5.8.4].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên kỹ thuật trẻ, có trình độ chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công việc đáp ứng các nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại:

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được cho đi học tập chuyên môn, nghiệp vụ còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2016 - 2020, các phòng, ban tăng cường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, giao tiếp cộng đồng cho đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên. Khuyến khích đội ngũ này tự học tập nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ ngày càng cao của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 6. Người học

Mở đầu

Các hoạt động liên quan đến người học luôn được Nhà trường quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đạt được nhiều kết quả tốt. Trường đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản, quy định đến người học, giúp người học hiểu rõ được CTĐT, kiểm tra đánh giá. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định của nhà nước và được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động, tham gia các phong trào văn nghệ, TDTT, được đảm bảo an toàn trong trường học. người học Trường có những biện pháp cụ thể để làm tốt công tác đối với người học, nhằm đảm bảo quyền lợi, thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học tu dưỡng, rèn luyện và đạt kết quả cao trong học tập.

Các hoạt động đều nhằm mục đích chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học; giúp người học hiểu về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người học và tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập, rèn luyện và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

Các hoạt động được tổ chức có hiệu quả đồng đều ở các mảng học tập, nghiên cứu, rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống...

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Người học được giới thiệu về CTĐT khi nhập học. Điều đó được thể hiện qua việc mỗi người học đều được trường cung cấp một cuốn niên giám khi vừa nhập học. Từ năm học 2014 trở về trước niên giám được in và phát miễn phí cho SV, từ năm học 2015 đến nay, niên giám được chuyển thành file và đưa lên trang website để SV truy cập và có thể xem bất kỳ lúc nào. Trong niên giám có các nội dung về chức năng, nhiệm vụ và sứ mạng của Nhà trường, địa chỉ các đơn vị trường, CTĐT, quy chế đào tạo, giới thiệu về tổ chức đào tạo, đề cương

tóm tắt các môn học các ngành, số học kỳ, số tín chỉ, điều kiện tốt nghiệp, kiểm tra và thi học phần, cách tính điểm về kết quả học tập, thực tập tốt nghiệp, thi tốt nghiệp, cách tính điểm tốt nghiệp, NCKH, cấp bằng, bảo lưu, xử lý vi phạm, ...Ngoài ra, trong niên giám có các nội dung về hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện, kỷ luật SV, quy định thực hiện nếp sống văn hóa học đường, quyền, nhiệm vụ và những điều người học không được làm, giới thiệu và hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm giáo trình... Kể từ năm học 2016, Nhà trường đã biên soạn và đưa sổ tay SV lên trang cá nhân me.lhu.edu.vn của SV. Nội dung sổ tay SV có các nội dung về hướng dẫn SV giải quyết thủ tục hành chính, các vấn đề về học tập và rèn luyện tại trường [H6.6.1.1].

Người học có thông tin về đề cương tóm tắt môn học được nêu trong niên giám năm học. Ngoài ra, đề cương chi tiết môn học được GV phổ biến vào buổi học, được đưa lên trang website của khoa, giúp người học được nắm rõ. Trong đề cương chi tiết, người học được hướng dẫn kiểm tra, đánh giá thông qua kiểm tra và thi học phần cũng như cách tính điểm về kết quả học tập [H6.6.1.2].

Đầu mỗi năm học Nhà trường tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa, phổ biến các chủ trương, chính sách của nhà nước về giáo dục, về quy chế đào tạo của Nhà trường như mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, chiến lược phát triển của Nhà trường, CTĐT: đăng ký học phần, đánh giá kết quả học tập, thi hết môn, thực tập, tham quan thực tế, CDR, chứng chỉ tin học ngoại ngữ..., các nội dung về CTSV: rèn luyện, kỷ luật, y tế học đường, văn hóa học đường..., chương trình công tác đoàn: phấn đấu trở thành đảng viên, rèn luyện đoàn viên, hoạt động xã hội... Cũng trong tuần sinh hoạt đầu khóa, các khoa đã giới thiệu đến người học đội ngũ giảng dạy và quản lý của khoa, giới thiệu các ngành học, bậc học, môn học, cơ hội nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc cho người học... [H6.6.1.3]. Ngoài việc tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa, trường còn giúp người học hiểu rõ về các vấn đề liên quan đến CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT như đưa thông tin lên website tại địa chỉ lhu.edu.vn <http://www.lhu.edu.vn/24/Chuong-trinh->

[dao-tao.html](#).), trang cá nhân của từng người học tại me.lhu.edu.vn. Đặc biệt, người học có GVCN/CVHT thông báo, tư vấn các vấn đề liên quan đến đào tạo qua sinh hoạt lớp hàng tuần. Ngoài ra, người học được góp ý với Nhà trường về các vấn đề liên quan đến đào tạo thông qua chương trình đối thoại với BGH được tổ chức hàng năm [H6.6.1.4].

2. Điểm mạnh

Với phương thức tuyên truyền, phổ biến đa dạng của Nhà trường, người học đã nắm được mục tiêu đào tạo, CTĐT, quy chế đào tạo, điều kiện thi, kiểm tra, đánh giá... giúp người học thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện trong quá trình học tập.

Nhà trường có đội ngũ GVCN/CVHT đầy đủ, sinh hoạt và hướng dẫn SV hàng tuần.

Thông qua những hoạt động trên, người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, định hướng cho việc học tập, nghiên cứu trong tương lai.

3. Tồn tại

Một số người học tuy nắm rõ quy chế đào tạo, đặc biệt về các quy định trong thi cử nhưng vẫn có trường hợp vi phạm quy chế khi thi.

4. Kế hoạch hành động

Trong 05 năm tới, ngoài việc Nhà trường sẽ tăng cường phổ biến về CTĐT, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Nhà trường sẽ đưa nhiều hơn nữa dạng đề thi trắc nghiệm, thi trên máy vi tính và các dạng đề thi mở để hạn chế việc vi phạm quy chế khi thi.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể người học về các chế độ chính sách dành cho người học như vay vốn tín dụng, ưu đãi giáo dục, miễn giảm học phí qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, qua sinh hoạt lớp thường kỳ, qua đăng tải chính sách trên trang website ... [H6.6.2.1]. Mỗi năm học, trường thực hiện đủ các thủ tục đảm bảo chế độ chính sách cho người học [H6.6.2.2].

Bảng H6.6.2.1: Bảng thống kê số lượng người học được Nhà trường xác nhận để về địa phương hưởng chế độ chính sách từ năm học 2011-2016

Stt	Năm học	Vay vốn tín dụng	Ưu đãi giáo dục	Miễn giảm học phí
1	2011-2012	5270	813	654
2	2012-2013	4045	710	540
3	2013-2014	3382	465	190
4	2014-2015	1960	418	376
5	2015-2016	1112	212	189

Hàng năm, Nhà trường cấp học bổng cho người học đạt thành tích khá giỏi, người học nghèo vượt khó, người có thành tích tốt đầu vào, người đạt thành tích tốt trong NCKH, đoàn viên xuất sắc trong học tập... với số tiền hàng tỷ đồng, qua đó tiếp thêm sức cho người học vươn lên trong học tập. Không chỉ vậy, Nhà trường cũng được các DN, tổ chức hỗ trợ thêm kinh phí cho người học hàng năm lên đến hàng trăm triệu đồng, trong đó có Tập đoàn Mabuchi International Scholarship Foundation viện trợ 01 tỷ đồng cho người học từ năm 2015 [H6.6.2.3].

Trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học. Trường có các phòng y tế đủ tiêu chuẩn để chăm sóc sức khỏe cho người học với 09 nhân viên y tế. Người học được chăm sóc sức khỏe và sơ cấp cứu ban đầu miễn phí trong toàn khóa học. Hàng tuần trường đều biên soạn nội dung sinh hoạt về y tế học đường như phòng chống dịch bệnh, về vệ sinh an toàn thực phẩm... để GVCN/CVHT phổ biến trong sinh hoạt lớp và đưa lên trang web của Nhà trường tại địa chỉ <https://www.sinhviendanghoc.lhu.edu.vn/492/Y-te-hoc->

duong.html. Không chỉ vậy, Nhà trường cũng thực hiện thường xuyên công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học. Nhà trường đã ban hành quy định thực hiện nếp sống văn hóa học đường đối với SV, trong đó có cấm hút thuốc lá trong khuôn viên trường và trong khung xử lý kỷ luật SV, được đưa lên trang web tại địa chỉ <https://www.me.lhu.edu.vn/document> [H6.6.2.4].

Trong những năm qua, phong trào TDTT, văn nghệ được Nhà trường quan tâm, tạo sân chơi lành mạnh cho người học. Nhà trường đã xây dựng trung tâm giáo dục thể chất cho người học tham gia tập luyện thể thao. Người học được sử dụng miễn phí CSVC của trường cho các hoạt động tập luyện văn nghệ, TDTT [H6.6.2.5]. Ngoài ra, Đoàn thanh niên, Hội SV trường phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động TDTT, văn nghệ trong toàn trường như tiếng hát SV, các giải bóng đá giữa các khoa, giải bóng chuyền truyền thống trường ... cũng như tham gia các phong trào hoạt động trong và ngoài tỉnh tổ chức [H6.6.2.6]. Các hoạt động này đã thu hút đông đảo người học tham gia và được cập nhật tin tức cùng hình ảnh tại địa chỉ <https://www.doanhoi.lhu.edu.vn/484/Thu-vien-anh.html> và <https://www.sinhviendanghoc.lhu.edu.vn/540/Tin-tuc.html>.

Công tác đảm bảo ANTT trong khuôn viên trường được Nhà trường quan tâm. Trường không có người học bị hại về sức khỏe, tính mạng, không có các vụ việc trộm cắp tài sản lớn của người học và được chính quyền địa phương công nhận đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh, trật tự”, Bộ Công an tặng bằng khen trong giai đoạn 2009-2014 [H6.6.2.7]. Nhà trường có đội ngũ bảo vệ trực 24/24 và có phân công nhân sự trực vào các ngày lễ tết tại các cơ sở của Nhà trường [H6.6.2.8]. Nhà trường có cán bộ Phòng CTSV trực và kiểm tra thường xuyên trong các buổi học việc thực hiện nội quy, quy định và nắm bắt tình hình ANTT tại khuôn viên các cơ sở có người học [H6.6.2.9]. Nhà trường có Ban Chỉ huy quân sự trường, trung đội tự vệ hoạt động theo Luật Dân quân tự vệ, góp phần đảm bảo ANTT trong khuôn viên trường [H6.6.2.10]. Nhà trường có tổ chức huấn luyện PCCC hàng năm, lắp đặt biển báo, bình chữa cháy và hệ thống

PCCC đầy đủ [H6.6.2.11]. Bên cạnh đó, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường phối hợp với địa phương mời báo cáo viên thực hiện công tác tuyên truyền về ANTT – ATXH cho người học [H6.6.2.12].

Khu Nội trú có CSVC và các dịch vụ hỗ trợ người học học tập và sinh hoạt như hệ thống PCCC, hệ thống nước lọc miễn phí, phòng học nhóm, wifi miễn phí, căn tin người học [H6.6.2.13]. Khu Nội trú có nội quy, quy định rõ ràng khi người học vào ở. Khu Nội trú có chính sách ưu tiên cho người học có hoàn cảnh khó khăn được ở Khu Nội trú. Nhà trường phối hợp với công an Đồng Nai xây dựng mô hình Khu Nội trú an toàn, văn minh, không có tội phạm và tệ nạn xã hội. [H6.6.2.14]. Nhờ đảm bảo tốt ANTT, xây dựng thành công mô hình Khu Nội trú an toàn, văn minh, không có tội phạm và tệ nạn xã hội, Nhà trường và Khu Nội trú đã được tặng thưởng bằng khen về đảm bảo ANTT [H6.6.2.15].

2. Điểm mạnh

Người học được đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ GD&ĐT và học bổng của Nhà trường.

Nhà trường có trang bị CSVC và đội ngũ y tế tốt, đạt hiệu quả trong việc chăm sóc sức khỏe cho người học. Người học tham gia tốt bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn.

Nhà trường có khu giáo dục thể chất và nơi sinh hoạt văn nghệ, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao, văn nghệ của người học.

Người học được bảo vệ an toàn trong khuôn viên trường với lực lượng bảo vệ trực 24/24, có CBQL từng cơ sở và có phối hợp với công an địa phương, kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan đến ANTT trong khuôn viên trường.

Nhà trường có Khu nội trú an toàn, văn minh, không tội phạm và tệ nạn xã hội và được Bộ Công an công nhận.

3. Tồn tại

Tuy trường đã có sân chơi thể thao cho người học nhưng trong các đợt cao điểm hoạt động vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu về sân chơi thể thao.

4. Kế hoạch hành động

Đến năm 2021, Nhà trường sẽ xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà thi đấu đa năng tại khu phố 4, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai; một mặt đáp ứng hơn nữa yêu cầu hội họp, mặt khác mở rộng khu sinh hoạt, khu vực thể thao, vui chơi giải trí cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Thực hiện Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2007 của Bộ GD&ĐT về ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV các cơ sở GDDH và TCCN hệ chính quy, để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Trường đã ban hành Quy chế và Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của người học. Quy chế và Hướng dẫn này được Nhà trường phổ biến rộng rãi đến người học qua các kênh sinh hoạt chính trị đầu khóa, sinh hoạt lớp hàng tuần... [H6.6.3.1]. Cũng trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường đã thực hiện lồng ghép các buổi báo cáo chuyên đề nhằm quán triệt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong người học; phổ biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, các nội quy, quy chế và CTSV, các nội dung về giáo dục pháp luật, giáo dục giới tính, phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS, công tác đảm bảo an ninh giáo dục pháp luật cho người học. Sau tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, người học làm bài thu hoạch và ký cam kết chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy định của Nhà trường. Kết quả tỷ lệ người học tham gia tuần sinh hoạt công dân đầu khóa trung bình từ năm 2011 – 2016 đạt khoảng 98%. Cuối đợt sinh hoạt công dân đầu khóa Nhà trường đều cho người học viết bài thu hoạch và công bố kết quả sinh hoạt chính trị đầu khóa cho người học và báo cáo với Bộ GD&ĐT [H6.6.3.2].

Hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện cho người học 2 lần/ năm (theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007). Năm 2015 theo Thông tư số 16/2015/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ GD&ĐT và điều kiện thực tế của trường, Nhà trường đã sửa đổi Quy chế đánh giá, Hướng dẫn đánh giá và Kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện của người học, cũng từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã chủ động ứng dụng CNTT trong đánh giá kết quả rèn luyện của người học. Để sử dụng tốt phần mềm, triển khai thực hiện có hiệu quả đến từng đơn vị, từng người học, Nhà trường đã xây dựng clip hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện người học, phổ biến tới người học thông qua kênh sinh hoạt lớp, công dân đầu khoá. Nhờ đó, giúp người học có thể chủ động tự đánh giá kết quả rèn luyện và theo dõi, phản hồi về kết quả rèn luyện của mình một cách nhanh chóng và chính xác. Nhờ công tác tuyên truyền giáo dục tốt nên tỷ lệ người học tham gia đánh giá kết quả rèn luyện và có kết quả rèn luyện đạt loại khá, tốt chiếm tỉ lệ khá cao [H6.6.3.3].

Để công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả Nhà trường ban hành quy định thực hiện nếp sống văn hóa học đường đối với người học, khung xử lý kỷ luật đối với người học, ban hành quy định quyền, nhiệm vụ và những điều người học không được làm... Các nội dung đó được phổ biến đến từng người học thông qua các hình thức như sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa...Không những thế, từ năm học 2016 – 2017, Nhà trường đã phát cho mỗi người học một cuốn sổ tay SV. Qua đó, người học nắm được đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của người học [H6.6.3.4].

Bên cạnh đó, Nhà trường mời các báo cáo viên về tuyên truyền cho người học về phòng chống ma túy, phòng chống HIV/AIDS, cảnh giác với tội phạm, đảm bảo ANTT, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội; Luật giao thông, bảo vệ môi trường và chủ quyền biển đảo Việt Nam... giúp người học hiểu hơn về các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đồng thời định hướng hành động, lối sống lành mạnh, nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc...[H6.6.3.5]. Kết quả thời gian qua trong khuôn viên Nhà trường không để xảy ra các vụ việc phức tạp về

hình sự và TNXH và được UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Công an tặng bằng khen, huân chương lao động và hàng năm Phòng CTSV của trường đều được Bộ GD&ĐT và UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen [H6.6.3.6].

Nhà trường đã chỉ đạo Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động công tác xã hội thiết thực cho người học tham gia. Các hoạt động rèn luyện chính trị, đạo đức như: Hội thi Olympic các môn khoa học Mác-Lenin, tổ chức cuộc thi viết nhật ký cá nhân học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tham gia lễ thấp nền tri ân nhân ngày thương binh liệt sỹ, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho người học ưu tú, lớp lý luận chính trị cho đảng viên mới, chương trình “vì biển đảo quê hương”, Hội thi “Phòng chống HIV/AIDS. Các hoạt động tình nguyện như: Đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, xây dựng quỹ vì người nghèo, chương trình Xuân yêu thương, hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, thăm hỏi và tặng quà cho nạn nhân bị chất độc màu da cam, xây tặng nhà nhân ái, ủng hộ đồng bào miền Trung lũ lụt... [H6.6.3.7]. Trong những năm qua, các phong trào công tác xã hội, công tác thanh niên, các hoạt động rèn luyện đạo đức, lối sống cho SV của Nhà trường được xã hội công nhận, cấp trên tặng nhiều bằng khen và đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và Huân chương lao động hạng Ba [H6.6.3.8]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các câu lạc bộ văn nghệ, câu lạc bộ võ thuật, câu lạc bộ kỹ năng, các hội thi liên hoan Tiếng hát SV, các phong trào TDTT... tạo ra sân chơi bổ ích cho người học sau những giờ học căng thẳng để người học rèn luyện sức khỏe, hoàn thiện kỹ năng sinh hoạt đội nhóm, giúp cho người học sống có mục đích và lý tưởng. Kết quả các phong trào TDTT, văn nghệ của trường đã nhận được nhiều giải thưởng [H6.6.3.9].

Bên cạnh các hoạt động giáo dục về đạo đức, lối sống, pháp luật kê trên, để tỷ lệ người học vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống, pháp luật giảm đi, Nhà trường đã làm tốt công tác quản lý người học tại các cơ sở của trường, mỗi cơ sở Nhà trường đều có cán bộ trực quản sinh, nhằm nhắc nhở, lập biên bản người học vi phạm nội quy, quy định của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường có một bộ phận thực hiện công tác ngoại trú, thường xuyên xuống các khu nhà trọ có

SV dễ nắm bắt thông tin, tâm tư nguyện vọng, kịp thời giáo dục, uốn nắn nếu người học vi phạm quy định, quy ước ở địa phương. Nhờ đó, trong những năm qua tỷ lệ người học vi phạm các vấn đề đạo đức, lối sống, pháp luật...không vượt quá 0.1% [H6.6.3.10]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường báo cáo tổng kết công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức... trong đó có thông tin cụ thể các hoạt động rèn luyện và nhận định công tác rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống của người học và tiến hành khen thưởng những người học tham gia tích cực các hoạt động phong trào. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đề ra các biện pháp xử lý các trường hợp người học vi phạm đạo đức lối sống như: giáo dục, răn đe, tư vấn tâm lý.... Báo cáo tổng kết năm học được Nhà trường gửi về Bộ GD&ĐT [H6.6.3.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ứng dụng CNTT trong việc đánh giá kết quả rèn luyện giúp người học kịp thời theo dõi và phản hồi kết quả đánh giá rèn luyện.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức lối sống cho người học được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên và đa dạng các loại hình hoạt động giúp người học tham gia ngày càng đông và tích cực.

Qua đợt học tập chính trị, trên 90% người học thực hiện ký cam kết chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nội quy, quy định của Nhà trường về học tập và rèn luyện.

3. Tồn tại

Vẫn còn một số ít người học ý thức chưa cao, chưa tích cực học tập và tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống, vẫn còn vi phạm nội quy, quy định Nhà trường nên kết quả rèn luyện còn đạt loại yếu kém.

4. Kế hoạch hành động

GVCN/CVHT cần nắm được đặc điểm, hoàn cảnh gia đình, tâm tư nguyện vọng, những điểm mạnh và điểm yếu của người học nhằm phối hợp với gia đình để cố vấn, giáo dục, uốn nắn người học.

Giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường tiến hành cải tiến hình thức hoạt động, khen thưởng, kỷ luật, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người học để có biện pháp thúc đẩy người học tự giác tham gia công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Đảng ủy nhà trường chỉ đạo xuyên suốt các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV; thông qua các hoạt động của Đoàn, Hội SV để kịp thời định hướng giúp cho việc tổ chức sinh hoạt chính trị, tư tưởng và các tuyên truyền giác ngộ cho người học vào Đảng. Đảng bộ nhà trường đã ban hành các Nghị quyết nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên, SV về sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng Tổ quốc; qua đó củng cố nhận thức và lập trường tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên và SV; tổ chức học tập các đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để đảng viên và quần chúng tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới, sự lãnh đạo của Đảng và chủ nghĩa xã hội. Số lượng SV được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường luôn tăng hàng năm [H6.6.4.1].

Tỷ lệ người học được kết nạp vào Đảng hàng năm đều tăng và vượt chỉ tiêu được đảng ủy cấp trên giao. Cụ thể như sau:

Bảng H6.6.4.1: Thống kê SV được kết nạp Đảng hàng năm

Năm	Số lượng kết nạp mới	Số lượng Đoàn viên trung kiên
2011	10	50
2012	12	70
2013	14	70
2014	16	75
2015	17	88
2016	19	93

Góp phần cùng với nhà trường rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học Đoàn Thanh niên, Hội SV thường xuyên tổ chức các hoạt động công tác xã hội thiết thực, các hoạt động rèn luyện chính trị, đạo đức như: tổ chức các chương trình mittinh, các bài viết tuyên truyền trên Website nhà trường nhân các ngày lễ lớn cho SV tham gia như: Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3), ngày truyền thống học sinh SV (09/01), kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ (19/5) và thi viết nhật ký cá nhân kể chuyện về việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tham gia lễ thấp nền tri ân nhân ngày thương binh liệt sỹ, triển khai chương trình hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS, SV đạt nhiều giải thưởng về các cuộc thi viết nhật ký về việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, hát “Tuyên truyền ca khúc cách mạng”, trở thành mô hình giúp nâng cao nhận thức của đoàn viên, SV về ý thức chính trị, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ... [H6.6.4.2]. Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên, Hội SV thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, tình nguyện, nhân đạo như: Đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, xây dựng Quỹ vì người nghèo, chương trình Xuân yêu thương, hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, thăm hỏi và tặng quà cho nạn nhân bị chất độc màu da cam, xây tặng nhà nhân ái, ủng hộ đồng bào miền Trung lũ lụt... [H6.6.4.3]; các phong trào công tác xã hội của nhà trường được xã hội công nhận, cấp trên tặng nhiều bằng khen [H6.6.4.4]

Đoàn Thanh niên – Hội SV trường còn chủ động tổ chức các câu lạc bộ võ thuật, văn nghệ, kỹ năng, tổ chức các phong trào TDTT... tạo ra sân chơi bổ ích cho người học sau những giờ học căng thẳng để người học rèn luyện sức khỏe, hoàn thiện kỹ năng sinh hoạt đội nhóm, giúp cho người học sống có mục đích và lý tưởng. Kết quả các phong trào TDTT, văn nghệ của trường đã nhận được nhiều giải thưởng [H6.6.4.5], thông qua các hoạt động này cũng đã góp phần nhằm đẩy lùi các tệ nạn xã hội xâm nhập học đường, không có SV tự phát tham gia vào các hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép; với nhiều hoạt động thiết thực như trên, công tác ANTT của nhà trường được đảm bảo, được Bộ công an tặng bằng khen [H6.6.4.6].

Ngoài ra, công tác phát triển đảng trong nhà trường luôn được Đảng ủy trường đặc biệt quan tâm; từ nguồn Đoàn viên thanh niên ưu tú được bồi dưỡng thông qua các hoạt động chính trị tư tưởng, các hoạt động phong trào do Đoàn Thanh niên, Hội SV giới thiệu, Đảng ủy trường đã tổ chức 02 lớp nhận thức về Đảng vào mỗi năm học, những đoàn viên ưu tú được giới thiệu từ các khoa ngày càng tăng về số lượng và chất lượng [H6.6.4.7].

Mỗi năm học, Đoàn Thanh niên, Hội SV đều kế hoạch hoạt động và báo cáo tổng kết về các hoạt động của mình với BGH, Tỉnh đoàn, Hội SV tỉnh; với các hoạt động mang lại hiệu quả trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống; tỉ lệ Đoàn viên hoàn thành chương trình rèn luyện được xếp loại xuất sắc hàng năm luôn đạt từ 80% trở lên ...Đoàn Thanh niên, Hội SV trường được Tỉnh đoàn, Hội SV tỉnh đánh giá cao, Đoàn Thanh niên được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen, Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba [H6.6.4.8].

Tỷ lệ người học được đánh giá xếp loại rèn luyện Đoàn viên hàng năm. Cụ thể như sau:

Bảng H6.6.4.1: Thống kê tỉ lệ xếp loại rèn luyện Đoàn viên hàng năm

Năm	Tỉ lệ xếp loại %			
	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Yếu
2011	80	20	0	0
2012	82	18	0	0
2013	83	17	0	0
2014	80	20	0	0
2015	85	15	0	0
2016	84	16	0	0

2. Điểm mạnh

Với các hình thức tổ chức sinh hoạt phong phú, phong trào do Đoàn Thanh niên, Hội SV tổ chức đã thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần tạo ra các sân chơi lành mạnh, bổ ích, có tác dụng tích cực trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tổ chức thường xuyên góp phần nâng cao nhận thức của SV, khẳng định được niềm tin của SV dưới sự lãnh đạo và đường lối của Đảng; hoạt động của phong trào trong trường được cấp ủy, BGH quan tâm.

3. Tồn tại

Một số hoạt động được tổ chức gặp khó khăn do SV bận lịch học và việc làm thêm nên không thể tham gia, gây ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động.

SV dành nhiều thời gian cho việc học và làm thêm để trang trải cho cuộc sống nên việc tham gia hoạt động nhiều khi còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng chung của hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Mỗi năm, Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Hội SV tiếp tục nghiên cứu, tổ chức nhiều hoạt động phù hợp về thời gian, nội dung hướng đến công tác rèn luyện chính trị tư tưởng rộng rãi trong SV toàn trường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung thực hiện đến từng cá nhân Đoàn viên, Hội viên, để hoạt động của Đoàn, Hội SV thu hút được các bạn Đoàn viên, Hội viên và SV quan tâm tham gia.

Thực hiện tốt chương trình rèn luyện đoàn viên theo từng năm học, tổng kết, đánh giá cụ thể và có chất lượng đối với từng cá nhân đăng ký tham gia chương trình rèn luyện, kiểm tra theo chuyên đề đối với các đơn vị Đoàn, Hội cấp cơ sở để nắm tình hình, đồng thời giải quyết dứt điểm các tồn tại liên quan đến chất lượng các hoạt động được tổ chức tại Đoàn, Hội cấp dưới, đảm bảo tính thiết thực, đáp ứng nhu cầu của Đoàn viên, Hội viên và SV, nhằm tạo cho các bạn lòng tin từ các hoạt động, những lợi ích mang lại từ các hoạt động này.

Nhân rộng các điển hình SV tiêu biểu trong toàn trường, thường xuyên đề xuất khen thưởng các cấp đối với các cá nhân tiêu biểu trong hoạt động phong trào, học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Trong thời gian qua, Nhà trường thực hiện đúng (theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 và Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016) về việc phân công GVCN/CVHT cho tất cả các lớp học, nhằm hỗ trợ người học về chương trình học tập, nghề nghiệp, việc làm cho người học; hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, tham gia phong trào văn – thể – mỹ để rèn luyện; nhắc nhở người học chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế Nhà trường... Ngoài ra, từ năm 2011 đến nay, kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường có in kết quả học tập của người học gửi về cho phụ huynh, Nhà trường gửi file mềm kết quả học tập của người học về các khoa, để các khoa triển khai xử lý học vụ, GVCN/CVHT các khoa là các tư vấn viên ngoài tư vấn học tập, còn tư vấn về mặt tâm lý xã hội, cũng như đời sống cho người học nhằm phối hợp với gia đình tìm phương án, hỗ trợ người học trong học tập [H6.6.5.1].

Trong những năm qua, Nhà trường đã xây dựng thêm cơ sở và trang bị nhiều PTN, phòng tư liệu, phòng Lab, phòng máy, xưởng thực hành hiện đại, 100% giảng đường được trang bị đầy đủ ánh sáng, âm thanh, máy chiếu... Nhà trường đã xây dựng một thư viện khang trang với hàng nghìn đầu sách. Đặc biệt, Nhà trường chú trọng xây dựng khu tự học cho người học vừa học vừa nghỉ trưa (trong đó cơ sở 1 có 02 phòng, cơ sở 3 có 01 phòng), trong phòng tự học được trang bị khang trang với nhiều bàn học, máy lạnh, wifi miễn phí... Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng một trung tâm chuyên giảng dạy anh văn, vi tính hiện đại tại cơ sở 4 và 05 phòng tại cơ sở 1. Hỗ trợ về CSVC phục vụ cho hoạt động văn nghệ, Nhà trường có 03 hội trường lớn (A301, E501, I209) trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh ánh sáng, máy lạnh người học có thể tập luyện và tổ chức chương trình văn nghệ. Hỗ trợ về CSVC phục vụ cho hoạt động TĐTT, Nhà trường đã xây dựng một trung tâm giáo dục thể chất (trong đó có 02 sân bóng

đá, 02 sân bóng chuyên, 01 sân bóng rổ) chuyên phục vụ cho người học tham gia các hoạt động luyện tập thể dục, thể thao miễn phí. Ngoài ra, người học có thể sử dụng sân trường cơ sở 2 làm sân bóng chuyên, sân trường cơ sở 3 làm nơi tập luyện võ thuật, bóng đá, bóng chuyên... [H6.6.5.2].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường có tổ chức hướng dẫn người học phương pháp học đại học, cách truy cập mạng, truy cập thư viện tìm kiếm thông tin, tài liệu học tập. Bên cạnh đó, người học còn được tiếp cận các thông tin liên quan trên trong niên giám, được Nhà trường đưa lên trang me.lhu.edu.vn [H6.6.5.3]. Ngoài ra, Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội SV trường có những chương trình giúp đỡ người học học tập tốt hơn như tổ chức Câu lạc bộ tiếng Anh của Khoa Anh văn đại cương, câu lạc bộ ngôn ngữ của Khoa Đông phương, cuộc thi robocon, chế tạo xe tiết kiệm nhiên liệu của khoa Cơ điện – Điện tử, cuộc thi chấp cánh ước mơ CEO, khởi nghiệp của khoa Quản trị-Kinh tế quốc tế... Các hoạt động này đã thu hút đông đảo người học tham gia và được cập nhật tin tức lên trang website của Nhà trường [H6.6.5.4].

Hàng năm, Nhà trường cấp học bổng cho người học đạt thành tích khá giỏi, người học nghèo vượt khó, người học có thành tích tốt đầu vào, người học đạt thành tích tốt trong NCKH, đoàn viên xuất sắc trong học tập... với số tiền hàng tỷ đồng, qua đó tiếp thêm sức cho người học vươn lên trong học tập. Không chỉ vậy, Nhà trường cũng được các DN, tổ chức hỗ trợ thêm kinh phí cho người học hàng năm lên đến hàng trăm triệu đồng, trong đó có Tập đoàn Mabuchi International Scholarship Foundation viện trợ 01 tỷ đồng cho người học từ năm 2015 [H6.6.5.5]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã phân công Phòng CTSV có chức năng hướng dẫn, xác nhận, thực hiện các chế độ chính sách xã hội cho người học như: vay vốn, ưu đãi giáo dục, miễn giảm học phí....Các chế độ ưu đãi giáo dục, Nhà trường đều xây dựng quy trình hướng dẫn và đưa lên mạng và phổ biến về các khoa thông qua kênh sinh hoạt lớp, công dân đầu khóa... Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào ứng dụng phần mềm xin giấy xác nhận vay

vốn qua mạng giúp người học tiến hành làm hồ sơ được thuận lợi và nhanh chóng tại địa chỉ <http://me.lhu.edu.vn/document> [H6.6.5.6].

Trường có 1 ký túc xá với diện tích 4,543m² đáp ứng tối đa 720 chỗ ở cho người học. Ký túc xá được trang bị đầy đủ điện nước, bàn học, giường và có nhà vệ sinh riêng cho từng phòng với mức thuê phòng trung bình 150.000^d/1 tháng/người học. Trong ký túc xá có căn tin đáp ứng nhu cầu ăn uống cho người học. Ngoài ra, hàng năm, Đoàn Thanh niên phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường đã tổ chức chương trình tiếp sức đến trường, trong đó giới thiệu người học tìm được chỗ trọ tại phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai [H6.6.5.7]. Phòng CTSV phối hợp với chủ nhà trọ tại địa phương xây dựng tiêu chí đánh giá nhà trọ văn minh, an toàn và giới thiệu người học vào ở, theo định kỳ Nhà trường và UBND phường Bửu Long đều tổ chức họp mặt chủ nhà trọ, nhằm tổng kết công tác ngoại trú và ký kết phối hợp quản lý SV ngoại trú thực hiện tốt phong trào “giữ gìn ANTT, phòng chống tội phạm, TNXH; tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc [H6.6.5.8]. Ngoài ra, Nhà trường ký kết quy chế phối hợp với Công an các cấp về công tác đảm bảo ANTT, ATXH trong Nhà trường và trên địa bàn trường đóng chân. Đồng thời thông qua công tác phối hợp Nhà trường kịp thời nắm bắt thông tin người học để uốn nắn, giáo dục những trường hợp người học vi phạm quy định, quy ước của địa phương [H6.6.5.9].

Để tạo điều kiện tốt trong việc chăm sóc sức khỏe và tư vấn tâm lý cho người học an tâm trong quá trình học tập, Nhà trường đã thành lập phòng y tế tại các cơ sở của trường với đội ngũ 09 nhân viên y tế hỗ trợ sơ cấp cứu, tư vấn tâm lý hoàn toàn miễn phí cho người học. Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe đầu khoá cho tân SV. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường cũng thực hiện thường xuyên công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và khám sức khỏe miễn phí nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học [H6.6.5.10].

Năm 2011, Trường đã thành lập Trung tâm Quan hệ DN và Hỗ trợ SV. Để hỗ trợ việc làm cho người học, đang, đã và sắp tốt nghiệp, Trường tổ chức nhiều hình thức khác nhau: Hội chợ việc làm hàng năm, tạo điều kiện để DN đến

trường phỏng vấn tuyển dụng người học; tiếp nhận các thông báo tuyển dụng từ DN gửi qua email, qua website giúp cho người học biết để người học lựa chọn vị trí và nơi tìm việc và thực tập [H6.6.5.11]. Bên cạnh đó, trong quá trình học tập Nhà trường thường xuyên liên hệ với DN cho người học đi thăm quan công ty, xí nghiệp nhằm giúp người học có cơ hội cọ sát với môi trường làm việc thực tế [H6.6.5.12]. Ngoài ra, trước khi người học ra trường, Nhà trường đào tạo cho người học kỹ năng mềm như: kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức chương trình, kỹ năng học và tự học, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp... Thông qua đó, SV đã nâng cao kỹ năng mềm của bản thân để chuẩn bị cho môi trường làm việc mới sau khi tốt nghiệp [H6.6.5.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng CNTT vào xây dựng và ứng dụng phần mềm xin giấy xác nhận vay vốn qua mạng giúp người học tiến hành làm hồ sơ giải quyết chế độ chính sách được nhanh chóng và thuận lợi.

Nhà trường có nhiều giải pháp để hỗ trợ người học trong học tập và sinh hoạt như: CSVN, đội ngũ GV/CN/CVHT đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng; tại các cơ sở của trường đều có phòng y tế được trang bị thuốc, dụng cụ y tế đầy đủ và hàng ngày đều có cán bộ y tế trực để theo dõi sức khỏe, tư vấn tâm lý cho người học...

3. Tồn tại

Chỗ ở Ký túc xá chưa đáp ứng đủ nhu cầu về nội trú của người học.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn (2016 – 2020), trường phân công Phòng CTSV tiếp tục thực hiện tốt công tác ngoại trú để nắm bắt kịp thời tình hình người học và nhân rộng mô hình nhà trọ an toàn, văn minh không tội phạm và tệ nạn xã hội đã làm tốt trong thời gian vừa qua.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhà trường đều có tổ chức cho người học, học các chuyên đề về giáo dục pháp luật, chủ trương đường lối chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của nhà trường để người học chủ động trong việc học tập và sinh hoạt trong quá trình học tập tại trường. Bên cạnh đó, nhà trường có các khẩu hiệu, bảng tin, phát thanh về các nội dung giáo dục pháp luật tại các cơ sở, giúp người học dễ dàng tiếp cận và có ý thức hơn trong việc chấp hành chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường. Nhờ đó, trong thời gian qua người học đã đạt nhiều thành tích cao trong các cuộc thi về pháp luật, văn hóa giao thông, tác hại của ma túy... [H6.6.6.1].

Hàng năm, vào cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức chương trình đối thoại giữa người học và Lãnh đạo nhà trường, trong buổi đối thoại người học có quyền đóng góp ý kiến về các hoạt động của nhà trường như: các hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT... thông qua buổi đối thoại, Ban Lãnh đạo nhà trường đã phân nào hiểu được tâm tư nguyện vọng của người học và có biện pháp hỗ trợ người học các mặt trong học tập, giúp cho người học vươn lên trong học tập và rèn luyện phẩm chất đạo đức. Nhờ đó, trong những năm qua, các hoạt động phục vụ SV học tập và hoạt động ngoại khóa có nhiều chuyển biến, Đoàn – Hội SV trường được Tỉnh đoàn, Hội SV tỉnh Đồng Nai tặng nhiều bằng khen, giấy khen trong các hoạt động trong năm học .[H6.6.6.2].

Để giúp người học trong toàn trường có lối sống lành mạnh và học tốt hơn, Ban Chấp hành Đoàn Trường Đại học Lạc Hồng tổ buổi chức tư vấn tình yêu, hôn nhân, gia đình và cách phòng, chống các tệ nạn xã hội cho toàn thể người học. Bên cạnh đó, các Câu lạc bộ, đội nhóm cũng thường xuyên tổ chức các

buổi sinh hoạt định kỳ theo chuyên đề nhằm giúp người học có thể tự trang bị cho mình những kỹ năng sống cần thiết trong quá trình học tập tại trường cũng như sau khi ra trường; nhiều người học được Hội SV tỉnh Đồng Nai, Hội SV trường chứng nhận là “SV 5 tốt” cấp trường, cấp tỉnh [H6.6.6.3].

Đoàn Thanh niên, Hội SV thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng công tác Đoàn – Hội với mục đích nâng cao chất lượng công tác tổ chức và hoạt động của cán bộ Đoàn, Hội SV trong toàn trường, tạo điều kiện cho các bạn tiếp cận thực tế kỹ năng Đoàn, Hội một cách sinh động. Chương trình tập huấn luôn bám sát với thực tế công tác Đoàn, Hội tại trường; các sự kiện mang tính thời sự của khu vực như: Ngày hội bầu cử toàn dân, sự kiện Việt Nam tham gia tổ chức thương mại kinh tế thế giới... [H6.6.6.4].

Hàng năm, để đánh giá số lượng và mức độ SV hưởng ứng và tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên, Hội SV trường tổ chức, Đoàn Thanh niên, Hội SV trường có đánh giá tổng kết và tặng giấy khen cấp trường và đề nghị cấp tỉnh, Trung ương tặng bằng khen cho các cá nhân và tập thể xuất sắc trong các hoạt động [H6.6.6.5].

2. Điểm mạnh

Các khoa trong trường luôn chủ động trong việc phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội SV trường tổ chức tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học với nhiều hình thức, thu hút đông đảo người học tham gia...

3. Tồn tại

Cần tăng cường tuyên truyền giáo dục người học thông qua nhiều hình thức khác nhau, diễn hình thông qua các trang mạng xã hội như facebook, zalo, twitter... giúp cho công tác tuyên truyền phù hợp với đối tượng sinh người học.

Một số đoàn khoa, liên chi hội khoa còn chậm trong việc khen thưởng, khích lệ kịp thời đối với các đoàn viên, hội viên điển hình tiên tiến tại khoa mình, đa số được đoàn, hội cấp trường đề nghị tuyên dương.

Một bộ phận người học còn thờ ơ coi thường và ít tham gia các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng trong trường, ít nắm bắt được nhiều thông tin về chính trị xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Khai thác có hiệu quả các kênh thông tin hiện tại đang được người học quan tâm như facebook, zalo, twitter, các trang mạng xã hội để tuyên truyền, tổ chức các cuộc thi online, tổ chức sinh hoạt chuyên đề.

Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng và nhân rộng các điển hình người học tiêu biểu tại các chương trình giao lưu, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm sống được tổ chức hàng năm.

Xử lý nghiêm các trường hợp người học vi phạm nhằm mang tính răn đe, giảm thiểu tối đa tình hình người học vi phạm nội quy nhà trường, vi phạm pháp luật.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Năm 2005, Trường đã thành lập Trung tâm Quan hệ Quốc tế - Tư vấn du học và việc làm, trong đó có bộ phận Tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học. Năm 2011, Trường đã thành lập Trung tâm Quan hệ DN và Hỗ trợ sinh viên, tách từ Trung tâm Quan hệ quốc tế - Tư vấn du học và việc làm, với 12 nhân sự thực hiện ba nhiệm vụ, quan hệ DN nhằm xúc tiến các hợp tác giữa Nhà trường và DN, hỗ trợ sinh viên nơi tham quan, thực tập và giới thiệu việc làm, tổ chức công tác liên lạc CSV nhằm gắn kết các hoạt động giữa DN, CSV với Nhà trường. Từ tháng 06/2016, Nhà trường có quyết định gộp TT QHDN & HTSV, Trung tâm Kỹ năng mềm vào các bộ phận trực thuộc phòng Đào tạo theo quyết định số 400/QĐ – ĐHLH ngày 31/5/2016 [H6.6.7.1].

Tính đến tháng 6/2016, Trường đã ký kết hợp tác với 701 công ty, nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn Đồng Nai và các tỉnh lân cận bằng bản thỏa thuận phối hợp đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực. Nội dung của bản thỏa thuận bao gồm,

DN tạo điều kiện cho người học có nơi tham quan, nơi thực tập, DN cung cấp nhu cầu tuyển dụng nhân sự, Trường hỗ trợ DN đưa thông tin tuyển dụng đến với người học vừa tốt nghiệp, đóng góp ý kiến xây dựng CTĐT, phản hồi chất lượng đào tạo, tích cực tham gia các hội thảo, tọa đàm do Trường tổ chức. Bộ phận QHDN & HTSV là đầu mối xúc tiến các hợp tác với DN và báo cáo các kết quả cho Phòng Đào tạo và BGH. DN và Nhà trường thường xuyên liên lạc, hỗ trợ và giới thiệu việc làm cho người học vừa tốt nghiệp [H6.6.7.2].

Để hỗ trợ hiệu quả việc làm cho người học đã và sắp tốt nghiệp, Trường tổ chức nhiều hình thức khác nhau. Định kỳ, Trường tổ chức cho người học tham quan thực tế tại DN, tạo điều kiện cho DN đến Trường tiếp xúc với người học và chọn người học đến DN thực tập. Qua đó người học tự chọn nơi thực tập, cơ bản phù hợp với sở thích, năng lực của mình [H6.6.7.3].

Hội chợ việc làm được Trường tổ chức hàng năm. Trường phối hợp với DN tổ chức các buổi phỏng vấn, tuyển dụng theo nhu cầu của DN và quyền lựa chọn của người học. Nhà trường phân công nhân sự thường trực tiếp nhận các nhu cầu tuyển dụng từ DN và triển khai các thông báo đến người học qua website, qua email nhằm giúp người học có nhiều cơ hội việc làm. Tất cả đều được thông tin cụ thể trên website <https://sinhviendanghoc.lhu.edu.vn/162/Thong-tin-tuyen>. Các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng được Lãnh đạo Nhà trường đưa vào kế hoạch, chiến lược phát triển công tác đào tạo [H6.6.7.4].

Từ các phản hồi nhu cầu nguồn nhân lực của hội thảo, tọa đàm, họp mặt CSV, Trường đã có các giải pháp cụ thể như phân công cho Bộ phận đào tạo kỹ năng mềm chuyên phụ trách đào tạo kỹ năng mềm cho toàn trường. Phòng đào tạo phối hợp với Công ty Panosa Tech Việt Nam tổ chức các lớp học miễn phí về văn hóa Nhật Bản cho người học ngành tiếng Nhật, phối hợp với công ty Support Việt Nam tổ chức các lớp học miễn phí về văn hóa Nhật Bản cho SV ngành kỹ thuật. Tất cả các giải pháp trên nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có năng lực đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và khu vực. Qua đó, góp phần nâng cao tỷ lệ việc làm của người học, người học hưởng thụ

từ những chương trình tài trợ của các tổ chức và tạo uy tín cho cộng đồng các DN Nhật bản [H6.6.7.5].

Kết quả chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng, nghiệp vụ từ các Hội thảo, tọa đàm, giao lưu, gặp mặt giữa DN với người học, giữa CSV với người học nhằm định hướng cho nghề nghiệp, tăng cơ hội việc làm, kinh nghiệm cho người học [H6.6.7.6].

Trường xây dựng quy định, quy trình quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá người học chương trình thực tập tốt nghiệp, phân công cho cán bộ hỗ trợ người học trước, trong và sau thực tập đã góp phần tăng tỷ lệ việc làm. Qua chương trình thực tập giúp người học có nhiều cơ hội việc làm, DN có cơ hội chọn nhân sự phù hợp với nhu cầu [H6.6.7.7].

Qua những đợt người học tham quan DN, trực tiếp quan sát tình hình sản xuất, kinh doanh cũng như giao lưu với các nhà lãnh đạo DN đã giúp người học tìm kiếm đề tài NCKH, ứng dụng [H6.6.7.8].

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên, Hội SV và các khoa chuyên môn đã ghi nhận những phản hồi từ các buổi tọa đàm, hội thảo với DN từ đó các đơn vị này tạo ra nhiều sân chơi cho người học rèn luyện các kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm làm hành trang cho con đường tìm việc làm. Nhiều câu lạc bộ được thành lập và hoạt động, câu lạc bộ tiếng anh, câu lạc bộ tự động hóa, câu lạc bộ kinh tế, câu lạc bộ khởi nghiệp... Những hoạt động này góp phần nâng cao kỹ năng sống, khả năng tự tin, thích ứng với môi trường, hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập [H6.6.7.9].

Trường đã thực hiện việc thu thập, khảo sát thông tin về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. Từ năm học 2011-2012 đến nay, Trường tiến hành qua các đợt.

Các đợt thu thập/khảo sát	Phương thức thực hiện	Người/đơn vị thực hiện
Đợt 1, trước khi SV kết thúc thực tập về trường báo cáo kết	SV tự cung cấp thông tin trên file excel và kèm minh	Cán bộ HTSV, hội đồng báo

quả thực tập và thi tốt nghiệp	chứng nơi làm việc (hợp đồng lao động, bảng lương...)	cáo thực tập tốt nghiệp cấp Khoa
Đợt 2, SV làm thủ tục tốt nghiệp và nhận bằng	SV tự cung cấp thông tin bằng cách điền vào sổ nhận bằng và kèm minh chứng nơi làm việc (hợp đồng lao động, bảng lương...)	Bộ phận cấp bằng của Khoa và nhân viên phụ trách văn bằng của phòng đào tạo
Đợt 3 được tiến hành sau khi kết thúc đợt 2 từ 3 đến 6 tháng, bằng cách phát phiếu khảo sát	Phiếu khảo sát được phát cho mỗi CSV qua email, trực tiếp, các dịp CSV về trường nâng cao trình độ, hội thảo, họp mặt CSV, liên hệ công tác.	Cán bộ HTSV và Bộ phận QHDN & HTSV

Qua kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ trung bình có việc làm trước khi người học kết thúc thực tập trong 05 năm là 64,06%, có việc làm ngay thời điểm nhận bằng là 71,14%. Tỉ lệ trung bình 05 năm có việc làm từ sáu tháng đến một năm sau khi người học tốt nghiệp qua khảo sát là 88,74%. Tỷ lệ việc làm của người học phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng theo hàng năm [H6.6.7.10].

2. Điểm mạnh

Thuận tiện về địa lý, Trường đã chủ động xúc tiến hợp tác với nhiều DN, phủ khắp các lĩnh vực, loại hình. Kết quả hợp tác đóng góp lớn cho cơ hội nghề nghiệp, việc làm của người học. Người học có nhiều cơ hội chọn nơi tham quan, nơi thực tập và việc làm. Lắng nghe các phản hồi của DN, Nhà trường tích cực điều chỉnh công tác đào tạo và hỗ trợ người học kịp thời. Cụ thể Trường điều chỉnh thời lượng bốn đến năm tháng, triển khai thông tin tuyển dụng của DN đến người học kịp thời. Phối hợp với DN tổ chức ngày hội việc làm gần với thời điểm người học sắp đi thực tập và sắp tốt nghiệp. Trường đã phân công nhân sự

chuyên trách về tư vấn việc làm, bộ phận liên lạc với CSV, bộ phận tìm nơi thực tập và việc làm.

Coi trọng cơ hội việc làm cho người học, Lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm và chỉ đạo xuyên suốt các ý kiến phản hồi từ DN về chất lượng đào tạo, nhu cầu nguồn nhân lực. Bằng nhiều giải pháp cụ thể và kịp thời, Nhà trường thành lập bộ phận đào tạo chuyên trách các kỹ năng mềm, mở các lớp dạy tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản miễn phí cho người học. Mỗi khoa thiết lập một đến hai câu lạc bộ giúp người học rèn luyện ngoại khóa về các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp... Mọi hoạt động nhằm tập trung nâng cao cơ hội, tỷ lệ việc làm và làm hài lòng nhà sử dụng lao động.

3. Tôn tại

Kết quả của các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo chỉ mới tập trung thống kê và thu thập vào thời điểm người học chuẩn bị tốt nghiệp và nhận bằng. Công tác thống kê, điều tra người học sau hơn một năm tốt nghiệp còn khó khăn vì một số CSV thay đổi địa chỉ liên lạc. Công tác khảo sát cần phải đảm bảo hơn về độ tin cậy và giảm chi phí khảo sát. Phiếu khảo sát cần phải cải tiến để sử dụng tối đa các kết quả khảo sát.

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ người học, tuy nhiên chưa có nghiên cứu, khảo sát nào để xác định hoạt động nào, yếu tố nào là quan trọng và có ảnh hưởng lớn đến việc tăng tỉ lệ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016- 2017, Nhà trường chỉ đạo Bộ phận quan hệ DN và Hỗ trợ SV xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể đến cấp Khoa, cán bộ hỗ trợ người học và GVCN nhằm theo dõi thu thập thông tin của CSV, nắm rõ về tình hình việc làm của người học sau hơn một năm tốt nghiệp. Tăng kinh phí cho hoạt động này để phát triển đội ngũ công tác viên. Cải tiến phiếu khảo sát và triển khai phương thức khảo sát trên google.doc nhằm tăng độ tin cậy, khách quan.

Năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018, Nhà trường lập kế hoạch nghiên cứu khảo sát từ người học, CSV và nhà sử dụng nguồn nhân lực để xác định xem các hoạt động hỗ trợ nào là quan trọng và có ảnh hưởng đáng kể đến việc tăng tỷ lệ việc làm, việc làm phù hợp ngành nghề. Từ đó làm cơ sở cho việc duy trì các hoạt động hỗ trợ nào, cải tiến nâng cao các hoạt động nào để công tác hỗ trợ cho người học hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện nhiều chiến lược và hoạt động giúp người học có khả năng tìm việc và tự tạo việc làm sau tốt nghiệp. Đó là, Nhà trường đã thành lập bộ phận liên lạc CSV theo hai cấp, cấp trường và cấp khoa với mục đích tập hợp các thông tin của CSV, xây dựng các hoạt động nhằm tạo sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và nghề nghiệp, tạo cầu nối giữa các thế hệ CSV với Nhà trường và DN. Các hoạt động CSV, hoạt động gắn kết giữa DN với Nhà trường nhằm đóng góp vào việc xây dựng và phát triển công tác dạy, học và nghiên cứu ứng dụng của Nhà trường, tăng cơ hội việc làm của người học [H6.6.8.1].

Trường và Khoa định kỳ tổ chức các buổi họp mặt CSV có sự tham gia của người học. Thông qua các buổi họp định kỳ này giúp Nhà trường có thêm kênh thu thập thông tin việc làm của CSV, định hướng nghề nghiệp và các kỹ năng. Mỗi hoạt động đều nhằm góp phần tăng cơ hội và khả năng tìm việc, tạo việc làm cho người học. Để tạo động lực và định hướng cho người học, Nhà trường đã khuyến khích CSV thành đạt viết bài và đăng trên website của Nhà trường. Nội dung của các bài viết tập trung vào những kinh nghiệm, bài học rút ra từ bản thân CSV, qua đó giúp người học tự tin trong quá trình học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm. Định kỳ, Nhà trường mời các CSV và Lãnh đạo DN đến Trường tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm về kỹ năng cho người học. Trong đó chú trọng kỹ

năng làm hồ sơ xin việc, kỹ năng phỏng vấn, thông tin liên quan đến thị trường lao động, kỹ năng nghề nghiệp để phù hợp với địa phương, khu vực và quốc tế. Mỗi tọa đàm, mỗi buổi họp mặt, Nhà trường có dịp cập nhật thông tin về tình hình việc làm của CSV tại các DN. Ngoài ra, Nhà trường đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp cho người học ở tất cả các khoa có sự gắn kết với DN nhằm định hướng người học từng bước tự tạo việc làm sau tốt nghiệp, mỗi hoạt động của khởi nghiệp được chia sẻ trên website giúp người học tiếp cận và xây dựng ý tưởng cho bản thân [H6.6.8.2].

Bộ phận QHDN & HTSV của Trường là cầu nối giữa tập thể CSV và người học. Qua đó giúp Nhà trường có thêm kênh kết nối về thông tin tuyển dụng, nơi tham quan, nơi thực tập, việc làm sau tốt nghiệp, thu thập được thông tin của CSV tự tạo việc làm cho bản thân và cho các CSV khác [H6.6.8.3].

Để tăng khả năng tìm việc làm, Nhà trường đã ban hành quy định về thời gian thực tập tại DN từ bốn đến năm tháng. Với lượng thời gian này đủ để người học có thêm kinh nghiệm làm việc đồng thời có cơ hội để người học thể hiện năng lực với DN...Định kỳ, Bộ phận QHDN & HTSV phối hợp với cán bộ hỗ trợ người học thường trực tại khoa tổ chức khảo sát, điều tra tình hình việc làm, thu thập thông tin việc làm. Phương thức khảo sát, thu thập thông qua rất nhiều kênh và trải dài trong năm, đó là các dịp người học kết thúc thực tập, người học nhận bằng tốt nghiệp, cán bộ của Nhà trường có dịp tiếp xúc làm việc với DN và CSV. Nhờ vậy, Trường luôn cập nhật thông tin CSV và tổ chức kịp thời các hoạt động nhằm hỗ trợ việc làm kỹ năng cho người học. Kết quả của quy định này cho thấy người học có việc làm sau thời gian kết thúc thực tập tốt nghiệp và sau khi SV tốt nghiệp có việc làm tăng và đạt trên 50% SV có việc làm [H6.6.8.4].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thành lập Bộ phận QHDN & HTSV chuyên trách công tác xúc tiến hợp tác với các DN, các chuyên gia tuyển dụng, công tác liên lạc với tập thể CSV nhằm hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp, phổ biến các cơ hội việc làm, cơ hội kinh doanh đến với người học.

Nhà trường đã thiết kế CTĐT với thời gian thực tập từ bốn tháng đến năm tháng. Đây là khoảng thời gian cần và đủ để DN hiểu về năng lực người học, đồng thời người học có nhiều cơ hội để thể hiện năng lực và thuyết phục DN tuyển dụng. Đây là một phần mang lại hiệu quả về cơ hội việc làm và đã có trên 50% người học có việc làm sau thời gian kết thúc thực tập tại DN.

Nhà trường chú trọng việc mời DN, CSV đến Trường giao lưu, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm cũng như kiện toàn Quy chế hoạt động CSV là các hoạt động hữu ích hỗ trợ người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi người học tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Địa chỉ email và điện thoại liên lạc của người tốt nghiệp có sự thay đổi sau một năm tốt nghiệp gây khó khăn cho công tác điều tra, khảo sát. Tình hình nhảy việc của CSV làm ảnh hưởng đến độ tin cậy của bản thống kê, báo cáo kết quả về khảo sát ngay tại thời điểm tiến hành thống kê. Một số người được khảo sát chưa nhận thức đúng cho cuộc khảo sát gây khó khăn cho công tác thống kê.

Bộ phận QHDN & HTSV đã thống kê được CSV tự tạo việc làm cho bản thân. Tuy nhiên chưa thống kê được CSV tự tạo việc làm cho người khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016- 2017 trở đi, Nhà trường chỉ đạo cho Bộ phận QHDN & HTSV, phối hợp với các Khoa, GVCN tiến hành cập nhật các thông tin CSV thay đổi địa chỉ để thuận tiện liên lạc và phục vụ công tác khảo sát, điều tra với quy mô lớn hơn. Bộ phận QHDN & HTSV và Bộ phận khảo thí của Trường phối hợp cải tiến bảng câu hỏi của phiếu thu thập và phương thức khảo sát nhằm tăng tính khách quan cho minh chứng.

Năm học 2016-2017, Bộ phận QHDN và HTSV và các Khoa, câu lạc bộ khởi nghiệp là nơi đầu mối tổ chức các hoạt động cho CSV tự tạo việc làm, SV khởi nghiệp nhằm hỗ trợ và tăng thêm cơ hội việc làm cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, sau mỗi học kỳ Nhà trường tiến hành tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy của GV [H6.6.9.1]. Để công tác giảng dạy của Nhà trường ngày càng đi vào nề nếp, có lộ trình rõ ràng và ĐBCL, BGH Nhà trường đã xây dựng Quy định, hướng dẫn người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV Trường Đại học Lạc Hồng [H6.6.9.2]. Từ năm 2012 đến nay, Nhà trường đã tiến hành đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua hệ thống website của trường, <https://qa.lhu.edu.vn>. Để công tác khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy của GV được đầy đủ, đúng thời gian quy định, Nhà trường đã tiến hành công tác tuyên truyền qua kênh sinh hoạt GVCN/CVHT giúp người học hiểu được ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV [H6.6.9.3]. Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy được Nhà trường lưu trữ tại Phòng Khảo thí và ĐBCL. Phòng Khảo thí và ĐBCL tổng hợp kết quả trình BGH Nhà trường xem xét, chuyển về Khoa để GV điều chỉnh hợp lý, đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngày càng tốt hơn cho người học [H6.6.9.4].

Để điều chỉnh CTĐT phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng nhân sự của cơ quan, công ty, xí nghiệp..., từ học kỳ II năm học 2014 – 2015 Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo [H6.6.9.5]. Để công tác khảo sát lấy ý kiến người học về chất lượng đào tạo được thực hiện tốt, Nhà trường đã xây dựng Quy định, hướng dẫn người học tham gia đánh giá về chất lượng đào tạo [H6.6.9.6]. Nhà trường đã tiến hành công tác tuyên truyền qua kênh GVCN/CVHT, giáo viên hướng dẫn báo cáo tốt nghiệp, giúp người học hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng góp phần xây dựng mục tiêu đào tạo bền vững của Nhà trường [H6.6.9.7]. Kết quả khảo sát được Nhà trường lưu trữ tại Phòng Khảo thí và ĐBCL. Phòng Khảo thí và ĐBCL tổng hợp kết quả trình BGH Nhà trường xem

xét và gửi về Khoa. Hội đồng khoa học khoa nghiên cứu điều chỉnh chương trình (*nếu phù hợp*), trình Hội đồng khoa học Trường thông qua, thì CTĐT mới được đưa vào áp dụng ở năm học tiếp theo [H6.6.9.8].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng CNTT vào khảo sát lấy ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của GV và chất lượng đào tạo của Nhà trường, giúp Nhà trường giảm được nhiều chi phí, tiết kiệm nhiều thời gian, giúp người học có thể linh động đánh giá ở mọi nơi (*nếu có internet*).

Ban Lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm đến việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV và đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường có quy trình và kế hoạch rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của người học.

3. Tồn tại

Một số người học chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc đánh giá chất lượng đào tạo, nên đánh giá chưa trung thực, chưa nghiêm túc... Dẫn đến, kết quả khảo sát chưa được chính xác, thiếu khách quan.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng CTSV, Khoa và Đoàn Thanh niên tiếp tục tuyên truyền và phổ biến những tác dụng của hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo đến người học trước khi tốt nghiệp, để người học hiểu được tầm quan trọng của việc đánh giá, góp ý về chất lượng đào tạo, giúp thực hiện mục tiêu của Nhà trường là cơ sở đào tạo, NCKH ứng dụng, CGCN đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu

Hoạt động NCKH (NCKH) và phát triển công nghệ của Trường Đại học Lạc Hồng được tổ chức thực hiện trên cơ sở huy động các nguồn lực (tài chính và con người), được đánh giá bằng số lượng và chất lượng các công trình công bố hoặc ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

Trong những năm qua, hoạt động NCKH đã đạt một số kết quả nhất định, góp phần tích cực vào sự phát triển của trường. Nhìn chung, kết quả đạt được rất đáng khích lệ. Số lượng cũng như chất lượng của các đề tài NCKH ngày càng tăng, CSVC phục vụ cho hoạt động NCKH được trang bị ngày càng tốt hơn, hoạt động NCKH ngày càng phát triển hơn.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Hoạt động khoa học và công nghệ được Ban Lãnh đạo Nhà trường xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần phát triển Nhà trường. Điều này được phản ánh rõ nét trong Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Lạc Hồng [H7.7.1.1] cũng như trong các kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn từ 2013-2018 [H7.7.1.2]. Trong các kế hoạch và chiến lược đó, Nhà trường luôn quan tâm nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả công tác NCKH góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ phát triển kinh tế- xã hội; liên kết với đối tác nước ngoài trong đào tạo, NCKH và triển khai ứng dụng công nghệ mới đáp ứng nhu cầu của xã hội; tích cực CGCN cho các DN, v.v... Điều này phù hợp với sứ mạng “*Trường Đại học Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, NCKH ứng dụng, CGCN đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế*”.

Căn cứ vào các kế hoạch và chiến lược đó, Phòng NCKH (NCKH) tham mưu xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ (KH-CN) giai đoạn 2013-2020 [H7.7.1.3] và hệ thống văn bản quy định về qui trình thực hiện NCKH nhằm giúp các đề tài nghiên cứu thực hiện đúng tiến độ và ĐBCL, giúp GV, SV thuận lợi trong quá trình thực hiện nghiên cứu [H7.7.1.4]. Cũng từ các văn bản đó, hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch NCKH, kế hoạch tổ chức Ngày hội KH-CN từng đợt cụ thể, và thông báo tổ chức sáng kiến kinh nghiệm [H7.7.1.5] và triển khai đến các GV và SV qua trang tin nội bộ của Nhà

trường [H7.7.1.6]; theo đó, hàng năm, Nhà trường tổ chức Ngày hội KHCN Trường Đại học Lạc Hồng vào tháng 6 dành cho GV và SV báo cáo kết quả NCKH; một Hội nghị báo cáo NCKH SV vào tháng 12; và một Hội nghị báo cáo Sáng kiến kinh nghiệm cho toàn thể cán bộ, GV và nhân viên.

Ngoài ra, Phòng NCKH tham mưu cho Nhà trường về việc cấp kinh phí tổ chức các hội nghị, khen thưởng và đặc cách SV và GV đạt thành tích tốt trong các hội nghị khoa học, khen thưởng và hỗ trợ kinh phí đăng bài trên tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học [H7.7.1.7]. Do có những chính sách rõ ràng như vậy nên Nhà trường đã đạt được những kết quả hoạt động KHCN như được tóm tắt trong Bảng 7.1. Và kết quả này cho thấy hoạt động KHCN của Nhà trường được thực hiện phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và đáp ứng tốt kế hoạch phát triển KHCN của Nhà trường đã đề ra.

Bảng 7.1: Kết quả hoạt động KHCN giai đoạn 2012-2016

Stt	Tiêu thức	Năm					Tổng
		2012	2013	2014	2015	2016	
1	Công bố quốc tế	3	12	30	36	38	119
2	Công bố trong nước	13	24	52	30	19	138
3	Đề tài cấp trường	182	65	40	53	68	408
4	Giải thưởng NCKH, sáng tạo	155	117	58	49	56	435
5	Sách giáo trình				3	1	4
6	Sách tham khảo	84	125	158	22	4	393

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển NCKH ngắn hạn, trung hạn và dài hạn dựa trên chiến lược và các kế hoạch phát triển của Nhà trường đã ban hành nên phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường có phòng chuyên trách, và đã ban hành quy chế NCKH cụ thể, rõ ràng nên GV và SV trong Trường hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình và tích cực tham gia NCKH. Vì vậy, Nhà trường đã có nhiều công trình khoa học được công bố và đạt được nhiều giải thưởng danh giá.

3. Tồn tại

Kinh phí đầu tư cho hoạt động KHCN còn chưa tương xứng với tiềm

năng của cán bộ và GV của Nhà trường; và việc triển khai các hoạt động KHCCN còn chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ hàng năm phổ biến thủ tục, hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chủ nhiệm thực hiện đề tài KHCCN các cấp. Đồng thời, Nhà trường tiếp tục xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ và SV tham gia tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH và công bố các công trình NCKH; cũng như tăng cường tìm kiếm các nguồn đầu tư, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nhất là các công ty, xí nghiệp trong các khu công nghiệp tại địa bàn tỉnh nhằm tăng nguồn kinh phí để hỗ trợ cho các mục tiêu chiến lược KHCCN cho Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Từ năm 2012 đến 2016 trường đã tổ chức được 10 hội nghị NCKH của SV cấp trường với 337 đề tài và 05 hội nghị NCKH của GV với 128 đề tài được thực hiện đúng tiến độ [H7.7.2.1]. Hàng năm, GV và SV tiến hành đăng ký đề tài và nộp đề cương chi tiết ở Khoa chuyên môn. Khoa tiếp nhận và tập hợp phiếu đăng ký đề tài, báo cáo Hội đồng khoa học cấp Khoa [H7.7.2.2]. Hội đồng khoa học cấp Khoa tiến hành duyệt đề tài, theo dõi tiến độ thực hiện và lập Hội đồng đánh giá cấp Khoa [H7.7.2.3]. Từ đó, Khoa đề xuất các đề tài xuất sắc để báo cáo tại hội đồng NCKH cấp Trường.

Bên cạnh đó, từ năm 2012 đến 2016 Nhà trường có 4 đề tài cấp sở trong đó có 1 đề tài đã được nghiệm thu đúng tiến độ [H7.7.2.4] và 3 đề tài đang thực hiện [H7.7.2.5]

Trường đã quy định số lần báo cáo tiến độ thực hiện đề tài cho SV trong quyết định số 836/QĐ-ĐHLH ngày 02/11/2015 và quy định hoạt động khoa học của GV tại quyết định số 1010/QĐ-ĐHLH ngày 16/12/2015 [H7.7.2.6]. Nhờ việc theo dõi, quản lý chặt chẽ và đôn đốc thường xuyên nên hầu hết các đề tài

đều thực hiện đạt yêu cầu và đúng kế hoạch [H7.7.2.7] như được thể hiện trong Bảng 7.2 và Bảng 7.3.

Bảng 7.2: Số lượng đề tài NCKH SV cấp khoa

Năm	2012	2013	2014	2015	2016
Số đề tài đăng ký	925	846	387	297	206
Số đề tài đúng hạn	925	846	387	293	205
Số đề tài trễ hạn	0	0	0	4	1

Bảng 7.3: Số lượng đề tài NCKH GV cấp khoa

Năm	2012	2013	2014	2015	2016
Số đề tài đăng ký	103	68	17	8	13
Số đề tài đúng hạn	103	68	17	8	13
Số đề tài trễ hạn	0	0	0	0	0

Ngoài các đề tài cấp sở, từ năm 2012 đến năm 2016, Nhà trường đã thực hiện CGCN được 19 đề tài đem lại nguồn thu về cho trường số tiền hơn một tỷ đồng; trong đó, riêng năm 2016 đã có 9 đề tài được chuyển giao với tổng thu là 724 triệu đồng [H7.7.2.8].

2. Điểm mạnh

Các đề tài được triển khai thực hiện đúng thời hạn, và nghiệm thu tại hội đồng đánh giá đúng theo quy định của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai nhiều đề tài, dự án và các hợp đồng CGCN có hiệu quả, đem lại khoản thu lớn và góp phần nâng cao uy tín của Nhà trường.

3. Tồn tại

Một số ít chủ nhiệm đề tài còn lơ là, chủ quan trong việc thực hiện NCKH; do đó, chất lượng bài nghiên cứu chưa thực sự tốt và chỉ được Hội đồng đánh giá đạt trong đợt NCKH năm đó.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 trở về sau, công tác quản lý đề tài NCKH các cấp sẽ được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc hơn nâng cao chất lượng các đề tài NCKH và ứng dụng vào xã hội nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Nhà trường khuyến khích cán bộ, GV thực hiện đề tài NCKH viết bằng tiếng Anh và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế; đặc biệt là các tạp chí trong danh mục SCI, SCIE, SSCI, ESCI và AHCI thuộc ISI của Thomson Reuters hay SCOPUS. Cụ thể, Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo, chi phí đăng báo và khen thưởng tác giả có bài đăng với định mức hỗ trợ được thể hiện rõ trong Quyết định số 215/QĐ-ĐHLH ngày 22/3/2014 và Quyết định số 918/QĐ-ĐHLH ngày 29/10/2016 [H7.7.3.1].

Từ 2012-2016, cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Lạc Hồng đã công bố 257 bài báo được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế; trong đó có 119 bài báo quốc tế và 138 bài báo trong nước như được tổng hợp trong Bảng 7.4 [H7.7.3.2].

Bảng 7.4: Số lượng bài báo của Nhà trường trong giai đoạn 2012-2016

TT	Phân loại bài báo	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng cộng
1	Bài báo đăng trong các tạp chí KH quốc tế	1	9	24	30	35	99
2	Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế	2	3	6	6	3	20
3	Bài báo đăng trong các tạp chí KH cấp ngành trong	7	15	38	16	18	94

	nước						
4	Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo trong nước	6	9	14	14	1	44
Tổng cộng		16	36	82	66	57	257

Để có được những kết quả đó, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 836/QĐ-ĐHLH ngày 02/11/2015 về NCKH SV và Quyết định số 1010/QĐ-ĐHLH ngày 16/12/2015 về NCKH GV; theo đó, mỗi đề tài báo cáo khoa học đạt giải phải viết thành bài báo khoa học và được đăng trong một ấn phẩm khoa học [H7.7.3.3]. Hàng năm, Phòng NCKH tiến hành rà soát tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KHCN [H7.7.3.4]. Qua đó cho thấy, chất lượng và số lượng bài báo khoa học đã công bố trên các tập san chuyên ngành phù hợp với định hướng NCKH của trường.

Bên cạnh đó, Tạp chí Khoa học Lạc Hồng (Journal of Science of Lac Hong University) của Nhà trường đã được Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cấp Mã số chuẩn quốc tế (ISSN: 2525-2186) theo giấy phép số 11/TTKHCN-ISSN ngày 16/05/2016 [H7.7.3.5]. Ban Biên tập Tạp chí Khoa học Lạc Hồng gồm những nhà khoa học có trình độ từ TS trở lên [H7.7.3.6]. Từ năm học 2015-2016 trở đi, các bài báo NCKH đạt giải được chọn lọc đăng trên Tạp chí Khoa học Lạc Hồng [H7.7.3.7]. Cán bộ, GV Nhà trường có bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Lạc Hồng sẽ được quy đổi tiết NCKH theo Quy chế NCKH của GV [H7.7.3.8] và khen thưởng theo quy định [H7.7.3.9].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách khen thưởng hợp lý nên GV và SV có thêm động lực thực hiện NCKH và đăng tải công trình nghiên cứu của mình. Từ năm 2012 đến năm 2016, các bài báo đạt giải trong các kỳ NCKH đều được chọn lọc đăng xét trên tạp chí, kỷ yếu khoa học chuyên ngành. Bên cạnh đó các bài báo khoa học được đăng tải tại Tạp chí Khoa học Lạc Hồng đều được Hội đồng thẩm định đánh giá và nhận xét nghiêm túc để bài được đăng đều là những bài có chất lượng tốt.

3. Tồn tại

Số lượng công bố quốc tế của CB, GV còn ít; bởi vì nhiều cán bộ, GV bị hạn chế trình độ ngoại ngữ và kỹ năng viết báo khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ GV nâng cao trình độ Anh ngữ để đến năm 2020 thì 90% GV có thể đọc và viết báo bằng tiếng Anh. Ngoài ra, Phòng NCKH sẽ tổ chức các buổi hướng dẫn viết báo khoa học dưới sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước. Đặc biệt, Phòng NCKH sẽ phối hợp với Trung tâm Thông Tin Tư Liệu của Nhà trường để liên tục cập nhật danh sách các tạp chí, hội nghị chuyên ngành trong nước và ngoài nước để GV và SV biết cũng như chủ động gửi đăng công trình nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Nhà trường đã thành lập Trung tâm NCKH và Ứng dụng nhằm đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng các đề tài nghiên cứu vào thực tế [H7.7.4.1]. Kết quả của các đề tài sau khi nghiệm thu được chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu. Bên cạnh đó, Trung tâm còn quảng bá và giới thiệu các đề tài đạt giải đến các đơn vị, DN trong và ngoài tỉnh để tìm kiếm nơi ứng dụng và triển khai thực hiện [H7.7.4.2].

Trong thời gian qua, hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, có đóng góp mới về mặt lý luận khoa học và có giá trị ứng dụng cao. Cụ thể là nhiều đề tài NCKH đã được triển khai vào sản xuất đem lại nguồn thu cho Nhà trường, đồng thời cũng góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận; chẳng hạn như: từ năm 2012-2016, Nhà trường đã thực hiện CGCN được 19 đề tài với tổng giá trị hơn một tỷ đồng cho các công ty lớn có vốn đầu tư từ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như: *Công ty TNHH Điện tử Nec/ToKin Việt*

Nam (100% vốn Nhật Bản), DNTN Hiếu Thuận Hòa, Công ty PS Việt Nam, Công ty Lixil Global Manufacturing Viet Nam, v.v... [H7.7.4.3]. Đó là những tiên bộ kỹ thuật được cộng đồng chấp nhận, triển khai vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động và đem lại nguồn thu cho Nhà trường.

Cán bộ, GV cũng đã tích cực viết các bài báo khoa học chuyên ngành đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế và Nhà trường khuyến khích các bài đăng trong các tạp chí thuộc danh mục ISI của Thomson Reuters [H7.7.4.4]. Bên cạnh đó, từ năm 2012 đến 2016 Nhà trường có 4 đề tài cấp sở trong đó có 1 đề tài đã được nghiệm thu đúng tiến độ [H7.7.4.5] và 3 đề tài đang thực hiện [H7.7.4.6]. Các đề tài này đều thể hiện tính sáng tạo của đội ngũ CBGV, có đóng góp mới về mặt lý luận khoa học, góp phần nâng cao uy tín của Trường trong công tác NCKH.

Cũng trong giai đoạn 2012-2016, phong trào NCKH SV đã đạt được nhiều giải thưởng cao trong và ngoài nước như được thể hiện trong Bảng 7.5, góp phần nâng cao uy tín của Trường trong công tác NCKH [H7.7.4.6]. Điển hình là những thành tích nổi trội của SV ở các cuộc thi Robocon Việt Nam, Robocon Châu Á – Thái Bình Dương, “Shell - Eco marathon Asia” (Chế tạo xe tiết kiệm nhiên liệu Khu vực Châu Á – gọi tắt là SEM). Những sân chơi này khuyến khích SV ứng dụng những kiến thức được học trên ghế Nhà trường để giải quyết những vấn đề thực tế.

Bảng 7.5: Số lượng giải thưởng tiêu biểu đạt được 2012-2016

Stt	Nội dung	Năm					
		2012	2013	2014	2015	2016	2017
1.	Robocon Việt Nam	Vô địch	Vô địch	Vô địch		Vô địch	
2.	Robocon Châu Á Thái Bình Dương	1 G2	1 G2, 1 G3	Vô địch, 1 Giải ABU			
3.	Xe tiết kiệm nhiên liệu				Vô địch	Vô địch	Vô địch
4.	SV NCKH Cấp bộ	1 G1, 1 G2	2 G1, 1 G2,			1 G3, 1 KK	

			1 KK				
5.	VIFOTEC	1 KK	1 G2 1 G3, 1 KK	1 G2, 1 KK	1 G2		
6.	Tài năng khoa học Trẻ	1 G1, 2 G2, 1 KK		1 G3, 1 KK			
7.	EUREKA				1 KK	1 G3	

Chú thích: G1- Giải nhất; G2- Giải nhì; G3- Giải ba; KK- Giải khuyến khích

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của Nhà trường đã có sự gắn kết chặt chẽ với các DN, địa phương và khu vực nên đã có nhiều đề tài ứng dụng tốt trong hoạt động thực tiễn của nhiều tổ chức. Ngoài ra, do Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí hợp lý nên nhiều đề tài có đóng góp mới cho khoa học và có giá trị ứng dụng thực tiễn cao đã được công bố trên các tạp chí/ kỷ yếu khoa học trong và ngoài nước.

Các đề tài NKCH của CB, GV và SV đạt được nhiều giải thưởng cao trong và ngoài nước, góp phần nâng cao uy tín của Trường trong công tác NCKH.

3. Tồn tại

Số lượng nghiên cứu ứng dụng vào thực tế sản xuất chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 trở đi:

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH giữa trường với các DN để có nhiều đề tài ứng dụng trong hoạt động sản xuất, đồng thời hỗ trợ về thời gian cũng như kinh phí cho các đề tài nghiên cứu, có kế hoạch khuyến khích các cán bộ trẻ tham gia các đề tài NCKH cấp nhà nước. Ngoài ra, Nhà trường sẽ hỗ trợ các tác giả trong việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi thích đáng cho các tác giả.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt

động này.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường đều dành từ 4-5% kinh phí từ nguồn thu học phí để hỗ trợ hoạt động NCKH của GV và SV như được thể hiện trong Bảng 7.6 [H7.7.5.1].

Bảng 7.6: Chi phí cho các hoạt động KH-CN từ năm 2012 đến năm 2016

<i>Stt</i>	<i>Nội dung chi</i>	<i>Số tiền</i>
1	Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ NCKH	8.893.952.395
2	Chi phí trang bị hóa chất, dụng cụ phòng TN cho NCKH	13.684.247.182
3	Chi phí khen thưởng NCKH	4.677.193.836
4	Chi phí phục vụ NCKH	11.488.919.136
5	Chi phí đào tạo NCKH	3.108.002.899
6	Chi máy móc thiết bị phục vụ NCKH	21.384.347.988
7	Chi hoạt động các cuộc thi sáng tạo - NCKH	2.522.869.900
8	Chi phí công tác phí hội thảo, NCKH	29.440.340.336
<i>Tổng cộng</i>		<i>95.199.873.672</i>

Ngoài ra, Nhà trường luôn tích cực phát triển quan hệ hợp tác nghiên cứu và CGCN với các tổ chức trong và ngoài nước. Nhà trường cũng khuyến khích cán bộ, GV chủ động thực hiện các hợp đồng tư vấn, CGCN. Không kể các hợp đồng tư vấn do cá nhân đảm nhiệm, nhiều chương trình, dự án nghiên cứu và CGCN đã mang lại nguồn thu đáng kể cho Nhà trường như được thể hiện trong Bảng 7.7; cụ thể là, hoạt động CGCN từ năm 2012 đến năm 2016 đã tạo nguồn thu hơn một tỷ đồng [H7.7.5.2]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện đề tài thuộc Sở KH-CN tỉnh Đồng Nai với tổng kinh phí được cấp hơn 608 triệu đồng [H7.7.5.3]; như vậy tổng thu từ các hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường trong thời gian qua đạt hơn 1,6 tỷ đồng.

Bảng 7.7: Nguồn thu từ các hoạt động NCKH và CGCN

Stt	Nguồn thu	Số tiền
1	Thực hiện đề tài từ Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai	608.035.000đ
2	Nguồn thu từ hoạt động CGCN	1.018.400.000đ
Tổng cộng		1.626.435.000đ

Như vậy, tổng kinh phí đầu tư từ Nhà trường cho KH&CN cao hơn nhiều so với nguồn thu từ đầu vào; tức là Nhà trường chưa đảm bảo được nguồn thu từ NCKH và CGCN không ít hơn kinh phí của trường dành cho các hoạt động này. Đó là vì có 3 trong 4 khoản mục chi trong Bảng 7.6 là các khoản đầu tư không mang lại khoản thu hữu hình; thay vào đó là có những khoản thu “vô hình” có giá trị lớn hơn rất nhiều, chẳng hạn như danh tiếng của Nhà trường tăng cao từ các cuộc thi trong nước và quốc tế như Robocon, Shell Eco-Marathon, hay các công bố quốc tế cũng góp phần nâng cao vị thế của Trường Đại học Lạc Hồng trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo nguồn chi theo quy định cho hoạt động NCKH và CGCN. Và Nhà trường đã tìm kiếm và tạo mọi cơ hội thu hút đầu tư từ các tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt là các DN đóng tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Tồn tại

Số lượng hợp đồng NCKH và CGCN còn ít cũng như giá trị các hợp đồng cũng không cao nên nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN còn rất hạn chế. Do đó, nguồn thu từ những hoạt động này chưa cao hơn so với kinh phí đầu tư của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác NCKH và CGCN nhiều hơn nữa nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động này. Nhà trường tăng cường khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để hỗ trợ GV tìm kiếm và thực hiện các hợp đồng tư vấn và CGCN.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường luôn được quy định gắn liền với công tác đào tạo và giảng dạy. Các đề tài NCKH đều nhằm mục đích nâng cao năng lực NCKH của SV và năng lực giảng dạy của GV. Hàng năm, Nhà trường định kỳ tổ chức 2 Hội nghị NCKH SV và 1 Hội nghị NCKH GV. Tính đến nay hoạt động này đã đi vào nề nếp và ngày càng phát triển. Trong giai đoạn 2012-2016, Nhà trường đã tổ chức 10 hội nghị NCKH SV với 307 đề tài và 05 hội nghị NCKH GV với 119 đề tài [H7.7.6.1]. Các kết quả thu được qua hoạt động NCKH giúp GV và SV bổ sung kiến thức, trải nghiệm thực tế, qua đó phát hiện và bồi dưỡng nhân tài góp phần vào phát triển nguồn lực cho Nhà trường.

Một số đề tài NCKH sau khi hoàn thành đã được SV và GV sử dụng để phục vụ cho việc nghiên cứu giảng dạy như làm tài liệu tham khảo, giáo trình, mô hình thực hành cho SV [H7.7.6.2]. Điển hình, với mục đích tạo thêm cơ hội cho SV có điều kiện thực hành, nâng cao hiệu quả quá trình học tập trên giảng đường, nhóm GV và SV của Nhà trường đã nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống máy bào chế thuốc tây dành cho PTN. Với những tính năng mới, khả năng ứng dụng và cho hiệu quả kinh tế cao, hệ thống máy bào chế thuốc này đã vinh dự đạt giải Ba tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Đồng Nai năm 2015 [H7.7.6.3].

Hoạt động hợp tác NCKH của Trường cũng được định hướng gắn kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước nhằm tạo cơ hội cho việc tham gia hợp tác nghiên cứu đồng thời cũng góp phần nâng cao năng lực NCKH của CB, GV và SV của Nhà trường. Cụ thể, trong những năm qua, Nhà trường và các trường đại học nước ngoài cũng đã ký kết các bản ghi nhớ hợp tác về trao đổi học thuật, trao đổi SV, cấp học bổng TS và ThS cho GV và

SV đi du học nhằm đóng góp vào phát triển các nguồn nhân lực có năng lực NCKH và học vị cao [H7.7.6.4]. Ngoài ra, trong giai đoạn 2012-2016, CB, GV Nhà trường cũng đã có nhiều công bố chung trên các tạp chí và hội nghị uy tín từ sự liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước [H7.7.6.5].

Ngoài ra, Nhà trường trong những năm qua cũng không ngừng đầu tư trang thiết bị nghiên cứu để giúp GV, SV làm tốt hơn hoạt động NCKH [H7.7.6.6]. Nhà trường tích cực đưa SV đi thực tập và NCKH tại các viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng dạy và học [H7.7.6.7]. Do đó, trình độ và năng lực chuyên môn của CB, GV thông qua hoạt động hợp tác NCKH này cũng được nâng cao.

Trong những năm gần đây, Nhà trường luôn có những mối quan hệ hợp tác gắn kết với DN trong và ngoài tỉnh, chủ động và tích cực cử nhiều đoàn cán bộ liên hệ với các công ty, các cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh để đưa GV và SV đi tham quan, tìm hiểu nhu cầu thực tiễn sản xuất [H7.7.6.8]. Các chuyến đi đó giúp cho GV và SV có thêm những hiểu biết về thực tiễn hoạt động của ngành nghề và có thêm ý tưởng NCKH phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của các DN. Cụ thể, trường đã có nhiều hợp đồng CGCN cho các công ty lớn có vốn đầu tư từ nước ngoài như: Công ty TNHH Điện tử Nec/ToKin Việt Nam (100% vốn Nhật Bản), DN tư nhân Hiếu Thuận Hòa, công ty trách nhiệm hữu hạn Thế giới GEN, công ty Plus Việt Nam, Lixil Global Manufacturing Vietnam, v.v... [H7.7.6.9]. Như vậy, các hoạt động KH-CN góp phần đáng kể vào sự phát triển các nguồn lực của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH không chỉ được GV quan tâm mà còn thu hút đông đảo SV tham gia và trở thành một phong trào lớn và góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường. Những công trình nghiên cứu đều bám sát với mục tiêu đào tạo, nhiều công trình của GV cũng như của SV được ứng dụng trong thực tế sản xuất, giảng dạy và các hoạt động khác của Nhà trường.

6. Tồn tại

Số lượng đề tài NCKH và CGCN còn ít so với năng lực thực sự của đội ngũ GV hiện nay của Nhà trường. Và hoạt động KHCN ít gắn kết với các viện nghiên cứu và các trường đại học khác.

7. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Trung tâm quan hệ DN và hỗ trợ SV cùng Phòng Quan hệ quốc tế tiếp tục phối hợp với Phòng NCKH tăng cường công tác liên kết với nhiều DN, các trường đại học, các viện NCKH trong và ngoài nước để đẩy mạnh hoạt động NCKH và CGCN thông qua các đơn đặt hàng sản xuất cũng như các hợp đồng liên kết đào tạo, thi công các dự án từ phía các đơn vị gửi đến.

Đồng thời, Nhà trường sẽ tổ chức định kỳ các buổi hội thảo (seminar) khoa học giữa các trường, các DN, các viện trong và ngoài nước để thu hút nhiều GS đầu ngành ở các nơi cùng tham gia.

3. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Hoạt động NCKH của Nhà trường được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, năng lực và đạo đức đối với cán bộ, GV và SV tham gia thực hiện đề tài được qui định tại Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 [H7.7.7.1]. Theo hướng dẫn của hai Thông tư này, Nhà trường đã ban hành các Quyết định về Quy chế NCKH của GV và SV [H7.7.7.2]; trong đó quy định cụ thể các vấn đề về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức cũng như quyền lợi và trách nhiệm liên quan đến hoạt động NCKH của GV và SV.

Đối với NCKH của SV, SV có điểm trung bình tích lũy học tập đến hết học kỳ 6 từ 7.0 điểm trở lên, bắt buộc phải làm NCKH trong năm cuối. Tuy nhiên, để khuyến khích SV tham gia NCKH, Nhà trường cũng cho những SV có điểm trung bình tích lũy đến hết học kỳ 6 từ 6.5 đến dưới 7.0 điểm và những SV năm nhất, năm hai hay năm ba đều có thể đăng ký tham gia NCKH theo nguyện

vọng.

Còn đối với NCKH của GV, song song việc giảng dạy trên lớp còn phải thực hiện 150 tiết nghĩa vụ NCKH. Ngoài thực hiện tiết nghĩa vụ NCKH, GV có thể tham gia viết giáo trình, viết sách, đăng báo, tạp chí hoặc tham gia các cuộc thi KHCN đạt giải đều được quy đổi thành tiết nghĩa vụ NCKH. Đồng thời, để khuyến khích hoạt động NCKH phát triển, Nhà trường cũng có những quy định khen thưởng, đặc cách cho những đề tài NCKH được Hội đồng khoa học đánh giá đạt, có đóng góp mới cho khoa học và/hoặc có tính ứng dụng cao trong thực tiễn [H7.7.7.3].

Nhằm nâng cao chất lượng các đề tài NCKH, nâng cao ý thức đạo đức trong hoạt động NCKH và giúp đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, Nhà trường đã triển khai sử dụng phần mềm chống “đạo văn” đến các Khoa chuyên môn để phát hiện những đề tài có hành vi sao chép, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ để có hình thức xử lý nghiêm minh [H7.7.7.4]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định sở hữu trí tuệ để hỗ trợ các tác giả NCKH được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ với các cơ quan chức năng hữu quan [H7.7.7.5].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành những quy định chi tiết, cụ thể, rõ ràng về hoạt động NCKH áp dụng riêng cho GV và cho SV. Kèm theo đó là các hình thức khen thưởng xứng đáng với những đề tài đạt chất lượng và xử phạt thích đáng với những đề tài kém chất lượng hay có dấu hiệu “đạo văn”. Do đó, các GV và SV nhận thức tốt về đạo đức nghiên cứu và không có hành vi đạo văn trong nghiên cứu.

3. Tồn tại

Nhà trường đã ban hành quy chế sở hữu trí tuệ để hỗ trợ cho tác giả NCKH, tuy nhiên Nhà trường vẫn chưa hỗ trợ được nhiều cho các tác giả đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi của các tác giả.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, kiểm tra lại các văn bản và hoàn thiện các quy định NCKH; trong đó sẽ triển khai hướng dẫn, hỗ trợ cho các tác giả đăng

ký các đề tài NCKH, quyền sở hữu trí tuệ với cơ quan chức năng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Hoạt động KHCN của Nhà trường trong 5 năm vừa qua đã đạt nhiều thành tựu quan trọng như nhiều công trình khoa học có đóng góp mới cho khoa học và có giá trị ứng dụng thực tiễn cao được công bố trên các tạp chí/ kỷ yếu khoa học trong và ngoài nước, nhiều đề tài đạt được các giải thưởng danh giá, các dự án và hợp đồng CGCN có hiệu quả, đem lại khoản thu và góp phần nâng cao uy tín của Nhà trường, v.v... Đó là vì Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển NCKH ngắn hạn, trung hạn và dài hạn dựa trên chiến lược và các kế hoạch phát triển của Nhà trường đã ban hành nên phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường. Ngoài ra, các văn bản liên quan có các quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng và mang tính khuyến khích cao nên GV và SV hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia NCKH. Cho nên, các đề tài thực hiện đúng tiến độ, có chất lượng; góp phần quan trọng vào phát triển các nguồn lực cũng như giúp nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Tuy nhiên, số lượng hợp đồng NCKH và CGCN còn ít cũng như giá trị các hợp đồng cũng không cao nên nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN còn rất hạn chế. Vì vậy, Nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác NCKH và CGCN nhiều hơn nữa nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động này. Đồng thời, Nhà trường sẽ tăng cường khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để hỗ trợ GV tìm kiếm và thực hiện các hợp đồng tư vấn và CGCN.

Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu

Trường ĐHLH xác định HTQT là một trong những cơ hội để tiếp cận trình độ khu vực, hội nhập toàn diện với GDDH thế giới. Từ nhận thức đó, Nhà trường đã chủ động thực hiện thiết lập quan hệ và triển khai các hoạt động hợp tác với các trường ĐH và tổ chức quốc tế theo đúng quy định của Nhà nước và đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ, xây dựng và bổ sung nguồn lực hiện có và nâng cao năng lực đào tạo, NCKH và đổi mới CTĐT phù hợp với tiêu

chuẩn khu vực và thế giới. Các hoạt động HTQT rất đa dạng như tiếp các đoàn khách đến thăm, mời GV nước ngoài đến giảng dạy; Ký kết MOU với 18 trường ĐH và tổ chức quốc tế; Đã có nhiều chương trình HTQT cấp học bổng cho 32 GV và 43 SV; Có các chương trình trao đổi GV và SV; chương trình tài trợ về tài chính và sách giáo khoa và chương trình hợp tác NCKH với đối tác nước ngoài.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước.

1. Mô tả

Trường ĐHLH có đơn vị chuyên trách thực hiện công tác HTQT được thành lập từ ngày 01/9/2005 theo Quyết định số 265/QĐ/ĐHLH với tên gọi là Trung tâm Quan hệ quốc tế -Tu vấn du học và việc làm. Sau đó, Phòng Quan hệ quốc tế được thành lập theo quyết định số 788/QĐ-ĐHLH ngày 22 tháng 12 năm 2011 với chức năng, nhiệm vụ là đảm bảo thực hiện công tác HTQT theo quy định của Nhà nước [H8.8.1.1] và có kế hoạch thực hiện công tác HTQT hàng năm phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020 và chiến lược phát triển giáo dục Trường ĐHLH giai đoạn 2013-2020 [H8.8.1.2]. Trong các năm qua, Nhà trường thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong các hoạt động HTQT [H8.8.1.3]. Nhà trường có quy định về việc CB, GV đi học tập nâng cao trình độ ThS và TS. Từ năm 2011 đến nay, Nhà trường đã cử nhiều CB, GV đi học tập và bồi dưỡng chuyên môn ở nước ngoài [H8.8.1.4]. Bên cạnh đó Trường cũng có quy định việc đón tiếp và làm việc với khách nước ngoài [H8.8.1.5]

Trong giai đoạn 2011-2016, hoạt động HTQT của Nhà trường đã có nhiều thành công, Nhà trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU) với 18 trường ĐH, các tổ chức giáo dục đến từ các nước như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và vùng lãnh thổ Đài Loan [H8.8.1.6]. Hàng năm, Nhà trường đón tiếp khoảng 10 đoàn khách quốc tế đến thăm, thảo luận cơ hội hợp tác. Ngoài ra, từ 2011-2016 Nhà trường cũng cử lãnh đạo, các trưởng phó đơn vị và GV của Trường đến các

trường ĐH, tổ chức nước ngoài để thiết lập các mối quan hệ hợp tác, học tập và nghiên cứu [H8.8.1.7].

Từ năm 2011, mỗi năm có khoảng 10 GV đến từ các quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Philippines tham gia giảng dạy thực hành tiếng tại Khoa Đông phương và Khoa Ngôn ngữ Anh của Trường; Tính đến nay có 60 SV đến từ Lào, Campuchia đang theo học các chuyên ngành [H8.8.1.8]. Các đoàn khách quốc tế đến làm việc với Nhà trường ngày càng nhiều, nhưng không có trường hợp nào vi phạm về thủ tục quản lý hoạt động HTQT trong 5 năm qua.

Trong giai đoạn 2011-2016, HTQT của Nhà trường đã phát triển mạnh với nhiều hoạt động như hợp tác với các ĐH nước ngoài, cấp học bổng cho 32 GV và 43 SV; Trao đổi SV; Giao lưu văn hóa và cấp học bổng cho SV Lào, Campuchia [H8.8.1.9]. Nhà trường cũng đã tham gia các chương trình và dự án của BUILD-IT và JICA để nâng cao năng lực chuyên môn của GV và chất lượng đào tạo SV để tăng khả năng cạnh tranh của SV trong thị trường lao động hiện nay [H8.8.1.10]. Ngoài ra, các hoạt động NCKH của GV, hoạt động NCKH với GV nước ngoài cũng tăng cao với 119 bài báo khoa học, trong đó có 51 bài báo đăng với GV nước ngoài [H8.8.1.11]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết hoạt động HTQT [H8.8.1.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước Việt Nam, Bộ GD&ĐT, của UBND tỉnh Đồng Nai và quy định Nhà trường trong các hoạt động HTQT.

3. Tồn tại

Các đơn vị trong Trường chưa tận dụng hết nguồn lực về các hợp tác nghiên cứu, các chương trình trao đổi GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017-2018, Nhà trường tăng cường đôn đốc, xây dựng chính sách thúc đẩy HTQT về nghiên cứu; Thực hiện chương trình trao đổi GV và SV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2011 đến 2016, Trường Đại học Lạc Hồng đã ký 18 Bản ghi nhớ với các trường đại học và tổ chức quốc tế [H8.8.2.1]. Các chương trình HTQT đang triển khai bước đầu đạt được thành công, cụ thể là các đại học đối tác đồng ý cấp học bổng cho GV và SV. Nhà trường cũng thành công trong việc thực hiện chương trình thực hành tiếng cho SV, chương trình giao lưu văn hóa trao đổi SV và dạy SV nước ngoài, chương trình tình nguyện viên và GV nước ngoài dạy thực hành tiếng và tham gia các dự án nhằm nâng cao chất lượng CTĐT và đội ngũ giảng viên. Trong hoạt động HTQT giai đoạn này, Nhà trường còn nhận được các nguồn tài trợ từ các tổ chức nước ngoài.

Giai đoạn từ năm 2011 đến 2016 Trường đã có 32 GV nhận học bổng từ các trường ĐH ở Trung Quốc, Philippines, Đài Loan, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản và Áo. Trong số 32 GV này đã có 22 GV hoàn thành chương trình và về nước. Một số GV khi trở về được Nhà trường bổ nhiệm làm lãnh đạo ở các Khoa/Phòng và làm trưởng các bộ môn [H8.8.2.2].

- Chương trình học bổng SV

Từ năm 2011 đến 2016 Nhà trường có 43 SV nhận học bổng toàn phần/bán phần ThS và học bổng thực hành tiếng từ 06 tháng đến 01 năm của các trường ĐH đối tác ở Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Pháp [H8.8.2.3].

- Hoạt động tham quan, dự hội thảo khoa học của cán bộ lãnh đạo

Nhà trường đã cử hơn 10 đoàn cán bộ lãnh đạo và GV đến nhiều nước với mục đích thăm viếng tìm kiếm hợp tác mới, dự các hội nghị và hội thảo khoa học. Tháng 01 năm 2013 Trường ĐH Lạc Hồng đã cử lãnh đạo Trường đi thăm và làm việc với Trường ĐH City U thành phố Seattle (Hoa Kỳ), đoàn cán bộ lãnh đạo tham gia “Diễn đàn Giáo dục Đài Loan – Việt Nam” vào tháng 12

năm 2013 tại Trường ĐH Nghĩa Thủ, thành phố Cao Hùng, Đài Loan. Tháng 02 năm 2014, Nhà trường đã cử GV tham dự chương trình tập huấn của Hiệp hội Phát triển công nghiệp và Nhân lực tại nước ngoài (The Oversea Human Resources and Industry Development Association-HIDA) tại Trung Tâm nghiên cứu Kansai, Nhật Bản. Trong năm 2015, Nhà trường đã cử đoàn cán bộ lãnh đạo tham dự chương trình tham quan năm trường ĐH ở thành phố Busan-Hàn Quốc vào tháng 11 và thăm ĐH Nam Đài Loan vào tháng 12. Trong tháng 8 năm 2016, Nhà trường đã cử cán bộ tham dự lớp tập huấn kiểm định chất lượng CTĐT và cơ sở GDĐH theo tiêu chuẩn AUN-QA tại Thái Lan [H8.8.2.4].

- Các hoạt động giao lưu học tập và thi đấu nước ngoài của SV

Từ năm 2011 đến 2016, Nhà trường đã cử nhiều đoàn GV và SV đi tham quan và thi đấu quốc tế. Các hoạt động điển hình như cử đoàn cán bộ lãnh đạo và SV đến Trường ĐH Kỹ thuật Sydney (Úc) tham quan, thảo luận và trao đổi kiến thức kỹ thuật công nghệ về tự động hóa và robot từ ngày 17/9 đến ngày 26/9/2011. Trường cũng đã cử các đoàn tham gia cuộc thi Robocon Châu Á - Thái Bình Dương và đã đạt chức vô địch năm 2014 và các đoàn tham gia cuộc thi Lái xe sinh thái - Tiết kiệm nhiên liệu Châu Á với 3 lần liên tiếp vô địch từ năm 2015 [H8.8.2.5].

- Về việc đào tạo SV nước ngoài

Từ năm 2007 đến năm 2010, Trường ĐH Lạc Hồng hợp tác với Tổng công ty Tín Nghĩa đào tạo 40 SV Lào học tiếng Việt 01 năm và 20 SV Lào học chuyên ngành. Năm 2011, Trường ĐH Lạc Hồng đã cấp 05 suất học bổng toàn phần và năm 2012 Trường cấp 04 suất học bổng cho con em người Việt tại Campuchia học tiếng Việt 1 năm. Về chương trình dạy tiếng Việt cho SV Lào và Campuchia, năm 2012 Trường đã tiếp nhận 104 SV, năm 2014 có 7 SV và năm 2015 có 26 SV. Giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Trường ĐH Lạc Hồng đã hoàn thành CTĐT đại học cho 26 SV Lào và Campuchia. Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 12 SV Campuchia và 22 SV Lào đang theo học các chuyên ngành do ngân sách của UBND tỉnh Đồng Nai chi trả [H8.8.2.6].

- Về chương trình giao lưu văn hóa, trao đổi SV

Trong năm học 2011-2012, Trường ĐH Lạc Hồng và Trường ĐH Quốc gia Cao Hùng (Đài Loan) mỗi bên đã thực hiện việc tiếp nhận và trao đổi 05 SV [H8.8.2.7]. Trong năm 2013, Trường ĐH Lạc Hồng và Trường ĐH GaChoen (Hàn Quốc) đã tổ chức chương trình giao lưu văn hóa giữa SV hai trường. Trường ĐH Lạc Hồng đã phối hợp với Sở Ngoại vụ tỉnh Đồng Nai tổ chức giao lưu văn hóa với Đoàn Thanh thiếu niên tỉnh Gyeongnam (Hàn Quốc) là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Đồng Nai trong năm 2012 và năm 2014 [H8.8.2.8]. Trường ĐH Lạc Hồng đã phối hợp với Sở Ngoại vụ tỉnh Đồng Nai tiếp nhận 01 công chức tỉnh Gyeongnam (Hàn Quốc) sang học tập tiếng Việt và giao lưu văn hóa từ ngày 05/09/2012 đến ngày 14/11/2013 [H8.8.2.9].

- *Tiếp nhận tình nguyện viên quốc tế*

Trường ĐH Lạc Hồng đã tiếp nhận 01 tình nguyện viên từ Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh đến dạy tiếng Hoa cho SV từ tháng 9/2014 đến tháng 7/2015. Trong 02 năm, từ tháng 03 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013, nhà trường đã tiếp nhận tình nguyện viên từ tổ chức KOICA (Hàn Quốc) đến dạy tiếng Hàn cho SV ngành tiếng Hàn Khoa Đông phương [H8.8.2.10].

- *Nguồn thu từ các hoạt động HTQT*

Cho đến nay, Nhà trường đã nhận được các nguồn viện trợ, học bổng bằng vật chất và hiện kim từ các tổ chức nước ngoài cụ thể là trong năm 2011 tổ chức Sanhak (Hàn Quốc) đã tài trợ 5000 USD lập quỹ học bổng cho SV ngành Hàn Quốc và Hiệp hội các Nhà xuất bản Hàn Quốc tặng 326 sách tiếng Hàn phục vụ cho việc dạy học. Năm 2013 tổ chức Global Hope thuộc Bộ Ngoại giao Hàn Quốc tài trợ thiết bị học tập trị giá 200 triệu đồng phục vụ việc giảng dạy tiếng Hàn. Trong năm 2015, Trường ĐH Lạc Hồng đã ký Bản ghi nhớ với Tổ chức Quỹ học bổng Quốc tế Mabuchi (Nhật Bản). Tổ chức này đồng ý cấp 25 học bổng mỗi năm (cho mượn tiền chi trả chi phí học tập và hoàn trả sau khi tốt nghiệp), mỗi suất trị giá 10 triệu đồng cho cả quá trình học tập dành cho SV có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ưu tiên SV ngành Nhật Bản học. Năm 2016, tập

đoàn mạng Legasus (Hoa Kỳ) tài trợ 3000 USD cho các đề tài NCKH [H8.8.2.11].

- *Tham gia các dự án, hội thảo khoa học với đối tác nước ngoài*

Trong năm 2014 và 2015, Trường Đại học Lạc Hồng cử đoàn cán bộ tham gia khóa huấn luyện tại Nhật Bản theo chương trình Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp sản xuất tại tỉnh Đồng Nai do tổ chức JICA (Japan International Cooperation Agency) tổ chức. Năm 2015, Trường ĐH Lạc Hồng đã tham gia vào Chương trình liên kết giáo dục công nghệ nâng cao (Higher Engineering Education Alliance Program-HEEAP) của Trường ĐH Arizona (Hoa Kỳ). Trường đã cử GV tham dự Hội thảo khoa học về Quản lý kỹ thuật Công nghiệp Châu Á Thái Bình Dương lần thứ 16 từ ngày 08/12 đến ngày 11/12/2015 tại Tp. Hồ Chí Minh [H8.8.3.12].

2. Điểm mạnh

Đã có nhiều CBGV và SV nhận được học bổng từ các trường đại học có quan hệ hợp tác; đã có nhiều chương trình hợp tác trao đổi GV và SV, chương trình giao lưu văn hóa, chương trình tiếp nhận tình nguyện viên và Nhà trường cũng đã nhận được nhiều nguồn tài trợ từ các tổ chức nước ngoài trong giai đoạn này.

3. Tồn tại

Số lượng SV nước ngoài đang học tập còn ít, chưa như mong đợi, chưa thực hiện đầy đủ các MOU đã ký kết nhất là chưa tận dụng được cho đào tạo và NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2017-2020, Nhà trường sẽ thực hiện chương trình tiếp nhận SV nước ngoài đến học tập tự túc tiếng Việt và học chuyên ngành tại Trường Đại học Lạc Hồng, đồng thời tìm các dự án hợp tác được tài trợ từ các tổ chức nước ngoài, thực hiện cơ bản các MOU đã ký kết.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) có hiệu quả thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học (NCKH), phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Trường Đại học Lạc Hồng rất quan tâm đến công tác NCKH. Trong giai đoạn 2011-2016 Nhà trường luôn cố gắng phát huy thế mạnh trong lĩnh vực hợp tác với các tổ chức quốc tế và ĐH nước ngoài nhằm nâng cao năng lực NCKH của GV và chất lượng đào tạo SV. Nhà trường có các quy định về định mức NCKH cho GV; Có chính sách hỗ trợ và khen thưởng các GV đăng bài báo trên tạp chí quốc tế đặc biệt là chính sách hỗ trợ kinh phí và khen thưởng cho các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học ISI [H8.8.3.1].

Hiện nay, hoạt động NCKH của Trường chủ yếu là tham dự các hội nghị và hoạt động hội thảo khoa học, gửi các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học nước ngoài.

Trong năm 2014 và 2015 Nhà trường đã được GS Andrew Knoy (Đại học Giao thông Đài Loan) sang tình nguyện giảng dạy các khóa học hướng dẫn viết bài báo khoa học quốc tế cho GV và SV. Sau các khóa học này số lượng các bài báo khoa học của GV đã tăng lên rất nhiều [H8.8.3.2].

Từ năm 2012-2016, hoạt động NCKH mang lại cho Nhà trường những thay đổi tích cực như số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế của GV tự đứng tên tăng mạnh gồm có 68 bài báo [H8.8.3.3]. Đặc biệt hoạt động HTQT trong NCKH đã có những thành tựu bước đầu với 51 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế giữa GV của Nhà trường với GV nước ngoài [H8.8.3.4]. Ngoài ra, cán bộ, GV của Trường cũng đã có 20 bài báo cáo được đăng trên Kỷ yếu của các hội thảo khoa học quốc tế [H8.8.3.5].

Giai đoạn 2012-2016, Nhà trường đã đẩy mạnh việc áp dụng kết quả NCKH vào thực tiễn. Đó là việc Trường phối hợp với các công ty có vốn đầu tư

nước ngoài CGCN hoặc nghiên cứu ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất theo yêu cầu của đối tác nước ngoài. Điển hình là các đề tài NCKH CGCN giữa Trường ĐH Lạc Hồng với công ty Nectokin Electronics Viet Nam và công ty Lixil Global Manufacturing với tổng số tiền trị giá hơn 1,2 tỷ đồng [H8.8.3.6].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều NCKH công bố chung với đối tác quốc tế. Trường có chính sách khuyến khích cán bộ/GV học tập nước ngoài tạo nhiều cơ hội thực hiện các NCKH với đối tác nước ngoài.

3. Những tồn tại

HTQT về NCKH của Nhà trường chỉ mới tập trung ở một số lĩnh vực nhất định chưa mở rộng ra các ngành kinh tế và xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017-2020, Nhà trường sẽ thực hiện việc đẩy mạnh HTQT NCKH trong các ngành kinh tế và xã hội, đồng thời tăng cường tìm các nguồn kinh phí để mở rộng lĩnh vực nghiên cứu, đẩy mạnh việc phối hợp thực hiện các dự án NCKH với đối tác và chuyên gia nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận Tiêu chuẩn 8

Hoạt động HTQT của Nhà trường trong thời gian qua đã có những thành quả đáng khích lệ. Đó là đã có mối quan hệ hợp tác với nhiều trường ĐH ở các quốc gia và lãnh thổ khác nhau, với kết quả là có nhiều chương trình hợp tác đã triển khai có hiệu quả như các chương trình cấp học bổng cho GV và SV; Chương trình thực tập ngắn hạn thực hành tiếng cho SV; Chương trình trao đổi SV giao lưu văn hóa và chương trình thực tập tại nước ngoài. Ngoài ra, việc hợp tác với các ĐH và các tổ chức quốc tế đã đạt được một số thành công: Đó là các bài báo khoa học quốc tế đã tăng mạnh trong các năm gần đây. Các hoạt động HTQT của Trường ĐH Lạc Hồng trong thời gian qua đã luôn chấp hành đầy đủ các yêu cầu và quy định của Nhà nước.

Hạn chế về hoạt động HTQT của Trường ĐH Lạc Hồng là chỉ mới triển khai được một số lĩnh vực, chưa phát huy được hết thế mạnh của Trường.

Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ nguồn thông tin tài liệu, trang thiết bị học tập, PTN/ xưởng thực hành và nhiều CSVC khác phục vụ cho công tác đào tạo. Quỹ đất của Trường đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng cơ bản và đủ chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng trên mỗi SV theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thư viện trường có nguồn tài liệu phong phú, đầy đủ các đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV. Thư viện có hệ thống phòng mượn, phòng đọc kết hợp với hệ thống máy tính thuận tiện để phục vụ tốt nhu cầu của bạn đọc, có phần mềm quản lý chuyên dụng đảm bảo tốt công tác quản lý thư viện.

Trang thiết bị học tập và các CSVC khác luôn được Nhà trường quan tâm đầu tư xây dựng. Hệ thống PTN, xưởng thực hành, phòng chức năng hiện đại đáp ứng nhu cầu của từng ngành đào tạo. Các trang thiết bị dạy và học hoạt động có hiệu quả và luôn được chú trọng đầu tư, tăng cường và được bảo dưỡng định kỳ.

Về việc ứng dụng CNTT, Nhà trường có các thiết bị thông tin được kết nối với Internet, có hệ thống mạng không dây. Hệ thống CNTT phục vụ công tác đào tạo và quản lý là một trong những thế mạnh của Trường, trong đó công tác quản lý đã được tin học hoá nhờ vào việc tự phát triển các phần mềm.

Ngoài ra, Nhà trường có đủ trang thiết bị và sân chơi cho các hoạt động giải trí, thể thao, ... của CB, GV và SV do Trường có Khu TĐTT riêng. Trường có ký túc xá phục vụ cho người học, có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, và có biện pháp đảm bảo tốt an ninh trường học.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Thư viện Trường Đại học Lạc Hồng trực thuộc Trung tâm Thông tin Tư liệu của trường. Thư viện có tổng diện tích 1000m². Thời gian vừa qua, thư viện đã được nâng cấp, hoàn thiện CSVC, có hệ thống mạng wifi, điều hòa nhiệt độ cho toàn thư viện. Tính đến tháng 4 năm 2017, thư viện gồm một phòng mượn, hai phòng đọc, hai phòng học nhóm, hệ thống bàn học với 190 chỗ ngồi và 60 máy tính phục vụ cho bạn đọc trong việc học tập, tra cứu, và truy cập Internet [H9.9.1.1].

Tài liệu của thư viện gồm sách tham khảo tiếng Việt, sách tham khảo ngoại văn chủ yếu là tiếng Anh, giáo trình, từ điển, báo cáo NCKH cấp trường, luận văn ThS, các bài giảng, giáo trình do trường biên soạn dạng file. Tính đến tháng 4 năm 2017, tài liệu là giáo trình, sách tham khảo gồm 8.290 tựa sách, tương đương 17.801 cuốn đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của CTĐT (các số liệu đã được công bố trong báo cáo ba công khai của trường) [H9.9.1.2], [H9.9.1.3].

Từ năm 2015, nhà trường đã mua quyền sử dụng nguồn tài liệu số của Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vina VDOC (<http://tailieu.vn>). Bạn đọc có thể truy cập và download tài liệu tại trang <http://thuvienso.lhu.edu.vn/> [H9.9.1.4].

Hàng năm Thư viện có bổ sung các loại tài liệu chủ yếu là giáo trình, sách tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh [H9.9.1.5]. Căn cứ theo chính sách bổ sung tài liệu mỗi năm học, thư viện tham khảo ý kiến của các khoa, cán bộ, GV dưới hình thức trao đổi trực tiếp hoặc trao đổi qua mạng nội bộ để lập danh mục sách, giáo trình và tài liệu tham khảo cần bổ sung phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong trường. Nhờ đó, nguồn tài liệu của thư viện luôn bám sát với chương trình giảng dạy, nội dung học tập và nghiên cứu. Theo khảo sát SV, GV các năm 2011-2016 thì trên 90 % trả lời đáp ứng đủ [H9.9.1.6].

Để giúp bạn đọc sử dụng tài nguyên của thư viện một cách hiệu quả, thư viện có quy định về việc mượn và trả tài liệu. Các thông báo và quy định của thư viện được thông báo rộng rãi đến toàn thể bạn đọc thông qua website của thư viện <https://tainguyen.lhu.edu.vn/318/30782/Quy-dinh-muon-tra-tai-lieu.html> và bảng nội quy đặt tại thư viện [H9.9.1.7].

Đội ngũ thư viện gồm có 4 người: 1 nhân viên phụ trách công tác chuyên môn nghiệp vụ thư viện; 2 nhân viên phụ trách công tác phục vụ bạn đọc và 1 nhân viên phụ trách công tác làm thẻ [H9.9.1.8]. Thư viện luôn có nhân viên thường trực để hỗ trợ cán bộ, GV và người học trong việc khai thác tài nguyên sao cho có hiệu quả. Bên cạnh đó, thư viện cũng sắp xếp phục vụ ngoài giờ để đáp ứng nhu cầu của SV nhất là trong thời gian thi cử [H9.9.1.9]. Bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, đăng ký mượn, kiểm tra nợ sách và gia hạn thời gian mượn qua mạng tại website <https://lib.lhu.edu.vn/> [H9.9.1.10].

Từ năm 2004, thư viện đã được trang bị phần mềm quản lý thư viện, phục vụ công tác biên mục, quản lý tài liệu, công tác mượn trả và tra cứu tài liệu qua hệ thống máy tính nội mạng. Đến năm 2010, phần mềm quản lý thư viện được nâng cấp với nhiều tính năng ưu việt hơn, thuận tiện hơn cho cả nhân viên thư viện và bạn đọc [H9.9.1.11].

Với mục tiêu ĐBCL toàn diện và không ngừng cải tiến, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc đối với chất lượng phục vụ của thư viện, đồng thời tiếp thu ý kiến phản hồi của bạn đọc để đổi mới hoạt động về công tác phục vụ, về vốn tài liệu và các trang thiết bị tại thư viện. Theo kết quả khảo sát 5 năm gần đây (2011-2016), thì trên 90% đánh giá là hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H9.9.1.12].

Với việc ứng dụng phần mềm quản lý, thư viện đã thống kê được số lượng bạn đọc mượn trả tài liệu hàng năm và loại tài liệu được mượn nhiều nhất [H9.9.1.13].

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài để đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV, SV và học viên trong trường.

Nhờ ứng dụng CNTT một cách toàn diện giúp cho nhân viên thư viện thuận tiện hơn trong công việc chuyên môn, công tác quản lý và phục vụ bạn đọc. Việc tiếp cận của bạn đọc đối với vốn tài liệu của thư viện cũng dễ dàng và thân thiện hơn. Qua đó, hiệu quả hoạt động của thư viện được nâng cao.

3. Tồn tại:

Thư viện chưa tổ chức được các buổi giới thiệu sách tới bạn đọc.

Loại tài liệu phục vụ nhu cầu giải trí của bạn đọc còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2017-2018, nhà trường có kế hoạch tổ chức các buổi giới thiệu, triển lãm sách hay, sách theo chuyên đề đến với bạn đọc. Đồng thời tiếp tục bổ sung loại tài liệu phục vụ nhu cầu giải trí của bạn đọc.

Nghiên cứu xây dựng những tính năng mới về CNTT giúp cho công tác giới thiệu sách của thư viện hiệu quả hơn và giúp cho bạn đọc tiếp cận vốn tài liệu của thư viện đầy đủ nhất.

Chia sẻ nguồn tài liệu với các đơn vị bạn nhằm tăng cường nguồn tài nguyên cho thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội, cũng như nhu cầu của người học, Nhà trường đã huy động nhiều nguồn lực để xây dựng một hệ thống CSVC vững mạnh, đủ sức đáp ứng những hoạt động đào tạo của Trường.

Hiện nay, Trường đang có tổng quỹ đất là 172.952,40m² và diện tích sàn xây dựng 42.655,29m² [H9.9.2.1].

Trường có 122 phòng học, trong đó có 20 giảng đường lớn và 02 hội trường lớn.

Toàn trường có 65 PTN, thực hành: Khoa Cơ điện – Điện tử có 15 phòng, Khoa Hóa – Môi Trường có 11 phòng, Khoa Dược có 15 phòng, Khoa Kỹ thuật công trình có 02 phòng, Khoa CNTT có 03 phòng, Khoa Ngôn ngữ Anh có 01 phòng, Khoa Đông phương có 01 phòng, Phòng thực hành chung cho tất cả các ngành có 17 phòng [H9.9.2.2].

Với quy mô như trên, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đủ để thực

hiện các giờ thực hành và thí nghiệm theo nhu cầu của các ngành đào tạo.

Để định hướng phát triển bền vững, Trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020 [H9.9.2.3]. Đây chính là cơ sở để Nhà trường đầu tư, xây dựng phòng học, nhà xưởng, trang thiết bị, ... nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH.

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát CB, GV và SV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường. Sau khi có kết quả khảo sát, Trường xem xét và yêu cầu các đơn vị đưa ra các biện pháp khắc phục và cải tiến [H9.9.2.4].

2. Điểm mạnh

Số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu dạy, học và NCKH.

3. Tồn tại

Nội thất của một số phòng học ở cơ sở 3 chưa được hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tiến hành nâng cấp nội thất cho những phòng học ở cơ sở 3.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường căn cứ vào Bảng dự trù kinh phí của các đơn vị trong Trường đã tích cực đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý [H9.9.3.1].

Tại các các hội trường, giảng đường, các phòng học và một số phòng thực hành, thí nghiệm đều được trang bị hệ thống âm thanh và máy chiếu. Tính đến 30/6/2016, toàn trường có 165 máy chiếu [H9.9.3.2]. Ngoài ra, tại một số hội trường, giảng đường, phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm còn được trang

bị hệ thống máy lạnh [H9.9.3.3]. Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.9.3.4].

Nhằm đảm bảo tốt cho công tác dạy và học, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng Quản trị thiết bị và Phòng CTSV kiểm tra và giám sát trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học vào đầu giờ học và xử lý kịp thời nếu có xảy ra sự cố hư hỏng trang thiết bị. Ngoài ra, để sử dụng các trang thiết bị một cách hiệu quả, các thiết bị đều có bảng hướng dẫn sử dụng [H9.9.3.5].

Trong quá trình sử dụng, có thiết bị nào bị hư hỏng, chuyên viên phụ trách kỹ thuật của đơn vị có thể yêu cầu được sửa chữa bằng cách điền thông tin vào giấy đề nghị sửa chữa thiết bị, có xác nhận của lãnh đạo đơn vị và gửi đến Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư. Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư kết hợp với Phòng Quản trị thiết bị tiến hành kiểm tra và sửa chữa theo quy trình bảo trì, sửa chữa của trường [H9.9.3.6].

Trường cũng tiến hành khảo sát về sự hài lòng của GV, chuyên viên phụ trách PTN, thực hành và SV về số lượng cũng như chất lượng của các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của Trường [H9.9.3.7].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị những thiết bị cần thiết theo yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư phối hợp các đơn vị trong trường mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo tại Trường theo đúng kế hoạch.

Các đơn vị sử dụng trang thiết bị đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

3. Tồn tại

Các trang thiết bị có tính đa dạng về thông số kỹ thuật nên vẫn còn một ít sự cố, hư hỏng về trang thiết bị chưa được giải quyết kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2017-2018, Trường sẽ tuyển dụng thêm chuyên viên kỹ thuật cho một số đơn vị để công tác bảo trì và sửa chữa các trang thiết bị được xử lý kịp thời phục vụ cho công tác đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Ứng dụng CNTT là một trong các yếu tố quan trọng để đem lại hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và quản lý của Nhà trường. Nhà trường trang bị hệ thống mạng theo chuẩn của Cisco để đảm bảo kết nối luôn cao và ổn định cho hệ thống Server và Website Trường. Ngoài ra, trường sử dụng hệ thống tường lửa phần cứng lọc và kiểm định gói tin (Cisco ASA 5520) giúp an toàn hệ thống mạng máy tính toàn trường và cài đặt phần mềm diệt vi rút (KasperSky Server) kiểm soát ra vào hệ thống vào Server [H9.9.4.1].

Tính đến tháng 6/2016, toàn trường đã có 1.560 bộ máy tính các loại. Trong đó, máy tính trang bị cho người học là 1.181 bộ, máy tính trang bị cho cán bộ, GV là 390 bộ, trung bình cho mỗi GV là 01 bộ [H9.9.4.2]. Tất cả máy tính ở các phòng, ban, khoa, trung tâm đều được nối mạng và kết nối với Internet, qua đường truyền bao gồm Leased Line trên 200 Mbps và 8 đường FTTH 90Mbps [H9.9.4.3].

Ngoài hệ thống mạng hữu tuyến, Nhà trường còn có hệ thống mạng không dây được phủ sóng tất cả các cơ sở và ký túc xá. Cán bộ, GV và người học được sử dụng wifi miễn phí bằng việc đăng nhập hệ thống thông qua Icloud Meraki Cisco.

Một trong những thế mạnh trong việc ứng dụng CNTT của trường là Nhà trường đã tin học hóa gần như toàn bộ công tác quản lý thông qua việc tự phát triển các phần mềm như quản lý đào tạo, quản lý học phí, quản lý thư viện, quản lý điểm, quản lý hồ sơ, quản lý thẻ SV, quản lý công văn, xếp lịch học, hệ thống hỗ trợ đào tạo theo học chế tín chỉ, ... [H9.9.4.4]. Ngoài ra, Nhà trường đã mua phần mềm chuyên dụng Misa để hỗ trợ cho công việc của Phòng Tài chính [H9.9.4.5].

Nhà trường đã cấp cho tất cả CBGV một tài khoản email mang tên miền của trường (@lhu.edu.vn) để thuận tiện cho việc trao đổi và cung cấp thông tin. Ngoài ra, Nhà trường còn cung cấp thông tin đến CBGV và người học qua trang

<https://me.lhu.edu.vn>. Đối với SV, Nhà trường cung cấp các tài khoản bao gồm Mã SV và Password. SV có thể xem lịch thi, thông tin học vụ tại <https://me.lhu.edu.vn>, đăng ký môn học trực tuyến qua trang <https://calen.lhu.edu.vn/LichSinhVien>, xem điểm trên trang <https://mark.lhu.edu.vn>, ... [H9.9.4.6]. Điều này đã mang lại hiệu quả và thuận lợi trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập và NCKH. Ngoài website chính (<https://lhu.edu.vn>) của Trường, các đơn vị đào tạo trong trường đều có website riêng để quảng bá và cung cấp thông tin của đơn vị mình [H9.9.4.7].

Nhà trường thường xuyên nâng cấp hệ thống hạ tầng và máy tính để đáp ứng nhu cầu quản lý, dạy, học và nghiên cứu trong trường [H9.9.4.8]. Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV và SV về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng của các thiết bị tin học phục vụ hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý của trường nhằm cải tiến và trang bị thêm. Theo số liệu khảo sát những năm gần đây (2011-2016), thì trên 90% đánh giá là hài lòng về mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học [H9.9.4.9].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã hoàn thiện các phần mềm, có nhiều tiện ích về CNTT đã đáp ứng được các yêu cầu về quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong trường. Hệ thống các phần mềm phục vụ đào tạo và quản lý là một trong những điểm mạnh nhất của Trường.

- Trường có đầy đủ máy tính và các thiết bị tin học khác để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý. Tất cả các máy tính trong trường được kết nối mạng nội bộ và internet.

- Hệ thống mạng được duy trì ổn định và bảo mật, có bộ phận IT chuyên trách theo dõi và bảo trì.

3. Tồn tại

- Hệ thống mạng không dây chỉ mới được trang bị trọng tâm ở một số địa điểm trong trường như phòng họp, giảng đường lớn, ký túc xá.

- Vẫn còn một số quy trình trong trường chưa áp dụng CNTT như: phần mềm quản lý đưa đón GV, phần mềm quản lý công cụ mượn trả PTN.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2017 - 2018, Nhà trường sẽ lắp thêm mạng không dây ở một số khu vực khác như phòng tự học của SV.

Đồng thời sẽ giao cho Phòng Đào tạo phối hợp với Trung tâm Thông tin Tư liệu tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện các phần mềm phục vụ hiệu quả công tác đào tạo và quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Trường có tổng diện tích đất là 17,3 ha [H9.9.2.1]. Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo của Trường Đại học Lạc Hồng xét tại thời điểm năm học 2015 – 2016 là: 18.598,5m² [H9.9.5.1], với số lượng 6.862 SV hiện nay, bình quân diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo trên SV là 2,71m²/sv. Lớp học bao gồm nhiều loại với diện tích khác nhau và giảng đường lớn phù hợp với môn học và chuyên ngành đào tạo.

Trường có 1 ký túc xá với diện tích 4.543m² ở tại địa chỉ: Khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quy mô của ký túc xá hiện tại đáp ứng tối đa 720 chỗ ở, các phòng ở được trang bị các thiết bị cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt và học tập của SV [H9.9.5.2]. Ký túc xá của Trường được trang bị hệ thống Wifi, có nhà ăn và khu tự học phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt và học tập của SV [H9.9.5.3]. Do diện tích đất của Trường để xây dựng ký túc xá là có hạn, không thể cung cấp chỗ ở cho tất cả SV có nhu cầu ở nội trú nên Trường đã xem xét những trường hợp ưu tiên vào ở ký túc xá theo thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ GD&ĐT và quy định của Ban quản lý ký túc xá về các tiêu chuẩn ưu tiên để xét cho SV được ở trong ký túc xá [H9.9.5.4]. Ký túc xá của trường cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu chỗ ở cho SV [H9.9.5.5]

Khu TĐTT của Trường để phục vụ cho nhu cầu học tập các môn giáo dục thể chất, hoạt động thể thao có diện tích hơn 9.000 m² gồm có sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân bóng đá cỏ nhân tạo. Các hoạt động ngoại khóa khác như: Hội thi văn nghệ, các sinh hoạt của Đoàn, Hội SV, ... tổ chức ở hai hội trường lớn của Trường được trang bị thiết bị âm thanh, máy chiếu, máy lạnh... phục vụ tốt cho các hoạt động ngoại khóa[H9.9.5.6].

Hằng năm, Trường tổ chức tiến hành khảo sát SV ở nội trú về điều kiện sinh hoạt và học tập của ký túc xá để Nhà trường có hướng chỉ đạo và khắc phục kịp thời [H9.9.5.7].

2. Điểm mạnh

Phòng học lý thuyết và thực hành của trường có đủ diện tích để phục vụ cho việc dạy và học.

Ký túc xá có nhà ăn, khu tự học và được trang bị hệ thống internet để phục vụ cho SV nội trú.

3. Tồn tại

Ký túc xá chưa đáp ứng được chỗ ở cho tất cả SV có nhu cầu ở nội trú.

4. Kế hoạch hành động:

Giai đoạn 2017-2020, Nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng Ký túc xá ở khu đất có diện tích 19.163,6m² được UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Trường ở tại địa chỉ: khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Trường có 91 phòng làm việc phục vụ cho 34 đơn vị, gồm có 04 phòng làm việc cho BGH, 02 phòng họp, 82 phòng làm việc cho các phòng ban, trung tâm, khoa và 03 phòng các tổ chức đoàn thể Đảng ủy, Công đoàn và Đoàn thanh niên – Hội SV, với tổng diện tích 4.662,32m² [H9.9.6.1]. Tính đến 31/12/2016, Trường có tổng số CB, GV và NV là 570 người [H9.9.6.2], bình quân diện tích phòng làm việc tính trên đầu người là khoảng 8,17m²/người. Tất cả các phòng

làm việc đều được trang bị đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu làm việc như máy điều hoà, máy vi tính, máy in, máy scan, bàn làm việc và các thiết bị văn phòng khác [H9.9.6.3]. Bên cạnh đó, các GV cũng có thể sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm để phục vụ cho công việc chuyên môn. Ngoài ra, Nhà trường bố trí các phòng làm việc riêng với đầy đủ trang thiết bị phục vụ công việc cho CB, GV có học hàm GS và PGS.

Do Nhà trường có nhiều cơ sở phân bố ở nhiều địa điểm nên diện tích các phòng làm việc chưa được bố trí đồng đều.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ phòng làm việc cho các khoa, phòng ban, trung tâm.

Phòng làm việc được trang bị đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu công việc.

3. Tồn tại

Diện tích của một số phòng làm việc còn chưa đáp ứng được tiêu chuẩn.

4. Kế hoạch hành động

Trong các năm học sắp đến, Trường sẽ triển khai đầu tư xây dựng thêm phòng làm việc theo đúng tiêu chuẩn để đáp ứng được với số lượng CB, GV và NV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Trường Đại học Lạc Hồng có tổng diện tích gần 17,3ha đất [H9.9.2.1], trong đó Trường được UBND tỉnh Đồng Nai hỗ trợ gần 13,78ha đất [H9.9.7.1].

Trường có 7 cơ sở nằm trong thành phố Biên Hòa và một số cơ sở ở các huyện trong tỉnh Đồng Nai như: Cơ sở Dầu Giây ở huyện Thống Nhất, Cơ sở Long Khánh ở huyện Long Khánh. Quy mô đào tạo SV chính quy của Trường năm học 2015 – 2016 là 6.862 SV. Với tổng diện tích đất của Trường gần 17,3ha chưa đáp ứng được diện tích đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN

3981-85 [H9.9.7.2]. Trường có diện tích trực tiếp phục vụ cho đào tạo là 18.598,5m² [H9.9.5.1], bình quân diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo trên đầu SV là 2,71m²/sv cao hơn tiêu chuẩn của thông tư 57/2011/TT-BGDĐT.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng và sử dụng hợp lý với quỹ đất hiện có.

3. Tồn tại

Quỹ đất của Trường chưa đáp ứng được diện tích đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85.

4. Kế hoạch hành động:

Trong những năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ tăng cường tích lũy kinh phí tái đầu tư để tăng thêm diện tích đất.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường.

1. Mô tả

Trường xây dựng tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC được triển khai qua các văn bản như Chiến lược phát triển Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020; KHCL phát triển giáo dục giai đoạn 2013-2015 và KHCL phát triển giáo dục giai đoạn 2013-2018 để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2013-2020 [H9.9.8.1]. Các văn bản KHCL phát triển giáo dục được triển khai quán triệt đến từng đơn vị.

Thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Lạc Hồng giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020, từ năm 2013 Nhà trường đã đầu tư xây dựng Trung tâm NCKH và Ứng dụng, ở phường Bửu Long với tổng kinh phí đầu tư hơn 50 tỷ đồng từ nguồn vốn của chủ đầu tư và được vào sử dụng vào năm học 2014-2015 [H9.9.8.2]

Hằng năm, các đơn vị trong Trường đều phải tiến hành lập dự trù kinh phí, trong đó có phần dành cho mua sắm, sửa chữa trang thiết bị. Tùy theo nguồn kinh phí và dựa vào nhu cầu của từng đơn vị, BGH sẽ phê duyệt dự trù và tiến

hành mua sắm trong năm học đó [H9.9.3.1] và thực hiện sửa chữa theo đúng quy trình của Trường [H9.9.3.6].

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch xây dựng CSVC và thay thế trang thiết bị được đầu tư ngày càng nhiều, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH tốt hơn.

3. Tồn tại

Quy hoạch tổng thể về CSVC của Trường chưa chủ động, vì còn phụ thuộc nhiều vào những yếu tố khác như nguồn kinh phí của các nhà đầu tư, quỹ đất rời rạc không tập trung.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện hiệu chỉnh lại quy hoạch tổng thể về CSVC cho phù hợp với sự phát triển của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.9. Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lí, GV, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Trường có đội ngũ bảo vệ được phân bổ ở các cơ sở và ký túc xá của Trường. Hiện nay lực lượng bảo vệ chuyên trách của Trường gồm 27 người, có nhiệm vụ bảo vệ tài sản, trật tự và nhắc nhở SV, NV chấp hành nội quy trong khuôn viên của Trường [H9.9.9.1]. Đội bảo vệ của Trường được phân công làm việc 24/24 giờ mỗi ngày kể cả ngày chủ nhật và ngày lễ [H9.9.9.2]. Lực lượng bảo vệ được trang bị đồng phục và các thiết bị hỗ trợ cho công tác bảo vệ. Đội ngũ bảo vệ được cập nhật thường xuyên tình hình, ANTT trên địa bàn nơi Trường có trụ sở. Các cơ sở của Trường đều được xây dựng hàng rào và các hành lang, phòng làm việc, phòng học đều được trang bị các bình chữa cháy xách tay, bảng hướng dẫn thoát hiểm, số điện thoại gọi khẩn cấp của bảo vệ [H9.9.9.3]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các bảng nội quy học đường, nội quy của phòng thực hành, thí nghiệm và các bảng nội quy, tiêu lệnh PCCC [H9.9.9.4].

Nhà trường tiến hành thành lập đội PCCC cơ sở [H9.9.9.5] và định kỳ hằng

năm, Trường phối hợp với Công an PCCC tỉnh Đồng Nai tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn PCCC cho toàn trường và tổ chức lớp tuyên truyền về PCCC cho SV [H9.9.9.6].

Năm 2015, Nhà trường xây dựng lại phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho các cơ sở của Trường theo thông tư số 65/2013/TT-BCA và thông tư số 66/2014/TT-BCA [H9.9.9.7].

Sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường với Công an tỉnh Đồng Nai (phòng PA83, PV28; Công an thành phố Biên Hòa, Công an Phường) được thực hiện tốt. Các ngày lễ lớn đều có tăng cường lực lượng bảo vệ, phân công lãnh đạo trực chỉ huy, sẵn sàng giải quyết mọi tình huống [H9.9.9.8].

Trong 5 năm gần đây không có bất kỳ vụ việc nghiêm trọng nào có liên quan đến ANTT xảy ra trong khuôn viên của các cơ sở, các đơn vị trực thuộc Trường [H9.9.9.9].

2. Điểm mạnh

Tình hình bảo vệ tài sản, trật tự và an toàn cho CB, GV, NV và SV ở bên trong Trường luôn được đảm bảo, không có sự việc gì xảy ra nghiêm trọng.

Hằng năm, Trường tổ chức bồi dưỡng định kỳ công tác PCCC đến toàn thể NV và mở lớp tuyên truyền về PCCC cho SV.

3. Tồn tại

Đội ngũ bảo vệ chưa được đào tạo qua trường lớp chuyên nghiệp.

Trường chưa có lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy tự động cho tất cả các cơ sở.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2017-2018, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch:

Mở các lớp tập huấn chuyên môn cho đội ngũ bảo vệ chuyên trách theo định kỳ hằng năm.

Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho tất cả các cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận tiêu chuẩn 9

CSVC của Trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu học học tập và nghiên cứu cho

CB, GV và SV. Đặc biệt nguồn tài liệu số phục vụ tham khảo hiện nay của Trường tương đối tốt. Phần lớn các quy trình trong công tác quản lý của Trường đã được tin học hoá.

Trường có đủ phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, cung cấp đầy đủ thiết bị tin học: Máy tính có kết nối Internet để hỗ trợ các hoạt động dạy - học và công tác quản lý, điều hành. Có ký túc xá cho người học; có đội ngũ bảo vệ tốt để đảm bảo an ninh, trật tự.

Bên cạnh những mặt đạt được, thì quỹ đất của Trường có diện tích còn hạn chế chưa đạt được yêu cầu theo quy định của Tiêu chuẩn TCVN 3981-85

Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu

Trường Đại học Lạc Hồng có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, phù hợp với các quy định của Nhà nước; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lí, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Lạc Hồng tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển nhà trường, không có nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp.

Các nguồn tài chính của trường được xây dựng trên cơ sở hợp pháp, tất cả nguồn thu của trường đều sử dụng hóa đơn tài chính đã đăng ký với Cục Thuế Đồng Nai và được sử dụng cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường.

Nhà trường có kế hoạch phát triển các nguồn tài chính hợp pháp trung và dài hạn trong các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động trung và dài hạn [H10.10.1.1].

Tất cả việc thu chi đều được phản ánh đầy đủ, ghi chép vào sổ sách rõ ràng theo hệ thống tài khoản đúng quy định của Nhà nước với đặc thù của đơn vị. Định kỳ, Trường đã nộp các tờ khai quyết toán thuế TNCN [H10.10.1.2]; tờ khai quyết toán thuế TNDN [H10.10.1.3]; bộ báo cáo tài chính [H10.10.1.4] đến Cục Thuế Đồng Nai đúng quy định. Định kỳ, Cục thuế Đồng Nai đã kiểm tra, thanh tra tình hình kê khai và chấp hành pháp luật về thuế, Kiểm toán độc lập năm tài chính 2014 [H10.10.1.5]; Báo cáo thu – chi tổng hợp hàng năm [H10.10.1.6]; Báo cáo tổng kết công tác tài chính hàng năm [10.10.1.7]. Trường Đại học Lạc Hồng đã không vi phạm trong lĩnh vực tài chính.

Hàng năm, vào khoảng tháng 7, tháng 8, nhà trường thông báo các đơn vị lập dự trù kinh phí năm học mới của đơn vị trong các cuộc họp giao ban giữa lãnh đạo nhà trường và trưởng các đơn vị [H10.10.1.7]. Căn cứ vào tình hình thu chi tài chính, các hoạt động thực tế và các đề xuất của các đơn vị trong trường, Trường lập kế hoạch dự toán tài chính rõ ràng và sát thực tế. Kế hoạch tài chính hàng năm được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng ban hành [H10.10.1.8].

Các nguồn thu được Trường phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả nhằm đảm bảo kinh phí chi cho các hoạt động thường xuyên của trường, trong đó không ngừng nâng cao thu nhập cho CB-GV-NV nhà trường, tăng cường chi cho các hoạt động đào tạo và NCKH. Hàng năm, Nhà trường đã dành trên 5% doanh thu để chi cho các hoạt động NCKH [H10.10.1.9].

Các nguồn thu hợp pháp của trường ngày càng tăng nhằm đáp ứng các hoạt động của trường và phục vụ tái đầu tư phát triển thể hiện cụ thể qua số liệu bảng sau:

Bảng 10.1: Thống kê nguồn thu của trường trong 5 năm 2012-2016

Các năm học	2012- 2013 (2012)	2013- 2014 (2013)	2014- 2015 (2014)	2015- 2016 (2015)	2016- 2017 (2016)
Tổng thu	156.637	160.615	169.702	189.908	200.210

<i>(triệu đồng)</i>					
Tỷ lệ tăng trưởng (% so năm trước)	111,38	102,54	105,66	111,91	105,42

Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động NCKH, bồi dưỡng nâng cao trình độ của CB-GV-NV; các khoản thu nhập và phúc lợi của CBGVNV đều được đảm bảo và chi trả đúng hạn [H10.10.1.10].

Công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản luôn được nhà trường chú trọng nhằm phục vụ cho việc giảng dạy, học tập ... [H10.10.1.11].

2. Điểm mạnh

Trường đã chủ động trong hoạt động tài chính, kế hoạch tài chính luôn gắn với các kế hoạch chuyên môn trong toàn trường nên các hoạt động của trường rất nhịp nhàng, có lộ trình thích hợp đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

Nguồn tài chính của trường được sử dụng đúng mục đích. Các khoản thu chi được phản ánh một cách đầy đủ, chính xác, rõ ràng, minh bạch. Trường không vi phạm về quản lý tài chính.

3. Tồn tại

Các nguồn thu của trường chủ yếu là học phí của SV (SV) ở tất cả các hệ đào tạo. Nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN chưa đáng kể.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tăng nguồn thu hợp pháp phục vụ cho nhu cầu phát triển trường trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo qui định.

1. Mô tả

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng đã đáp ứng kịp thời với yêu cầu đào tạo, NCKH, các hoạt động chung của trường:

Kế hoạch tài chính hàng năm được Trường tính toán, cân đối chặt chẽ các nhiệm vụ chi trong năm một cách chính xác và sát thực tế, chủ động điều chỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Tháng 7 hàng năm, các đơn vị lập kế hoạch chi tiêu cho năm học mới. Tháng 8, Ban lãnh đạo nhà trường thông qua Hội đồng Quản trị họp duyệt kế hoạch chi tiêu của các đơn vị, sau đó các phòng chức năng có nhiệm vụ thực hiện đúng theo kế hoạch đã được duyệt [H10.10.2.1]. Trong khâu mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập và thí nghiệm, căn cứ theo dự trù được duyệt và các yêu cầu kỹ thuật về máy móc thiết bị của các phòng khoa, phòng Xây dựng & Cung ứng vật tư kết hợp phòng Tài chính làm hợp đồng với các nhà cung cấp để thực hiện mua sắm vật tư, thiết bị. Quy trình mua sắm trang thiết bị, vật tư được nêu rõ trong Quyết định 784/QĐ-ĐHLH ngày 20/12/2011 của Hiệu trưởng. Việc mua sắm được công khai như sau: Phòng Xây dựng & Cung ứng vật tư thực hiện việc mua bán theo yêu cầu, kế hoạch đã được duyệt đầu mỗi năm của các đơn vị về nhập kho của phòng Quản trị Thiết bị, sau đó phòng Quản trị Thiết bị lập phiếu xuất cho các đơn vị sử dụng, các đơn vị trực tiếp kiểm tra ký nhận hàng hóa và giá trị sử dụng từ phòng Quản trị Thiết bị.

Nhà trường rất chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, việc trang bị máy móc thiết bị, phòng máy thực hành, linh kiện các PTN được Nhà trường quan tâm hàng đầu: thường xuyên kiểm tra, tu bổ CSVC; mua sắm trang thiết bị ngày càng hiện đại (Phòng học Anh văn, Phòng Thư viện, PTN, thực hành, xưởng trường...) [H10.10.2.2]. Ngoài ra, Trường đảm bảo chi đúng và đủ các khoản thuộc quyền lợi của CBGVNV, GV thỉnh giảng và SV theo chế độ qui định như: quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương như bảo hiểm y tế, BHXH, BH thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho CBGVNV theo Thỏa ước lao động hàng năm, Hợp đồng lao động của CBGVNV, Luật BHXH năm 2014; chi trả tiền giảng dạy cho GV; chi trả học bổng và trợ cấp cho SV căn cứ vào tình hình tài chính của trường, kết quả học tập của SV, số lượng SV cần hỗ trợ làm cơ sở cho Hiệu trưởng ra Quyết định hỗ trợ, khen thưởng hàng năm [H10.10.2.3]; thực hiện các chế độ chính sách nhà nước qui định đối với SV

thông qua việc phối hợp với Phòng CTSV để hướng dẫn cho SV làm thủ tục nhận trợ cấp theo quy định của Nhà nước (*Đính kèm Bảng Hướng dẫn của Phòng CTSV*) [H10.10.2.4], việc chi trả cho SV do địa phương chịu trách nhiệm.

Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa với sự hỗ trợ của các phần mềm phục vụ cho công tác kế toán, quản lý lương, quản lý nguồn thu học phí ... đã giúp Nhà trường quản lý tốt công tác tài chính, cụ thể SV nợ học phí trong nhiều học kỳ vẫn được phần mềm giám sát và tiến hành truy thu nên đảm bảo nguồn thu không bị thất thoát. Hơn nữa, phần mềm quản lý thu học phí được đồng bộ hóa với phần mềm quản lý SV nên việc cập nhật nợ học phí rất chính xác. Phụ huynh, SV, các khoa quản lý có thể biết lịch sử đóng học phí của từng SV (nếu cần kiểm tra) để kịp thời xử lý thông tin. Các phần mềm hiện đang sử dụng trong công tác quản lý tài chính là phần mềm kế toán MISA – SME, phần mềm lương, phần mềm Quản lý thu ngân – thu học phí của SV, học viên do Trung tâm Thông tin tư liệu viết [H10.10.2.5].

Các khoản thu, chi đều được phản ánh chi tiết trên phần mềm kế toán MISA và được hạch toán kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ. Bộ báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng cân đối các tài khoản, Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo chế độ kế toán theo Quyết định 48/2006 Bộ Tài chính cũng như được đưa vào báo cáo 3 công khai theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, tại địa chỉ <http://www.lhu.edu.vn> [H10.10.2.6]. Ngoài ra công tác quản lý tài chính hàng năm còn được kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên bởi Ban kiểm tra tài chính của Trường thể hiện qua Quyết định thành lập Ban kiểm tra tài chính, và biên bản làm việc khi tiến hành kiểm tra tài chính [H10.10.2.7], Ban kiểm tra thanh tra quyết toán thuế hàng năm của Cục Thuế Đồng Nai thể hiện qua công văn làm việc và biên bản làm việc của Cục Thuế Đồng Nai [H10.10.2.8].

Ngoài ra, để việc kiểm tra chính xác tính minh bạch của công tác kế toán tài chính, nhà trường đã tiến hành kiểm toán độc lập năm 2014 qua hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Biên Hòa [H10.10.2.9].

2. Điểm mạnh

Hoạt động tài chính của Trường luôn tuân thủ đúng Quy định của Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế, các Quy chế của nhà trường.

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách có hệ thống, đầy đủ, sát với yêu cầu thực tiễn.

Công tác quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai, minh bạch và đúng quy định.

2. Tồn tại

Kế hoạch tài chính chung của trường dựa trên kế hoạch tài chính của từng đơn vị, mặc dù việc phân bổ kinh phí đều được tính toán, đưa ra kế hoạch cụ thể nhưng còn những hạng mục chi không nằm trong kế hoạch.

3. Kế hoạch hành động

Chú trọng hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính để đảm bảo khai thác tốt nguồn thu, góp phần đảm bảo công tác chi thường xuyên và tăng thu nhập cho CBGVNV.

Phân bổ nguồn tài chính hợp lý, trong đó dành một phần tài chính dự phòng nhất định để chủ động hơn nữa trong việc thực hiện một số khoản chi phát sinh không nằm trong kế hoạch.

4. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường Đại học.

1. Mô tả

Việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định và có hiệu quả luôn được Trường thực hiện nghiêm túc. Trường quản lý chi tiêu kinh phí theo các văn bản quy định về chế độ, định mức như: Chế độ công tác phí, định mức giờ giảng ... [H10.10.3.1].

Sự phân bổ, sử dụng tài chính một cách hợp lý còn được thể hiện qua việc đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, làm việc. Các cơ sở giảng dạy đều được nâng cấp, sửa chữa khang trang, sạch đẹp [H10.10.3.2].

Thực tế Trường đã ưu tiên nguồn tài chính cho việc nâng cao chất lượng giáo dục. Từ năm 2012 đến năm 2016, việc chi cho đào tạo, hoạt động NCKH,

chi con người... vẫn duy trì với tỉ lệ cao [H10.10.3.3]. Điều đó thể hiện cụ thể qua số liệu thống kê trong 5 năm từ 2012 đến 2016.

**Bảng 10.2: Thống kê tổng chi đào tạo, NCKH, con người ...
trong 5 năm 2012-2016**

Các năm học	2012-2013 <i>(2012)</i>	2013-2014 <i>(2013)</i>	2014 – 2015 <i>(2014)</i>	2015 – 2016 <i>(2015)</i>	2016 – 2017 <i>(2016)</i>
Tổng thu <i>(triệu đồng)</i>	156.637	160.615	169.702	189.908	200.210
1.Chi đào tạo <i>(triệu đồng)</i>	38.883	36.118	33.544	42.990	41.400
<i>% chi đào tạo so với D.thu</i>	24,82	22,49	19,94	22,64	20,68
2.Chi hoạt động NCKH, <i>(triệu đồng)</i>	6.448	8.633	13.983	19.418	17.650
Các năm học	2012-2013 <i>(2012)</i>	2013-2014 <i>(2013)</i>	2014 – 2015 <i>(2014)</i>	2015 – 2016 <i>(2015)</i>	2016 – 2017 <i>(2016)</i>
<i>% chi NCKH so với D.thu</i>	4,12	5,38	8,24	10,23	8,82
3.Chi con người (tiền công, tiền lương cơ hữu) <i>(triệu đồng)</i>	52.433	55.480	61.096	65.081	69.485
<i>% chi con người so với tổng thu</i>	33,47	34,54	36,00	34,27	34,71
4.Chi cơ sở vật chất, máy	48.028	44.124	57.016	15.400	29.670

móc thiết bị (triệu đồng)					
% chi cơ sở vật chất, máy móc TB so với tổng thu	30,66	27,47	33,60	8,11	14,82

Tính minh bạch trong hoạt động tài chính của trường còn thể hiện qua việc thực hiện các khoản chi phí của các đơn vị trong trường đều có hóa đơn chứng từ hợp lệ. Công khai việc mua sắm: Trong khâu mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập và thí nghiệm, căn cứ theo dự trù được duyệt và các yêu cầu kỹ thuật về máy móc thiết bị của các đơn vị, Phòng Xây dựng & Cung ứng vật tư kết hợp Phòng Tài chính làm hợp đồng với các nhà cung cấp thực hiện. Các trang thiết bị, hàng hóa được nhập kho của phòng Quản trị Thiết bị, sau đó phòng Quản trị Thiết bị lập phiếu xuất cho các đơn vị sử dụng, các đơn vị trực tiếp kiểm tra ký nhận hàng hóa và giá trị sử dụng từ phòng Quản trị Thiết bị. Kế hoạch được duyệt của từng năm được các đơn vị giám sát chặt chẽ theo đúng lộ trình đảm bảo phân bổ, sử dụng hiệu quả cho các đơn vị. Việc chi trả thu nhập cho CBGVNV cơ hữu, GV thỉnh giảng và SV được thực hiện trực tiếp công khai đến từng đối tượng [H10.10.3.4].

Việc phân bổ kinh phí đã được thực hiện theo đúng quy định, phù hợp với qui hoạch tổng thể và theo đúng qui định nhằm phục vụ cho chiến lược phát triển của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc phân bổ tài chính hàng năm cho các hoạt động được sử dụng hợp lý và có hiệu quả, sát với yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chung của trường, nhiệm vụ trọng tâm của năm học, đồng thời góp phần nâng cao đời sống của CBGVNV, đổi mới trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập của SV.

3. Tồn tại

Việc phân bổ kinh phí hàng năm đều được tính toán cho từng nhiệm vụ cụ thể nhưng vẫn còn một số nhiệm vụ chưa thực hiện được do có đơn vị triển khai chậm, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường công tác kế hoạch, tích cực tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn tồn đọng. Các phòng chức năng theo dõi và thống kê nhằm cập nhật và báo cáo kịp thời tiến độ thực hiện tài chính theo các nội dung cụ thể, nhắc nhở các đơn vị về tiến độ triển khai công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác tài chính và quản lý tài chính đều thực hiện một cách có hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước, của Hội đồng Quản trị. Nhà trường đã tự cân đối thu- chi bằng những nguồn lực của chính mình là chủ yếu, đáp ứng các hoạt động theo đúng mục tiêu đào tạo của một trường Đại học.

Nhà trường đã có những kế hoạch dự toán tài chính hàng năm phù hợp với yêu cầu đào tạo và các hoạt động khác, thống nhất trong lãnh đạo và các bộ phận khoa, phòng, được cân đối chính xác, sát thực tiễn, điều chỉnh kịp thời để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh cũng như tái đầu tư phát triển và chăm lo cải thiện đời sống nhân viên, giáo viên.

Hoạt động tài chính đều được công khai dân chủ và minh bạch theo quy định, được quản lý tập trung có kiểm tra giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát tài chính của Hội đồng Quản trị Nhà trường; có chú ý đến tính hiệu quả, tính hợp lý cho các bộ phận, các hoạt động trong nhà trường

Trong những năm tới, nhà trường sẽ cố gắng khắc phục các tồn tại trên đồng thời phát huy tiềm năng và ưu điểm sẵn có để hoàn thiện hơn nữa công tác tài chính và quản lý tài chính mang lại tính hiệu quả cho các hoạt động để phát triển nhà trường theo đúng tầm vóc của một trường Đại học trong thời đại mới phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Phần 4. Kết luận

Trường Đại học Lạc Hồng đã triển khai hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH ban hành kèm theo quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn khác một cách nghiêm túc với sự tham gia của tất cả các cán bộ đến từ các đơn vị trong trường. Hoạt động tự đánh giá giúp nhà trường xác định rõ những điểm mạnh cần phát huy, những tồn tại cần phải quan tâm khắc phục để ngày càng nâng cao chất lượng của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá của bản báo cáo này, Hội đồng tự đánh giá của Trường xếp mức ĐBCL giáo dục của Trường ở mức đạt (59/61 tiêu chí) đảm bảo phản ánh đúng thực tế chất lượng của nhà trường.

Phần 5. Phụ lục

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách kiểm định chất lượng Trường Đại học Lạc Hồng

Phụ lục 1a. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá ngày 29/4/2016

Phụ lục 1b. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá ngày 18/02/2017

Số: 125/QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Lạc Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ quyết định số 1801/QĐTTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học; m

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ văn bản số 277/ĐHLH ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng về việc ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng trong thời gian Hiệu trưởng chữa bệnh, dưỡng bệnh;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Lạc Hồng năm 2017 gồm 28 thành viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai hoạt động tự đánh giá trường đại học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc trường và các thành viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3

- Lưu: VT, P.KT&ĐBCL, (289).



T.S. Lâm Thành Kiên

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

(Kèm theo Quyết định số 125 ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Lâm Thành Hiến	Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Đào tạo	Chủ tịch HĐ
2	TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng - Phụ trách ĐBCL, Phó Chủ tịch công đoàn	Phó Chủ tịch HĐ
3	ThS. Nguyễn Thụy Mai Trâm	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký HĐ
4	Ô. Nguyễn Trùng Phương	Bí thư Đảng Ủy Trường	Ủy viên HĐ
5	NGƯT.TS. Nguyễn Thị Thu Lan	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên HĐ
6	TS. Diệp Cẩm Thu	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Thanh tra	Ủy viên HĐ
7	CN. Trần Minh Mẫn	Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	Ủy viên HĐ
8	CN. Trần Thị Mỹ Hương	Trưởng phòng Tài chính	Ủy viên HĐ
9	TS. Huỳnh Trung Tâm	Trưởng phòng Quan hệ quốc tế	Ủy viên HĐ
10	ThS. Nguyễn Hồ Xuân Hương	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên HĐ
11	ThS. Huỳnh Cao Tuấn	Giám đốc Trung tâm Thông tin tư liệu	Ủy viên HĐ
12	ThS. Châu Quang Trọng	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên HĐ
13	ThS. Lê Sơn Quang	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên HĐ
14	PGS.TS Trần Văn Lăng	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Ủy viên HĐ
15	TS. Huỳnh Đức Lộc	Trưởng khoa Tài chính – Kế toán	Ủy viên HĐ
16	TS. Nguyễn Văn Tân	Trưởng khoa Quản trị - Kinh tế Quốc tế	Ủy viên HĐ
17	TS. Lê Thu Thủy	Trưởng khoa Sau đại học	Ủy viên HĐ
18	PGS.TS Đào Xuân Lộc	Trưởng khoa Kỹ thuật công trình	Ủy viên HĐ
19	TS. Nguyễn Vũ Quỳnh	Trưởng khoa Cơ điện - Điện tử, Trưởng phòng NCKH	Ủy viên HĐ
20	TS. Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long	Trưởng khoa Kỹ thuật Hóa học và Môi trường	Ủy viên HĐ
21	ThS. Ngô Thị Xuân Liên	Trưởng khoa Ngôn ngữ Anh	Ủy viên HĐ
22	TS. Nguyễn Thị Ánh	Trưởng khoa Đông phương	Ủy viên HĐ
23	TS. Nguyễn Tài Chí	Trưởng khoa Dược	Ủy viên HĐ
24	ThS. Nguyễn Hoàng Huy	Giảng viên khoa Cơ điện – Điện tử	Ủy viên HĐ
25	ThS. Lưu Ngọc Liêm	Giảng viên khoa Quản trị - Kinh tế Quốc tế	Ủy viên HĐ
26	TS. Trần Dũng	Trưởng bộ phận QHDN&HTSV, Phòng Đào tạo	Ủy viên HĐ

27	CN. Lê Thị Hiếu	Trưởng ban quản lý Khu nội trú	Ủy viên HĐ
28	TS. Nguyễn Thanh Lâm	Phó Trưởng phòng NCKH	Ủy viên HĐ

Danh sách này có tất cả 28 thành viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Lâm Thành Kiên

Số: 136 / QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 19 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Lạc Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ quyết định số 1801/QĐTTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;

Căn cứ Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ văn bản số 277/ĐHLH ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng về việc ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng trong thời gian Hiệu trưởng chữa bệnh, dưỡng bệnh;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Lạc Hồng năm 2017 gồm 29 thành viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký có nhiệm vụ giúp Hội đồng tự đánh giá triển khai kế hoạch tự đánh giá Trường Đại học Lạc Hồng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban thư ký tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc trường và các thành viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu: VT, P.KT&ĐBCL, (289).



TS. Lâm Khánh Hiền

A. DANH SÁCH BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 136 ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Thụy Mai Trâm	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trưởng ban thư ký
2	TS. Hồ Viễn Phương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
3	ThS. Lư Ngọc Cương	Trưởng bộ phận quản lý học vụ và bộ môn cơ bản, Phòng Đào tạo	Thành viên
4	TS. Nguyễn Hoàng Xuân Anh	Trưởng bộ phận đào tạo kỹ năng mềm	Thành viên
5	ThS. Lê Thị Thoa	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thị Huyền Trang	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
7	CN. Hà Thị Hồng	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
8	CN. Nguyễn Kim Anh Vũ	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
9	CN. Đào Thanh Mai	Phó Trưởng phòng Hành chính-Tổ chức	Thành viên
10	KS. Lê Hữu Lộc	Nhân viên Phòng Hành chính-Tổ chức	Thành viên
11	KS. Đỗ Cao Bảo Ngọc	Nhân viên Phòng Hành chính-Tổ chức	Thành viên
12	CN. Lâm Lệ Nga	Nhân viên Phòng Hành chính-Tổ chức	Thành viên
13	CN. Lê Văn Hùng	Chánh Văn phòng – Văn phòng Hiệu trưởng	Thành viên
14	CN. Lê Thị Thu Hà	Phó Trưởng phòng Tài chính	Thành viên
15	CN. Lê Thị Kim Anh	Nhân viên phòng Tài chính	Thành viên
16	ThS. Đỗ Thị Thu	Chuyên viên Phòng Thanh tra	Thành viên
17	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Nhân viên Phòng Khảo thí & ĐBCL	Thành viên
18	ThS. Trịnh Nguyễn Thư Giang	Nhân viên Phòng Khảo thí & ĐBCL	Thành viên
19	KS. Trần Tiến	Phó Bí thư Đoàn – Chủ tịch Hội sinh viên	Thành viên
20	ThS. Vũ Văn Tuấn	Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
21	CN. Nguyễn Thị Khang	Nhân viên Phòng Công tác sinh viên	Thành viên
22	TS. Nguyễn Tam Sơn	Nhân viên Phòng Quan hệ quốc tế	Thành viên
23	ThS. Trần Thị Thiên Thanh	Phó trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng	Thành viên
24	CN. Vũ Thị Hiền	Nhân viên Trung tâm Thông tin tư liệu	Thành viên
25	CN. Âu Minh Hoàng	Nhân viên Phòng Quản trị thiết bị	Thành viên
26	ThS. Nguyễn Ngọc Phương Thanh	Nhân viên Khoa Sau đại học	Thành viên

27	TS. Nguyễn Thanh Lâm	Phó Trưởng Phòng NCKH	Thành viên
28	KS. Võ Ngọc Vinh	Nhân viên Phòng NCKH	Thành viên
29	TS. Trần Thanh Tuyên	Nhân viên Phòng NCKH	Thành viên

(Danh sách này có 29 thành viên)

B. DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1 (2TC)	TS. Lâm Thành Hiền	Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
	ThS. Nguyễn Thụy Mai Trâm	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
	CN. Lê Văn Hùng	Chánh Văn phòng – Văn phòng Hiệu trưởng	Thành viên
	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Nhân viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 2 (7TC)	CN. Trần Minh Mẫn	Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	Trưởng nhóm
	CN. Đào Thanh Mai	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	Thành viên
	ThS. Trịnh Nguyễn Thu Giang	Nhân viên Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
	ThS. Lê Sơn Quang (a)	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
	CN. Lâm Lệ Nga	Nhân viên Phòng Hành chính - Tổ chức	Thành viên
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 3 (6TC)	TS. Lâm Thành Hiền	Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
	TS. Nguyễn Hồ Xuân Anh	Trưởng bộ phận đào tạo kỹ năng mềm	Thành viên
	ThS. Lưu Ngọc Cương	Trưởng bộ phận quản lý học vụ và bộ môn cơ bản, Phòng Đào tạo	Thành viên
	ThS. Lê Thị Thoa	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
	CN. Nguyễn Kim Anh Vũ	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
	ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang (b)	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 4 (7TC)	TS. Lâm Thành Hiền	Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
	TS. Hồ Viễn Phương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
	TS. Nguyễn Hồ Xuân Anh	Trưởng bộ phận đào tạo kỹ năng mềm	Thành viên
	ThS. Trần Thị Thiên Thanh	Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
	TS. Trần Dũng (c)	Trưởng bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo	Thành viên
	CN. Hà Thị Hồng	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
	CN. Nguyễn Thị Huyền Trang (b)	Nhân viên Phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 5: Tiêu chuẩn 5 (8TC)	TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng - Phụ trách ĐBCL, Phó Chủ tịch công đoàn	Trưởng nhóm
	KS. Lê Hữu Lộc	Nhân viên Phòng Hành chính - Tổ chức	Thành viên
	KS. Đỗ Cao Bảo Ngọc	Nhân viên Phòng Hành chính - Tổ chức	Thành viên
	ThS. Đỗ Thị Thu	Chuyên viên Phòng Thanh tra	Thành viên
	ThS. Nguyễn Ngọc Phương Thanh	Nhân viên Khoa Sau đại học	Thành viên
Nhóm 6: Tiêu chuẩn 6 (9TC)	ThS. Nguyễn Hồ Xuân Hương	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Trưởng nhóm
	ThS. Lê Sơn Quang (a)	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
	KS. Trần Tiến	Phó Bí thư Đoàn – Chủ tịch Hội sinh viên	Thành viên
	ThS. Vũ Văn Tuấn	Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên

	CN. Nguyễn Thị Khang	Nhân viên Phòng Công tác sinh viên	Thành viên
	TS. Trần Dũng (c)	Trưởng bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 7: Tiêu chuẩn 7 (7TC)	TS. Nguyễn Vũ Quỳnh	Trưởng khoa Cơ điện – Điện tử, Trưởng phòng NCKH	Trưởng nhóm
	TS. Nguyễn Thanh Lâm	Phó Trưởng Phòng NCKH	Thành viên
	TS. Trần Thanh Tuyền	Nhân viên Phòng NCKH	Thành viên
	KS. Võ Ngọc Vinh	Nhân viên Phòng NCKH	Thành viên
Nhóm 8: Tiêu chuẩn 8 (3TC)	NGƯT.TS. Nguyễn Thị Thu Lan	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
	TS. Huỳnh Trung Tâm	Trưởng phòng Quan hệ quốc tế	Thành viên
	TS. Nguyễn Tam Sơn	Nhân viên Phòng Quan hệ quốc tế	Thành viên
Nhóm 9: Tiêu chuẩn 9 (9TC)	ThS. Huỳnh Cao Tuấn	Giám đốc Trung tâm thông tin tư liệu	Trưởng nhóm
	ThS. Châu Quang Trạng	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Thành viên
	CN. Lê Thị Hiếu	Trưởng Ban quản lý Khu nội trú	Thành viên
	CN. Vũ Thị Hiến	Nhân viên Trung tâm Thông tin Tư liệu	Thành viên
	CN. Âu Minh Hoàng	Nhân viên Phòng Quản trị thiết bị	Thành viên
Nhóm 10: Tiêu chuẩn 10 (3TC)	CN. Trần Thị Mỹ Hương	Trưởng phòng Tài chính	Trưởng nhóm
	CN. Lê Thị Thu Hà	Phó Trưởng phòng Tài chính	Thành viên
	CN. Lê Thị Kim Anh	Nhân viên Phòng Tài chính	Thành viên

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LẠCH HỒNG

TS. Lâm Thành Hiến

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá

Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91 /KH-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 25 tháng 5 năm 2016

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

- Thực hiện Kế hoạch về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2016 của Trường Đại học Lạc Hồng;
- Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo
- Đăng ký đánh giá ngoài cấp cơ sở đào tạo vào tháng 06/2017.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 316/QĐ-ĐHLH ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng Hội đồng gồm có 29 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1	Nhóm 1	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
2	2	Nhóm 2	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
3	3	Nhóm 3	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
4	4	Nhóm 4	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
5	5	Nhóm 5	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
6	6	Nhóm 6	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	

7	7	Nhóm 7	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
8	8	Nhóm 8	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
9	9	Nhóm 9	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	
10	10	Nhóm 10	Tháng 9, 10, 11, 12 năm 2016	

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

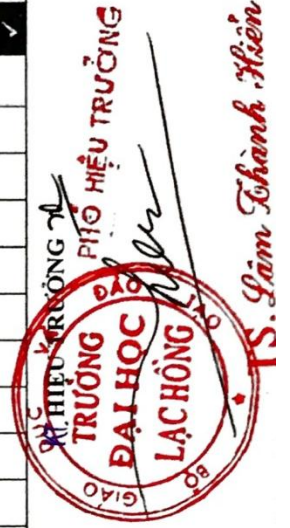
STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
1	1	<ul style="list-style-type: none"> -Cung cấp thông tin, minh chứng. -Viết báo cáo tự đánh giá. -Tổ chức đánh giá ngoài nội bộ. -Điều chỉnh báo cáo tự đánh giá sau khi đánh giá ngoài nội bộ. -Tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng trong hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên. -Tu bổ, nâng cấp cơ sở vật chất. 	<ul style="list-style-type: none"> -Nhân lực viết báo cáo tự đánh giá. -Nhân lực thu thập và tổng hợp minh chứng. -Kinh phí tổ chức các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, hội thảo tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên, tập huấn cao chuyên môn cho giảng viên, chuyên viên... -Kinh phí tu bổ, nâng cấp cơ sở vật chất. -Kinh phí đánh giá ngoài nội bộ. -Kinh phí viết báo cáo tự đánh giá. -Kinh phí đánh giá ngoài chính thức. 	Từ tháng 07/2016 đến tháng 06/2017.	
2	2				
3	3				
4	4				
5	5				
6	6				
7	7				
8	8				
9	9				
10	10				

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn khác.

7. Thời gian biểu

STT	Các hoạt động	Năm		2016						2017													
		Tháng		6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Họp Lãnh đạo Nhà trường để ra quyết định và công bố quyết định Hội Đồng tự đánh giá.			✓																			
2	Lập dự trù kinh phí cho hoạt động tự đánh giá			✓																			
3	Phổ biến tài liệu hướng dẫn liên quan đến việc thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá cho các nhóm chuyên trách				✓																		
4	Lãnh đạo Nhà trường phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ nhân viên trường.				✓																		
5	Thu thập minh chứng phục vụ báo cáo					✓																	
6	Viết báo cáo tự đánh giá						✓																
7	Trình Hội đồng tự đánh giá báo cáo tự đánh giá version 1										✓												
8	Ký hợp đồng thẩm định báo cáo tự đánh giá với Trung Tâm CEA giai đoạn 1											✓											
9	Thu thập bổ sung minh chứng và chỉnh sửa báo cáo để hoàn thiện version 2												✓										
10	Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn trường và tập hợp góp ý chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo tự đánh giá version 3													✓									
12	Nộp báo cáo tự đánh giá cho Trung tâm CEA														✓								
13	CEA thẩm định báo cáo tự đánh giá															✓							
14	Chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá theo góp ý của CEA																✓						
15	Ký hợp đồng đánh giá ngoài giai đoạn 2 với CEA																	✓					
16	Tập huấn công tác chuẩn bị tiếp đón Đoàn thẩm định																		✓				
17	Tiếp Đoàn thẩm định đánh giá ngoài chỉnh thức																			✓			



Phụ lục 3. Tổng hợp kết quả đánh giá

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: DLH
Tên trường: ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
Khối ngành: A, B, C, D
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 08/ 5/2017

Các mức đánh giá: Đ: Đạt C: Chưa đạt KĐG: Không đánh giá

1. Tiêu chuẩn 1:			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
2. Tiêu chuẩn 2:			
2.1	Đ		
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
3. Tiêu chuẩn 3:			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6	Đ		
4. Tiêu chuẩn 4:			
4.1	Đ		

6. Tiêu chuẩn 6:			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
6.5	Đ		
6.6	Đ		
6.7	Đ		
6.8	Đ		
6.9	Đ		
7. Tiêu chuẩn 7:			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4	Đ		
7.5		C	
7.6	Đ		
7.7	Đ		
8. Tiêu chuẩn:			
8.1	Đ		

4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
5.Tiêu chuẩn 5:.....			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		
5.8	Đ		

8.2	Đ		
8.3	Đ		
9.Tiêu chuẩn 9:			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
9.4	Đ		
9.5	Đ		
9.6	Đ		
9.7		C	
9.8	Đ		
9.9	Đ		
10.Tiêu chuẩn 10:			
10.1	Đ		
10.2	Đ		
10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 59 (chiếm 96.72%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 02 (chiếm 3.28%); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0%)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: tính đến 31/12/2016

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập)

Tiếng Việt: **Trường Đại học Lạc Hồng**

Tiếng Anh: **Lac Hong University**

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: **Đại học Lạc Hồng**

Tiếng Anh: **LHU**

3. Tên trước đây (nếu có):

Trường Đại học Dân lập Lạc Hồng

4. Cơ quan/Bộ chủ quản:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ trường:

Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6. Thông tin liên hệ

Điện thoại: 0613.951.050

Số fax: 0613.952.379

Email: lachong@lhu.edu.vn

Website: www.lhu.edu.vn; www.lachong.edu.vn

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):

Ngày 24 tháng 09 năm 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

Ngày 09 tháng 02 năm 1998

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

Tháng 11 năm 2002

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường:

Khái quát về lịch sử phát triển

Từ những năm 1993 – 1994 lãnh đạo tỉnh Đồng Nai đã nhìn thấy nhu cầu bức thiết phải xây dựng một trường đại học tại Biên Hòa - Đồng Nai nhằm tạo nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng đà phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh nhà. Hội nghị Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ V cũng như các Đại hội sau đó đều có Nghị quyết về thành lập trường Đại học tại TP Biên Hòa. Đó là cơ sở thuận lợi cho việc sớm ra đời một trường đại học tại Đồng Nai.

Ngày 02/06/1997, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo GS.TS Trần Hồng Quân ký quyết định công nhận Hội đồng sáng lập trường Đại học Dân lập Lạc Hồng do ông Nguyễn Trùng Phương - Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm chủ tịch. Ngày 24/9/1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định số 790/TTg chính thức cho ra đời trường Đại học Dân lập Lạc Hồng đặt tại Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 13/11/1997, trong quyết định số 3678/GD-ĐT, Bộ trưởng cho phép Trường tổ chức chiêu sinh khóa đầu tiên gồm các ngành: CNTT, Điện tử Viễn thông, Kỹ thuật Công trình, Kinh tế (với 3 chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh, Tài chính Kế toán, Thương mại Du lịch). Lần lượt các năm sau nhiều ngành mới thêm vào, cho đến nay, Trường đã có 20 ngành học khác nhau.

Ngày 22/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1801/QĐ-TTg về việc chuyển đổi loại hình của trường Đại học dân lập Lạc Hồng. Theo đó, Trường Đại học Lạc Hồng được chuyển đổi từ loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thục.

Qua 20 năm thành lập và phát triển, hiện nay Nhà trường có 12 phòng ban chức năng, 6 trung tâm, ký túc xá và 11 khoa với 20 ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, ngôn ngữ.

Các thành tích nổi bật:

Nhà trường 5 năm liên tiếp đăng quang ngôi vô địch cuộc thi sáng tạo Robocon Việt Nam (2010-2014). Năm 2016, Trường tiếp tục đăng quang ngôi

vô địch cuộc thi sáng tạo Robocon Việt Nam, 3 lần đạt giải nhì, 2 lần đạt giải ba, 1 lần đạt giải vô địch tại cuộc thi sáng tạo Robocon quốc tế (Năm 2010 đạt giải nhì; năm 2011 đạt giải ba; năm 2012 đạt giải nhì; năm 2013 đạt giải nhì và giải ba; năm 2014 đạt giải vô địch), đạt giải phong cách, giải ý tưởng tốt nhất trong nước và quốc tế.

Nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba (2007), Huân chương lao động hạng nhì (2012), Huân chương lao động hạng ba (2014), Huân chương lao động hạng nhì (2016); được nhận cờ thi đua của Chính phủ (2008-2011); nhận cờ thi đua của UBND Tỉnh (2007-2015); được nhận bằng khen của Bộ GD&ĐT, UBND Tỉnh...

Đảng bộ của trường được công nhận là “Đảng bộ trong sạch – Vững mạnh”.

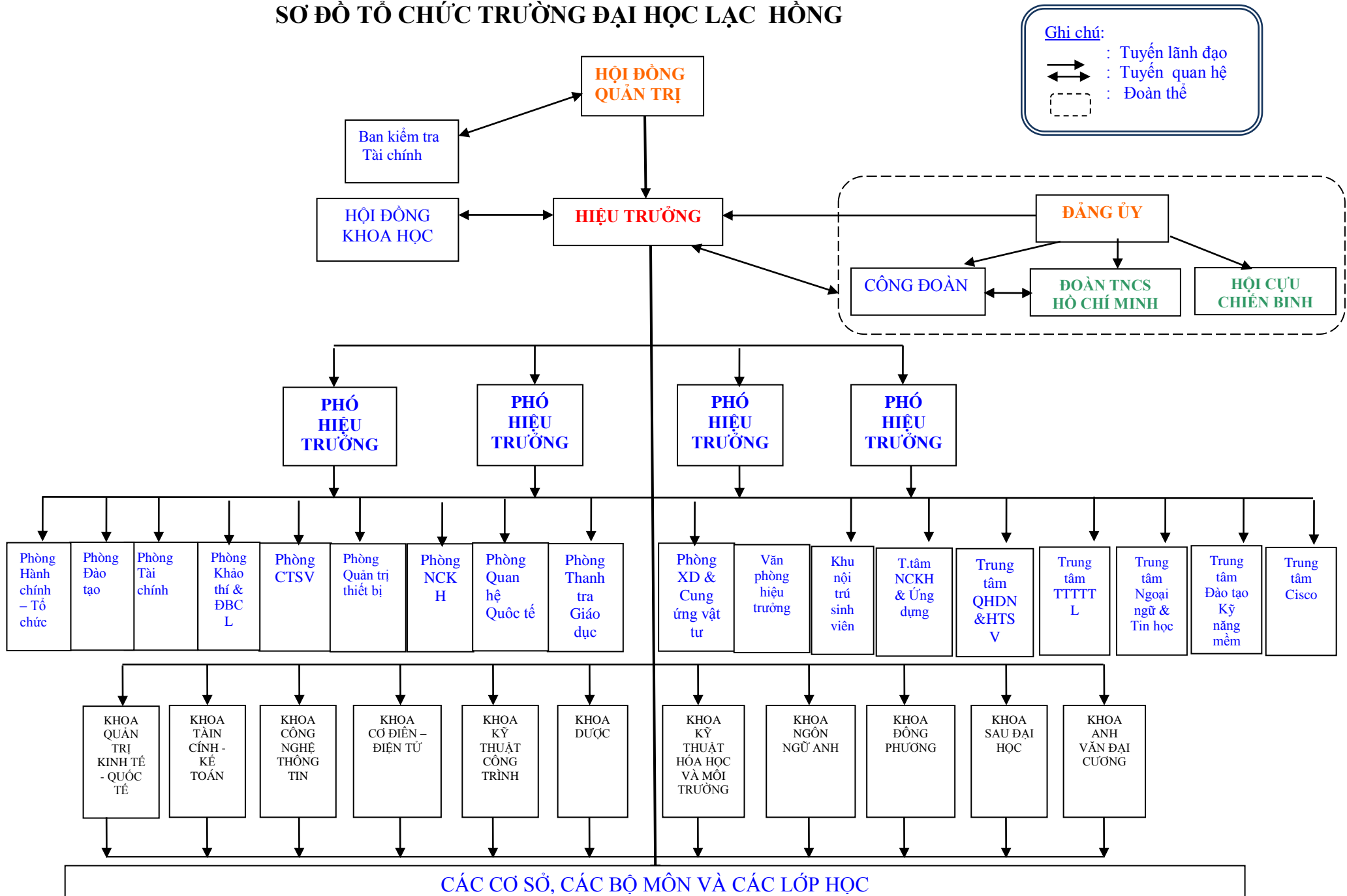
Công đoàn trường được tặng huân chương lao động hạng Ba (2013).

Đoàn thanh niên được tặng huân chương lao động hạng Ba (2013).

Nhiều đơn vị và cá nhân của trường được Chính phủ, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen và các danh hiệu cao quý khác.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

(các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
I. Ban giám hiệu			
1. Hiệu trưởng	Đỗ Hữu Tài	NGND.TS, Hiệu trưởng	0613.951.050 lachong@lhu.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Lan	NGƯT.TS, Phó Hiệu trưởng	0613.95.128 thulan@lhu.edu.vn
3. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Nam	TS, Phó Hiệu trưởng	0613.952.252 envana@hcm.vnn.vn
4. Phó Hiệu trưởng	Diệp Cẩm Thu	TS, Phó Hiệu trưởng	0613.951.046 dct3112@gmail.com
5. Phó Hiệu trưởng	Lâm Thành Hiền	TS, Phó Hiệu trưởng	0613.952.778 lthien@lhu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, hội ...			
1. Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Trùng Phương	CN, Bí thư Đảng	
2. Chủ tịch Công đoàn	Diệp Cẩm Thu	TS, Chủ tịch công đoàn	0613.951.046 dct3112@gmail.com
3. Bí thư Đoàn Trường	Lê Sơn Quang	ThS, Bí thư Đoàn Trường	0613.951.957 sonquanglhu@gmail.com
4. Chủ tịch Hội SV	Trần Tiến	KS, Chủ tịch Hội SV	0613.951.957 ttien011084@yahoo.com
III. Các phòng/ban chức năng			
1. Phòng Tổ chức – Hành chính	Trần Minh Mẫn	CN, Trưởng phòng	0613.952.138 minhmanlh@gmail.com

2. Phòng Đào tạo	Lâm Thành Hiền	TS, Trưởng phòng	0613.952.778 lthien@lhu.edu.vn
3. Phòng Nghiên cứu khoa học	Nguyễn Vũ Quỳnh	TS, Trưởng phòng	0613.951.937 nguyen_vuquynh@yahoo.com
4. Phòng Quản trị thiết bị	Châu Quang Trạng	ThS, Trưởng phòng	0618.850.595 trang20477@yahoo.com.vn
5. Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư	Nguyễn Thị Lan Hương	CN, Trưởng phòng	0618.662.444
6. Phòng Tài chính	Trần Thị Mỹ Hương	CN, Trưởng phòng	0613.952.033 myhuonglhu@gmail.com
7. Phòng Công tác sinh viên	Nguyễn Hồ Xuân Hương	ThS, Trưởng phòng	0613.952.250 nguyenhoxuanhuong.lhu@gmail.com
8. Phòng Thanh tra giáo dục	Diệp Cẩm Thu	TS, Trưởng phòng	0613.951.046 dct3112@gmail.com
9. Phòng Quan hệ quốc tế	Huỳnh Trung Tâm	TS, Trưởng phòng	0613.951.995 trungtamhuynh@yahoo.com
10. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Thụy Mai Trâm	ThS, Trưởng phòng	0618.619.211 maitram@lhu.edu.vn
<i>IV. Các trung tâm/viện/trường trực thuộc</i>			
1. Trung Tâm Tin học – Ngoại ngữ	Lê Đức Thịnh Đỗ Sĩ Trường	ThS, Phó Giám đốc	0613.953.600 truongds0217@yahoo.com
2. Trung Tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên	Trần Dũng	ThS, Phó Giám đốc	0613.951.347 trandung@yahoo.com

3. Trung Tâm thông tin tư liệu	Huỳnh Cao Tuấn	ThS, Giám đốc	0613.952.726 caotuan@lhu.edu.vn
4. Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Ứng dụng	Nguyễn Thanh Sơn	TS, Giám đốc	nguyenthanson@lhu.edu.vn
5. Trung tâm đào tạo Kỹ năng mềm	Nguyễn Hoàng Xuân Anh	TS, Phó Giám đốc	0613.952.422 xuananh@lhu.edu.vn
6. Trung tâm Cisco	Nguyễn Hoàng Liêm	ThS, Phó Giám đốc	
VI. Các khoa			
1. Khoa Công nghệ thông tin	Trần Văn Lăng	PGS.TS, Trưởng khoa	0613.952.251 lang@lhu.edu.vn
2. Khoa Quản trị kinh tế - Quốc tế	Nguyễn Văn Tân	TS, Trưởng khoa	0613.952.252 envana@hcm.vnn.vn
3. Khoa Tài chính Kế toán	Huỳnh Đức Lộng	TS, Trưởng khoa	0613.953.441 hdlong64@yahoo.com
4. Khoa Kỹ thuật công trình	Đào Xuân Lộc	PGS.TS, Trưởng khoa	0613.952.253 daolocbk@yahoo.com
5. Khoa Cơ điện – Điện tử	Nguyễn Vũ Quỳnh	TS, Trưởng khoa	0613.952.255 nguyen_vuquynh@yahoo.com
6. Khoa Ngôn ngữ Anh	Ngô Thị Xuân Liên	ThS, Trưởng khoa	0613.952.254 xlien04@yahoo.com
7. Khoa Đông Phương học	Nguyễn Thị Ánh	TS, Trưởng khoa	0613.951.926
8. Khoa Kỹ thuật Hóa học và Môi trường	Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long	TS, Trưởng khoa	0613.951.976
9. Khoa Dược	Nguyễn Tài Chí	TS, Trưởng khoa	0613.953.131 taichi@lhu.edu.vn

10. Khoa Sau đại học	Lê Thu Thủy	TS, Trưởng khoa	0613.951.924 thuylt@lhu.edu.vn
11. Khoa Anh văn Đại cương	Lê Đức Thịnh	Ths, Trưởng khoa	0618.850.894 dthinh@lhu.edu.vn
VII. Khác			
1. Ký túc xá	Lê Thị Hiếu	CN, Phụ trách KTX	0613.953.597 hieulethi52@yahoo.com

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 2

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 6

Số lượng ngành đào tạo đại học: 20

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Chính quy

Không chính quy

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

- Hoàn chỉnh kiến thức Cao đẳng lên Đại học
- Liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, Trung cấp lên Đại học

16. Tổng số các khoa đào tạo: 09 khoa

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	310	260	570
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	310	260	570
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	55	40	95
	Tổng số	365	300	665

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	4		4			
2	Phó Giáo sư	25		13		12	
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	86		33	32	21	
5	Thạc sĩ	248		181	20	44	3
6	Đại học	122		107		7	8
	Tổng số	485		338	52	84	11

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 390 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 68.42%

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường⁴: 443.5

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số	Trình độ,	Hệ	Số	Giảng viên cơ hữu	GV	GV	GV
----	-----------	----	----	-------------------	----	----	----

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

⁴ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

TT	học vị, chức danh	số quy đổi	lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	thỉnh giảng	quốc tế	quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	5.0	4		4				20
2	Phó Giáo sư	3.0	25		13		12		46.2
3	Tiến sĩ khoa học	2.0	0						0
4	Tiến sĩ	2.0	86		33	32	21		93.6
5	Thạc sĩ	1.0	248		181	20	44	3	196.4
6	Đại học	0.5	122		107		7	8	55
	Tổng		485		338	52	84	11	411.2

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 5,0; 3,0; 2,0; 1,0;; 0,5; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = \text{cột 3} * (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 * \text{cột 7} + 0,2 * \text{cột 8} + 0,2 * \text{cột 9})$$

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	4	1.03	4	0	0	0	0	0	4
2	Phó Giáo sư	13	3.33	9	4	0	0	0	0	13
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	65	16.67	43	22	1	25	8	11	20
5	Thạc sĩ	201	51.54	106	95	47	136	14	2	2
6	Đại học	107	24.44	53	54	74	24	5	1	3
	Tổng	390		215	175	122	185	27	14	42

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	21.4	74.53
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	26.94	16.47
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	28.55	8.5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	4.54	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	18.57	0

	Tổng	100	100
--	------	-----	-----

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36.89 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 21.03 %

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 51.54 %

IV. Người học

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2011– 2012	4517	2454	1.9	2402	A,D: 13 B,C: 14	13.5	5
2012– 2013	3033	2408	1.3	1683	A: 13.0 A1: 13.0 B: 14.0 C: 14.5 D: 13.5	13.7	4
2013– 2014	3673	2238	1.7	2138	A: 13.0 A1: 13.0 B: 14.0 C: 14.0 D: 13.5	15.2	23
2014– 2015	1933	2249	0.9	1775	A: 13 A1: 13 B: 14 C: 13 D: 13	16.2	2
2015-2016	2440	1524	1.6	1480	A: 15 A1: 15 B: 15	17.2	4

					C: 15 D: 15		
--	--	--	--	--	----------------	--	--

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường tính đến thời điểm ngày 31/12/2016 : 6.862 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2011–2012	2012–2013	2013–2014	2014–2015	2015–2016
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	10	20
2. Học viên cao học	167	200	300	260	270
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:	2810	2850	2880	2780	1763
Hệ chính quy	2402	1683	2138	1775	1480
Hệ không chính quy	73	0	0	0	0

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 6.862

Tổng số sinh viên quy đổi: 7.174

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): $7.174/447 = 16$

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2011–2012	2012–2013	2013–2014	2014–2015	2015–2016
Số lượng	5	4	23	2	4
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0.18%	0.20%	0.88%	0.09%	0.20%

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2011–2012	2012–2013	2013–2014	2014–2015	2015–2016
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	270	270	270	270	270
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	3015	4862	3584	2655	2562
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	HKI 684 HKII 620	HKI 650 HKII 573	HKI 673 HKII 575	HKI 664 HKII 516	HKI 635 HKII 525
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	6,64	6,98	6,75	6,84	7,15

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2011–2012	2012–2013	2013–2014	2014-2015	2015-2016
Số lượng (người)	905	1083	1016	628	171
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	34	54	39.25	28.74	8.8

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011–2012	2012–2013	2013–2014	2014-2015	2015-2016
1. Học viên tốt nghiệp cao học	60	87	106	157	264
2. Sinh viên tốt nghiệp đại học	3285	3076	3069	2823	2739

Trong đó:					
Hệ chính quy	2958	2875	2712	2535	2496
Hệ không chính quy	327	201	357	188	143

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011– 2012	2012– 2013	2013– 2014	2014– 2015	2015– 2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	3285	3076	3069	2823	2739
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	62%	64%	56%	70%	96%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	56.28	59.37	63.22	65.53	73.25
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ</i>	12.92	13.63	14.51	15.04	16.82

<i>học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	30.8	27	22.26	19.42	9.94
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp					
Đợt 1	60.33%	63.43%	60.61%	64.75%	72.40%
Đợt 2	70.75%	69.13%	68.78%	70.78%	76.89%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp					
Đợt 3	98,42%.	80,12%.	88,34%.	80,67%.	90,26%.
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	12.45%	7.75%	19.8%	19.01%	28.06%

4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	Nhà trường có khảo sát nhưng chưa bao hàm nội dung này	5,2 tr /tháng	5,82 tr /tháng	5,51 tr /tháng	6,14tr /tháng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	55.50%	79.71%	83.43%	72.69%	74.50%
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	31.57%	17.71%	12.29%	22.01%	20.50%
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	12.93%	2.58%	4.28%	5.3%	5.0%

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

ST T	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	182	65	40	53	68	204
4	Tổng		182	65	40	53	68	204

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 204

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.52

28. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
-----	-----	--	---	---

1	2011 - 2012	6	0.00000000004	
2	2012 - 2013	90	0.00000000057	
3	2013 - 2014	92	0.00000000057	
4	2014 - 2015	20.8	0.00000000012	
5	2015 - 2016	724	0.0000000038	1.856.410

29. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			12	
Từ 4 đến 6 đề tài			35	
Trên 6 đề tài			5	
Tổng số cán bộ tham gia			52	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

30. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5	1			1		3
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng		1			1		3

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học

hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 3

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $3/570=0.0053$

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		10	4	
Từ 4 đến 6 cuốn sách		1		
Trên 6 cuốn sách	5	11		
Tổng số cán bộ tham gia	5	22	4	

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

S T T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014 - 2015	2015 - 2016	
1	Tạp chí KH quốc tế (nước ngoài)	1,5	1	9	24	30	32	144
2	Tạp chí KH cấp ngành trong nước	1,0	7	15	38	16	18	94
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	182	65	40	53	68	204
4	Tổng		190	89	102	99	118	442

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học

hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 442

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.78

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	26	44	214
Từ 6 đến 10 bài báo	4	3	8
Từ 11 đến 15 bài báo	1	1	0
Trên 15 bài báo	3	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	34	49	222

34. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	3	6	6	3	20
2	Hội thảo trong nước	0,5	6	9	14	14	1	22
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		8	12	20	20	4	44

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).**

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 44

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.08

35. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	12	18	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	18	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

36. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2011-2012	

2012-2013	1 (Đài Loan, 04/2013, Nguyễn Thanh Lâm)
2013-2014	3 (Đài Loan, 11/2013, Nguyễn Thanh Lâm)
2014-2015	
2015-2016	

37. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

37.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	405	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	405	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

37.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu	Số lượng				
		2011-	2012-	2013-	2014-	2015-

	khoa học	2012	2013	2014	2015	2016
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	155	117	58	49	56
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	52	64	41

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

38. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 172.952,40

39. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.264,52 Nơi học: 18.928,5 Nơi vui chơi giải trí: 9.201,2

40. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 17.943

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.62

41. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 17.836 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: cuốn.

42. Tổng số máy tính của trường: 1.561

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 380

- Dùng cho sinh viên học tập: 1.181

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0.17

43. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

Năm 2011: 147.912.458.822

Năm 2012: 156.637.102.256

Năm 2013: 160.615.920.108

Năm 2014: 169.702.232.445

Năm 2015: 189.908.919.516

44. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

Năm 2011-2012: 135.888.080.000

Năm 2012-2013: 134.920.530.000

Năm 2013-2014: 152.326.793.000

Năm 2014-2015: 161.720.036.000

Năm 2015-2016: 167.614.780.000

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 390

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 68.42

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 21.03

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 51.54

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 6.862

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 7.174

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 16.17

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 96

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 73.25

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 16.82

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 83,61

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 16,31

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 5,85 triệu/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 73,39

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 26,61

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.52

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 1.856.410

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.0053

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.78

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.08

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0.17

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.62

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 0.66